Số: 28/BC-CĐLC
Thời gian ký: 2025-02-24T11:15:14+07:00

**Bộ, tỉnh:Lào Cai** **Mẫu số 08a-ĐK/TSC**
**Cơ quan quản lý cấp trên: UBND tỉnh Lào Cai**
**Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Cao đẳng Lào Cai**
**Mã đơn vị: 1043036**
**Loại hình đơn vị: Sự nghiệp công lập**

**BÁO CÁO TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG**
**Ngày báo cáo: 20 tháng 02 năm 2025**

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| **I- Đất khuôn viên** | | | | | | | | | |
| - Diện tích khuôn viên đất | 135.664 | m2 | x | | | | | | |
| - Diện tích khuôn viên đất | 90.800 | m2 | x | | | | | | |
| **II- Nhà** | | | | | | | | | |
| Nhà trụ sở chính phường Bình Minh (Trung cấp Y giai đoạn 1 HM 1: Nhà hợp khối+ TB+ phụ trợ; HM 2: Nhà hội trường + ngoại thất; HM 3: PCCC) | 1 | HM | | x | | | | | |
| Nhà hiệu bộ | 1 | HM | | x | | | | | |
| Nhà lớp học số 1 | 1 | HM | | x | | | | | |
| Nhà KTX số 3 và nhà bếp ăn | 1 | HM | | x | | | | | |
| Nhà luyện tập đa năng | 1 | HM | | x | | | | | |
| Nhà thư viện , nhà ở Giáo viên thỉnh giảng | 1 | HM | | x | | | | | |
| Nhà xưởng số 1,2,3 BS 3 nhà VS | 1 | HM | | x | | | | | |
| Nhà KTX số 2 | 1 | HM | | x | | | | | |
| Nhà xưởng thực hành số 4 | 1 | HM | | x | | | | | |
| Nhà lớp học số 2 | 1 | HM | | x | | | | | |
| Sửa chữa, cải tạo các hạng mục Trường CĐ Lào Cai | 1 | HM | | x | | | | | |
| Sửa chữa, cải tạo, làm mới nhà xưởng khoa điện Trường CĐ Lào Cai | 1 | HM | | x | | | | | |
| Nhà lưới khoa nông lâm tại trụ sở chính | 1 | HM | | x | | | | | |
| Cải tạo, Sửa chữa một số hạng mục công trình Trường CĐ Lào Cai | 1 | HM | | x | | | | | |
| Cải tạo, sửa chữa và mở rộng nhà thực hành Khoa Kinh tế - Du lịch, trường Cao đẳng Lào Cai | 1 | HM | | x | | | | | |
| Nhà ký túc xá, nhà ăn bếp, kho, nhà vệ sinh, ngoại thất tại trụ sở tổ 5, phường Bình Minh | 1 | HM | | x | | | | | |
| Nhà lớp học kết hợp Văn phòng khoa Văn hóa – Nghệ thuật tại cơ sở Bắc Cường | 1 | HM | | x | | | | | |
| Nhà ký túc xá 5 tầng tại cơ sở Bắc Cường | 1 | HM | | x | | | | | |
| Nhà đặt máy bơm PCCC tại cơ sở Bắc Cường | 1 | HM | | x | | | | | |
| Nhà xưởng thực hành xây dựng tại trụ sở phường Bình Minh | 1 | HM | | x | | | | | |
| Tháo dỡ, di chuyển và xây dựng mới một số hạng mục công trình tại Trường Cao đẳng Lào Cai (Nhà điều hành, nhà vệ sinh, nhà chờ) | 1 | HM | | x | | | | | |
| **III- Xe ô tô** | | | | | | | | | |
| **I- Xe phục vụ chức danh** | | | | | | | | | |
| Xe ô tô Mitsubishi 4x4 AT (loại 2 cầu), ngoại thất màu đen, nội thất tối màu; Model code: Parejo Sport GLS Mã KS1WGUPFPL; số khung: MMBGUKS10NH014448; số máy: 4N15UJP3603; BKS: 24A - 005.05 | 1 | Cái | x | | | | | | |
| **II- Xe phục vụ chung** | | | | | | | | | |
| Xe ô tô 5 chỗ gầm thấp 24C - 8368 | 1 | Cái | x | | | | | | |
| Xe ô tô 16 chỗ TRANISIT 24C-6479 | 1 | Cái | x | | | | | | |
| Xe ô tô tải 1.25 tấn thaco 24C - 092.13 | 1 | Cái | x | | | | | | |
| Sửa chữa lớn xe ô tô 16 chỗ TRANISIT 24C-6479 | 1 | Cái | x | | | | | | |
| **II- Xe phục vụ đào tạo** | | | | | | | | | |
| Xe ô tô TOYOTA Vios 5 chỗ ngồi 2006 BKS 24C - 004.39 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Xe ô tô ToYoTa Hiace Commuter 15 chỗ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Xe ô tô toyota camry 24A - 005.16 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| **II- Xe chuyên dùng** | | | | | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Xe ô tô bán tải FORD D8, 4x4 AT (loại 2 cầu), ngoại thất màu trắng, nội thất tối màu; Model code : RANGER DBCR2YNEUEL1; số khung: RL2UMFF60NMR24497; số máy: YN2QPNM24497; BKS: 24A-004.84 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Xe Ô Tô khách Nhãn hiệu: THACO; Số loại: TB81S-29D Số chỗ : 29 ghế ngồi; Màu sơn: Theo Market; Động cơ Diesel WP4.1NQ170E40; loại 4 kỳ, 4 xy lanh thẳng hàng, tăng áp. | 1 | Cái | | x | | | | | |
| **IV- Tài sản cố định khác** | | | | | | | | | |
| **Loại tài sản: Các vật kiến trúc khác** | | | | | | | | | |
| San nền đường bộ và hệ thống thoát nước | 1 | HM | | x | | | | | |
| Hạng mục kè đá, lát gạch, hồ trồng cây, bồn hoa, trồng cỏ | 1 | HM | | x | | | | | |
| Kè gia cố bồ hồ | 1 | HM | | x | | | | | |
| Hạng mục ngoại thất | 1 | HM | | x | | | | | |
| Giá mạ kẽm, giàn treo cây mạ kẽm | 1 | HM | | x | | | | | |
| San tạo mặt bằng, đường giao thông nội bộ | 1 | HM | | x | | | | | |
| Kè sau làn dân cư đường B3 (phố Châu Úy) và QL 4E (phố Lê Thanh) (GĐ 2) | 1 | HM | | x | | | | | |
| Đào hót sụt sạt Trường CĐCĐ cũ | 1 | HM | | x | | | | | |
| Hệ thống cấp nước ngoài nhà | 1 | HM | | x | | | | | |
| Hệ thống cấp điện ngoài nhà | 1 | HM | | x | | | | | |
| Tài sản, thiết bị hệ thống nhà lưới khoa nông lâm tại trụ sở chính | 1 | HM | | x | | | | | |
| Sửa chữa cổng và biển tên Trường Cao đẳng Lào Cai tại trụ sở chính phường Bình Minh | 1 | HM | | x | | | | | |
| Ngoại thất tại Cơ sở phường Bắc Cường | 1 | HM | | x | | | | | |
| Tháo dỡ, di chuyển và xây dựng mới một số hạng mục công trình tại Trường Cao đẳng Lào Cai (Sân nền, ngoại thất) | 1 | HM | | x | | | | | |
| **Loại tài sản: Phương tiện vận tải** | | | | | | | | | |
| Xe nâng hạ lốp lái bằng vô lăng FD 15 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Xe máy điện DK bike màu xanh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| **Loại tài sản: Máy móc, thiết bị đào tạo chuyên môn** | | | | | | | | | |
| Bàn thực hành cảm biến | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành cảm biến | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành cảm biến | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành cảm biến | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành cảm biến | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy nén 1HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy nén 1HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm máy biến áp 1 pha S=>500VA | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm máy biến áp 1 pha S=>500VA | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm máy biến áp 1 pha S=>500VA | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm máy biến áp 1 pha S=>500VA | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm máy biến áp 1 pha S=>500VA | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm máy biến áp 3 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm máy biến áp 3 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm máy biến áp 3 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm máy biến áp 3 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm máy biến áp 3 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm động cơ 1 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm động cơ 1 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm động cơ 1 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm động cơ 1 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm động cơ 1 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm đông cơ 3 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm đông cơ 3 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm đông cơ 3 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm đông cơ 3 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm đông cơ 3 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm máy phát điện xoay chiều 1 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm máy phát điện xoay chiều 1 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm máy phát điện xoay chiều 1 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm máy phát điện xoay chiều 1 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm máy phát điện xoay chiều 1 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm máy phát điện xoay chiều 3 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm máy phát điện xoay chiều 3 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm máy phát điện xoay chiều 3 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm máy phát điện xoay chiều 3 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Bộ thí nghiệm máy phát điện xoay chiều 3 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm tính thuận nghịch máy điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm tính thuận nghịch máy điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm tính thuận nghịch máy điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm tính thuận nghịch máy điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm tính thuận nghịch máy điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm động cơ 3 pha roto dây quấn | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm động cơ 3 pha roto dây quấn | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm động cơ 3 pha roto dây quấn | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm động cơ 3 pha roto dây quấn | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm động cơ 3 pha roto dây quấn | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện lạnh chuyên dụng | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện lạnh chuyên dụng | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện lạnh chuyên dụng | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện lạnh chuyên dụng | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện lạnh chuyên dụng | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện lạnh chuyên dụng | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bàn thực hành lập trình PLS S7 200CPU 224 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành lập trình PLS S7 200CPU 224 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành lập trình PLS S7 200CPU 224 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành lập trình PLS S7 200CPU 224 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành lập trình PLS S7 200CPU 224 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành lập trình PLS S7 200CPU 224 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành lập trình PLS S7 200CPU 224 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành lập trình PLS S7 200CPU 224 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình điều khiển động cơ Sero | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình điều khiển động cơ Sero | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình điều khiển động cơ Sero | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình điều khiển động cơ Sero | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình điều khiển động cơ Sero | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành khí nén | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành khí nén | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành khí nén | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành khí nén | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành khí nén | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành khí nén | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình chống sét | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình chống sét | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính tiền | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành tháo lắp | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành tháo lắp | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành tháo lắp | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ điện - thực hành kỹ thuật cảm biến | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ tóp ống điều hòa thủy lực | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Các bộ phận của hệ thống điện ô tô | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận của hệ thống điện ô tô | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận của hệ thống điện ô tô | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phân hệ thống phanh hơi | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phân hệ thống phanh hơi | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống điều hòa ô tô | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống cung cấp nhiên liệu động cơ Diezen | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống cung cấp nhiên liệu động cơ Diezen | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống cung cấp nhiên liệu động cơ Diezen | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Giá xoay tháo lắp động cơ chuyên dùng loại trung | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Giá xoay tháo lắp động cơ chuyên dùng loại trung | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Giá xoay tháo lắp động cơ chuyên dùng loại trung | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống làm mát | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống làm mát | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống làm mát | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống phanh dầu | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống truyền lực ( cho tháo lắp) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy rửa nước áp lực cao hai chế độ nóng lạnh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Súng vặn ốc vận hành bằng khí nén | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Súng vặn ốc vận hành bằng khí nén | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Súng vặn ốc vận hành bằng khí nén | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ dụng cụ chuyên dùng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ dụng cụ chuyên dùng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Vam tháo lò xo giảm xóc hoạt động bằng khí nén | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ 4 kỳ dùng cho học sinh tháo lắp | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Băng thử phanh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ kiểm tra hệ thống phun xăng điện tử | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống điều hòa điều khiển qua ECU | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Xe đẩy chi tiết | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Xe đẩy chi tiết | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Xe đẩy chi tiết | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ 4 kỳ đào tạo kỹ năng tháo lắp động cơ phun xăng điện tự đa điểm | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ 4 kỳ đào tạo kỹ năng tháo lắp động cơ phun xăng điện tự đa điểm | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ 4 kỳ đào tạo kỹ năng tháo lắp động cơ Diezel điều khiển điện tử Common Rail | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị kiểm tra góc đặt bánh xe | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ súng phun sơn | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ súng phun sơn | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Máy nạp ác quy có trợ đề | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy nén khí KTE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống nhiên liệu động cơ Diezel | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy ép Tuy ô thủy lực ZH - B | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tán rive má phanh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống điện thân xe | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hộp dụng cụ chuyên dùng 108 chi tiết | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hộp dụng cụ chuyên dùng 108 chi tiết | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống phun xăng điện tử | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống phun xăng điện tử | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy khoan bàn | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ ro to cỡ to quấn dây | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ ro to cỡ to quấn dây | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ ro to cỡ to quấn dây | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ ro to cỡ to quấn dây | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ ro to cỡ to quấn dây | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ ro to cỡ to quấn dây | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ thực hành điện tử cơ bản | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành điện tử cơ bản | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành điện tử cơ bản | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành điện tử cơ bản | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bàn thực hành PLC Simen S7 -200- CPU 224-24V DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành PLC Simen S7 -200- CPU 224-24V DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành PLC Simen S7 -200- CPU 224-24V DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành PLC Simen S7 -200- CPU 224-24V DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành PLC Simen S7 -200- CPU 224-24V DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành PLC Simen S7 -200- CPU 224-24V DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành PLC Simen S7 -200- CPU 224-24V DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành PLC Simen S7 -200- CPU 224-24V DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành PLC Simen S7 -200- CPU 224-24V DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành PLC Simen S7 -200- CPU 224-24V DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành PLC Simen S7-300-CPU 312-24V DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành PLC Simen S7-300-CPU 312-24V DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành PLC Simen S7-300-CPU 312-24V DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành PLC Simen S7-300-CPU 312-24V DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành PLC Simen S7-300-CPU 312-24V DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành PLC Simen S7-300-CPU 312-24V DC | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Bàn thực hành PLC Simen S7-300-CPU 312-24V DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành PLC Simen S7-300-CPU 312-24V DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành PLC Simen S7-300-CPU 312-24V DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành PLC Simen S7-300-CPU 312-24V DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề gia công ống SP | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề gia công ống SP | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề gia công ống SP | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bàn thực hành điện tử công suất | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành điện tử công suất | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ thực hành kỹ thuật số | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành kỹ thuật số | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành kỹ thuật số | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành kỹ thuật số | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành kỹ thuật xung | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành kỹ thuật xung | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành kỹ thuật xung | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành kỹ thuật xung | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành kỹ thuật xung | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ cabin thực tập lắp đặt máy lạnh và điều hòa không khí | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ cabin thực tập lắp đặt máy lạnh và điều hòa không khí | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm bảo vệ rơ le | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm bảo vệ rơ le | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm bảo vệ rơ le | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm bảo vệ rơ le | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm bảo vệ rơ le | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Ca bin lắp đặt điện chiếu sáng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin lắp đặt điện chiếu sáng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Khí cụ điện ( Bộ TN khí cụ điện) | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Khí cụ điện ( Bộ TN khí cụ điện) | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Khí cụ điện ( Bộ TN khí cụ điện) | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Mô hình điều khiển đèn giao thông | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình điều khiển băng tải | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình điều khiển thang máy | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình bình trộn | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình dàn trải động cơ Secvor | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình dàn trải hệ thống chống sét | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình dàn trải máy giặt | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình lò điện | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình mạch điện cầu trục | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình mạch điện máy Doa | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình mạch điện máy Khoan | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình mạch điện máy Phay | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình mạch điện máy Tiện | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình mạch khống chế các lò điện | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành điện khí nén | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành điện khí nén | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành điện khí nén | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hiện sóng GDS207 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hiện sóng GDS207 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hiện sóng GDS207 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hiện sóng GDS207 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hiện sóng GDS207 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hiện sóng GDS207 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hiện sóng GDS207 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hiện sóng GDS207 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hiện sóng GDS207 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hiện sóng GDS207 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy phát điện xoay chiều 3 pha | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy phát điện xoay chiều 3 pha | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy phát điện xoay chiều 3 pha | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành điện tử cơ bản | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành điện tử cơ bản | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm bảo vệ rơ le | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm bảo vệ rơ le | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm bảo vệ rơ le | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm bảo vệ rơ le | 1 | Bộ | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Bàn thực hành kỹ thuật xung | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành kỹ thuật xung | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành kỹ thuật xung | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành kỹ thuật xung | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành kỹ thuật xung | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ thực hành kỹ thuật số | 1 | | | x | | | | | |
| Bộ thực hành kỹ thuật số | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành kỹ thuật số | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành kỹ thuật số | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành kỹ thuật số | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Cảm biến modul các loại | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cảm biến modul các loại | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ lập trình EASY | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ lập trình EASY | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ lập trình EASY | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ lập trình EASY | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ lập trình LOGO | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ lập trình LOGO | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ lập trình LOGO | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ lập trình LOGO | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Máy thu hồi ga | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ thực hành điện tử cơ bản | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành điện tử cơ bản | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành điện tử cơ bản | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành điện tử cơ bản | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành điện tử cơ bản | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bàn thực hành điện tử công suất | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành điện tử công suất | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành điện tử công suất | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành điện tử công suất | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành điện tử công suất | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành điện khí nén | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành điện khí nén | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ thực hành điện xoay chiều | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành điện xoay chiều | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành điện xoay chiều | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành điện xoay chiều | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành điện xoay chiều | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành điện xoay chiều | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành điện xoay chiều | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành điện xoay chiều | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành điện xoay chiều | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành điện xoay chiều | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Mô hình băng tải hoạt động được điều khiển bằng PLC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình băng tải hoạt động được điều khiển bằng PLC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình băng tải hoạt động được điều khiển khí cụ điện | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình băng tải hoạt động được điều khiển khí cụ điện | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình mạch điện cầu trục | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình mạch điện cầu trục | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ lập trình LOGO, V8 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ lập trình LOGO, V8 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ lập trình LOGO, V8 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ lập trình LOGO, V8 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ lập trình LOGO, V8 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ lập trình LOGO, V8 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ lập trình LOGO, V8 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ lập trình LOGO, V8 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ lập trình Zen | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ lập trình Zen | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ lập trình Zen | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ lập trình Zen | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ lập trình Zen | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành PLC | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành PLC | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành PLC | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành PLC | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành PLC | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành PLC | 1 | Bộ | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Bộ thực hành PLC | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành PLC | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành PLC | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành PLC | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ điều khiển tốc độ động cơ điện 1 chiều biến đổi DC-DC | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ điều khiển tốc độ động cơ điện 1 chiều biến đổi DC-DC | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ điều khiển tốc độ động cơ điện 1 chiều biến đổi DC-DC | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ điều khiển tốc độ động cơ điện 1 chiều biến đổi DC-DC | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ điều khiển tốc độ động cơ điện 1 chiều biến đổi DC-DC | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ điều khiển tốc độ động cơ điện 1 chiều biến đổi DC-DC | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ điều khiển tốc độ động cơ điện 1 chiều biến đổi DC-DC | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ điều khiển tốc độ động cơ điện 1 chiều biến đổi DC-DC | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ điều khiển tốc độ động cơ điện 1 chiều biến đổi DC-DC | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ điều khiển tốc độ động cơ điện 1 chiều biến đổi DC-DC | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ điều khiển tốc độ động cơ điện 1 chiều biến đổi DC-DC | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ điều chỉnh tốc độ động cơ điện soay chiều 3 pha dùng biến tần | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ điều chỉnh tốc độ động cơ điện soay chiều 3 pha dùng biến tần | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ điều chỉnh tốc độ động cơ điện soay chiều 3 pha dùng biến tần | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ điều chỉnh tốc độ động cơ điện soay chiều 3 pha dùng biến tần | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ điều chỉnh tốc độ động cơ điện soay chiều 3 pha dùng biến tần | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ điều chỉnh tốc độ động cơ điện soay chiều 3 pha dùng biến tần | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ điều chỉnh tốc độ động cơ điện soay chiều 3 pha dùng biến tần | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ điều chỉnh tốc độ động cơ điện soay chiều 3 pha dùng biến tần | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ điều chỉnh tốc độ động cơ điện soay chiều 3 pha dùng biến tần | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm máy phát điện soay chiều 1 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm máy phát điện soay chiều 1 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm máy phát điện soay chiều 1 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm máy phát điện soay chiều 1 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm máy phát điện soay chiều 1 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm máy phát điện soay chiều 3 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm máy phát điện soay chiều 3 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm máy phát điện soay chiều 3 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm máy phát điện soay chiều 3 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm máy phát điện soay chiều 3 pha | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Máy mài hai đá | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy mài hai đá | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ phân phối điện 3 pha | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ phân phối điện 3 pha | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ phân phối điện 3 pha | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ phân phối điện 3 pha | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ phân phối điện 3 pha | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Crônha | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Crônha | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Crônha | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Crônha | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Crônha | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin lắp đặt điện chiếu sáng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin lắp đặt điện chiếu sáng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin lắp đặt điện chiếu sáng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin lắp đặt điện chiếu sáng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin lắp đặt điện chiếu sáng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin lắp đặt điện chiếu sáng | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Ca bin lắp đặt điện chiếu sáng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin lắp đặt điện chiếu sáng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin lắp đặt điện chiếu sáng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin lắp đặt điện chiếu sáng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin lắp đặt điện chiếu sáng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin lắp đặt điện chiếu sáng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin lắp đặt điện chiếu sáng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin lắp đặt điện chiếu sáng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin lắp đặt điện chiếu sáng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin lắp đặt điện chiếu sáng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin lắp đặt điện chiếu sáng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin lắp đặt điện chiếu sáng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin lắp đặt điện chiếu sáng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin lắp đặt điện chiếu sáng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Khí cụ điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Khí cụ điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Khí cụ điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Khí cụ điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Khí cụ điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Khí cụ điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Khí cụ điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Khí cụ điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Khí cụ điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Khí cụ điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Khí cụ điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Khí cụ điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Khí cụ điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Khí cụ điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Khí cụ điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Khí cụ điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Khí cụ điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Khí cụ điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Khí cụ điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Khí cụ điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Dụng cụ đo lường điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Dụng cụ đo lường điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Dụng cụ đo lường điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Dụng cụ đo lường điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Dụng cụ đo lường điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Dụng cụ đo lường điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Dụng cụ đo lường điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Dụng cụ đo lường điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Dụng cụ đo lường điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Dụng cụ đo lường điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành mạch điện 1 chiều | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành mạch điện 1 chiều | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành mạch điện 1 chiều | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành mạch điện 1 chiều | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành mạch điện 1 chiều | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Tủ sấy | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ sấy | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ sấy | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ sấy | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Kính hiển vi 2 mắt Olympus CX21 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Kính hiển vi 2 mắt Olympus CX21 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| MH thực tập tiêm tĩnh mạch cánh tay P50 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ tranh giải phẫu các loại 3B-Đức | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình tiêm cánh tay tĩnh mạch KH P50 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình giải phẫu bán thân KH B11 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình giải phẫu xương toàn thân KH A10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình tháo thụt KH LE009574U | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình tháo thụt bán thân LF00957U | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình tiêm tĩnh mạch cánh tay P50 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình điều dưỡng đa năng P10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình giải phẫu bán thân có phủ tạng B32 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình bộ xương người tháo rời có màu sắc A05/2 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bếp Á họng 5A1 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bếp Á họng 5A1 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bếp Á họng 5A1 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bếp Á họng 5A1 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ hấp 3 ngăn | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bếp á điện từ | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Bếp á quạt thổi | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy uốn sắt thực hành xây dựng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cắt sắt thực hành xây dựng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy uốn sắt tự động thực hành xây dựng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn lạnh 3 cánh công nghiệp Master cool | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Lò nướng bánh 3 tầng 9 khay | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ ăn uống | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ chờ phục vụ khách ăn | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ chờ phục vụ khách ăn | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Quầy bar, kệ trưng bày rượu, chậu rửa Inox, giá treo ly | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy pha cà phê | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mini Bar | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mini Bar | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy bắn tập GDQP MBT-03 model SH1/GDQP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy bắn tập GDQP MBT-03 model SH1/GDQP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Quầy chậu thực hành | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Quầy chậu thực hành | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Quầy chậu thực hành | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Quầy chậu thực hành | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Chụp hút mùi | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình chăm sóc bệnh nhân | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình chăm sóc trẻ em 5 tuổi | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình chăm sóc trẻ em 1 tuổi | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình chăm sóc trẻ sơ sinh nâng cao | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành tiêm và lấy mẫu máu | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình cánh tay đào tạo và tiêm tĩnh mạch đa năng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình cánh tay đào tạo tiêm trẻ em 5 tuổi | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình cánh tay đào tạo tiêm trẻ em sơ sinh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình tiêm cơ mông | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình tiêm bụng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ thực hành đào tạo thực hành khâu và dập ghim phẫu thuật | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ gồm hai mô hình băng bó mỏm cụt | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Mô hình điều trị vết loét | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình vết thương chân | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình đào tạo đặt ống xông ăn đường mũi và chăm sóc lỗ mở khí quản | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình đào tạo thụt tháo bằng Glycerin và lấy phân ra khỏi cơ thể | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thông tiểu nam giới | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thông tiểu nữ giới | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình đào tạo hút dịch | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình mô phỏng tiếng tim và phổi người lớn | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình mô phỏng tiếng tim và phổi trẻ em 5 tuổi | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình mô phỏng tiếng tim và phổi trẻ em 1 tuổi | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình chăm sóc hồi sinh tim phổi người lớn | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình chăm sóc hồi sinh tim phổi trẻ em 5 tuổi | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình chăm sóc hồi sinh tim phổi và chăm sóc chấn thương trẻ sơ sinh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình đào tạo đường thở người lớn | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình đào tạo đường thở trẻ em 5 tuổi | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình đào tạo đường thở trẻ sơ sinh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình sản khoa | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy nén píttông nửa kín H300CC/ Dorin/ Ytalia | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy nén píttông nửa kín H300CC/ Dorin/ Ytalia | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy nén píttông nửa kín H300CC/ Dorin/ Ytalia | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy nén píttông hở 4T.2Y/ Bitzer | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình Kho lạnh.MHKL01-7 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống điều hòa không khí trung tân VRV MHTT070R | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình máy điều hoà không khí một cụm MH1RS07 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình máy điều hoà không khí một cụm MH1RS07 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình máy điều hoà không khí một cụm MH1RS07 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình máy điều hoà không khí hai cụm MHSS02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình máy điều hoà không khí hai cụm MHSS02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình máy điều hoà không khí hai cụm MHSS02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình dàn trải tủ lạnh làm lạnh trực tiếp MHRS03 | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Mô hình dàn trải tủ lạnh làm lạnh gián tiếp MHRS03 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị trao đổi nhiệt đối lưu tự nhiên và trao đổi nhiệt đối lưu cưỡng bức XNS25H-3Q | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị trao đổi nhiệt đối lưu tự nhiên và trao đổi nhiệt đối lưu cưỡng bức XNS25H-3Q | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình tủ đông tiếp xúc. MHRSX08-P | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ điện điều khiển hệ thống lạnh công nghiệp. Sandbox S66D/ HAWEE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ điện điều khiển hệ thống lạnh công nghiệp. Sandbox S66D/ HAWEE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ điện điều khiển hệ thống lạnh công nghiệp. Sandbox S66D/ HAWEE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ điện điều khiển hệ thống lạnh công nghiệp. Sandbox S66D/ HAWEE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ điện điều khiển hệ thống lạnh công nghiệp. Sandbox S66D/ HAWEE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ điện điều khiển hệ thống lạnh công nghiệp. Sandbox S66D/ HAWEE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ điện điều khiển hệ thống điều hoà không khí trung tâm ATSQ86R | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ điện điều khiển hệ thống điều hoà không khí trung tâm ATSQ86R | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ điện điều khiển hệ thống điều hoà không khí trung tâm ATSQ86R | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình dàn trải hệ thống lạnh MHSP 3L-D | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình dàn trải hệ thống lạnh MHSP 3L-D | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình dàn trải hệ thống lạnh MHSP 3L-D | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình dàn trải trang bị điện hệ thống lạnh. MHSP 3LCC-D | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình dàn trải trang bị điện hệ thống lạnh. MHSP 3LCC-D | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình dàn trải trang bị điện hệ thống lạnh. MHSP 3LCC-D | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình dàn trải trang bị điện hệ thống lạnh. MHSP 3LCC-D | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình dàn trải trang bị điện hệ thống lạnh. MHSP 3LCC-D | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình dàn trải trang bị điện hệ thống lạnh. MHSP 3LCC-D | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình dàn trải trang bị điện hệ thống lạnh. MHSP 3LCC-D | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình dàn trải trang bị điện hệ thống lạnh. MHSP 3LCC-D | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình dàn trải trang bị điện hệ thống lạnh. MHSP 3LCC-D | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ 7 ngăn 295 chi tiết Model: 2400S-O7/E-L | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ 7 ngăn 295 chi tiết Model: 2400S-O7/E-L | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ 7 ngăn 295 chi tiết Model: 2400S-O7/E-L | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ 7 ngăn 295 chi tiết Model: 2400S-O7/E-L | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Pan me đo trong Mitutoyo | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tiện láng phanh đĩa, trống phanh và bánh đà kết hợp Auto-ProUp - Model : DBL-Star (Basic) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy rửa cao áp NILFISK-ALTO Model : 552200.0200 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thu hồi/Tái chế/Nạp ga điều hoà Robinair AC375C | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ vam nắn khung xe tai nạn bằng thủy lực Model: 1688 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Súng vặn ốc đầu 1/2"siêu nhẹ, lực lớn Model: 3233 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Súng vặn ốc đầu 3/4" siêu nhẹ Model: 3235 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống cung cấp khí nén | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy mài bằng đai ALDURO Model: 580687.0100 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Khoan hơi đầu 1/2" Trusco Model: TADR-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ sửa chữa điện ô tô | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ sửa chữa điện ô tô | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Động cơ Camry nguyên bản đã qua sử dụng đời từ 2015 - 2018 dùng cho tháo lắp đo kiểm Model :VL - DCTL - 2190 Model: DXM-T1AZ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ Camry nguyên bản đã qua sử dụng đời từ 2015 - 2018 dùng cho tháo lắp đo kiểm Model :VL - DCTL - 2190 Model: DXM-T1AZ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ Camry nguyên bản đã qua sử dụng đời từ 2015 - 2018 dùng cho tháo lắp đo kiểm Model :VL - DCTL - 2190 Model: DXM-T1AZ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ Camry nguyên bản đã qua sử dụng đời từ 2015 - 2018 dùng cho tháo lắp đo kiểm Model :VL - DCTL - 2190 Model: DXM-T1AZ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ thiết bị khảo nghiệm cảm biến và cơ cấu chấp hành hệ thống điều khiển điện tử tổng hợp Model :VL - DKDT - 1065 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| MÁY NẠP-THU HỒI GAS LẠNH TỰ ĐỘNG - Model: RB-1000B | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị đào tạo vận hành, chẩn đoán động cơ Diesel 4 xylanh điều khiển phun nhiên liệu bằng điện tử CommonRail - CDI Model :VL - CDI - 2540 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình phanh ABS Model :VL - ABS - 2020 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn que ARCTRONIC 626 Mã sản phẩm: CEY-626-003 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn que ARCTRONIC 626 Mã sản phẩm: CEY-626-003 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn TIG, Que xách tay Model: RAINBOW 201 HF | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn TIG, Que xách tay Model: RAINBOW 201 HF | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn TIG DC điều khiển kỹ thuật số, sử dụng công nghệ Inverter Model: MATRIX 3000 HF | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn TIG DC điều khiển kỹ thuật số, sử dụng công nghệ Inverter Model: MATRIX 3000 HF | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn MIG/MAG - Model: MAXI 315 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn MIG/MAG - Model: MAXI 315 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cắt con rùa - Model: IK-12 BEETLE-T | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cắt Plasma điều khiển số, sử dụng công nghệ Inverter Model: SHARK 75 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống đường hút khói hàn cho 05 cabin | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy uốn ống và hộp HongLi Mã sản phẩm: HHW-76B | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn phòng thí nghiệm (chuyên dùng ) Model : VL-BTN-001 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn phòng thí nghiệm (chuyên dùng ) Model : VL-BTN-001 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn phòng thí nghiệm (chuyên dùng ) Model : VL-BTN-001 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn phòng thí nghiệm (chuyên dùng ) Model : VL-BTN-001 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn phòng thí nghiệm (chuyên dùng ) Model : VL-BTN-001 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình giải phẫu vật nuôi Model: SMRL10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy đầm cóc Mikasa MT-55H | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy đầm cóc Mikasa MT-55H | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy đầm cóc Mikasa MT-55H | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy đầm cóc Mikasa MT-55H | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy đầm cóc Mikasa MT-55H | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy toàn đạc điện tử NIKON NPL- 322 P+ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy toàn đạc điện tử NIKON NPL- 322 P+ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vận thăng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vận thăng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Kích cá sấu thủy lực Model: 9248 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Kích cá sấu thủy lực Model: 9248 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Kích cá sấu thủy lực Model: 9248 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Kích cá sấu thủy lực Model: 9248 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Kích cá sấu thủy lực Model: 9248 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn nắn, uốn thép Changge Huaqiang Model : GW40 | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Bàn nắn, uốn thép Changge Huaqiang Model : GW40 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cắt thép Model: GQ40 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cắt thép Model: GQ40 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cắt thép Model: GQ40 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cắt thép Model: GQ40 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy duỗi, cắt thép Gute Model : GT4-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy duỗi, cắt thép Gute Model : GT4-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy uốn thép 3 trục MAC Mã hàng :W24 - 400 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy uốn thép 3 trục MAC Mã hàng :W24 - 400 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy uốn thép 3 trục MAC Mã hàng :W24 - 400 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy uốn thép 3 trục MAC Mã hàng :W24 - 400 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy uốn thép 3 trục MAC Mã hàng :W24 - 400 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy trộn bê tông Model : CT 350 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy trộn bê tông Model : CT 350 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn một chiều - Model: ARC 303 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn một chiều - Model: ARC 303 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống phanh ABS Model: VL - OTO - 1003 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống truyền lực Model: VL - OTO - 1330 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Dụng cụ tháo lắp | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Dụng cụ tháo lắp | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo Mitutoyo Model: VL - CK 19 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Vam ép lò xo pít tông bơm cao áp Model: JTC-J01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Vam moay ơ đầu trục bánh xe Model: 7681 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Giá treo động cơ Model: VL - OTO - 0006 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Giá treo động cơ Model: VL - OTO - 0006 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Giá treo động cơ Model: VL - OTO - 0006 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị đo góc đánh lửa sớm của động cơ xăng và góc phun sớm của động cơ diesel tích hợp Model: 40107 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Dụng cụ đo áp suất nén động cơ diesel Model: 80051 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Dụng cụ kiểm tra két nước làm mát Model: 8514 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Thiết bị đo tiêu hao nhiên liệu BANZAI Model: FC-9531F | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị xả dầu hộp số tự động Model: DT - 800R | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Súng vặn bu lông 1/2 Model: 577400.0250 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Súng vặn bu lông 1/2 Model: 577400.0250 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy rà xu páp cầm tay Beta Model: 1455SVP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy rà xu páp cầm tay Beta Model: 1455SVP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy nạp ga điều hòa ô tô RUBINAI Model: 17801B | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị láng, sửa chữa phanh đĩa trên xe Model: DBL-3500 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình xe ô tô toyota Altis 1.8E MT Model: VL - OTO - 6006 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình xe ô tô Camry 2.5G | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống khí nén, điện nhà xưởng Model: HUBR050810-BD-S10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình động cơ Toyota COROLA ALTIS Model: VL - OTO - 101 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình động cơ ô tô Hyundai Model: VL - OTO - 105 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình động cơ phun dầu điện tử CDI Model: VL - OTO - 102 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ 4 kỳ Camry 2ARFE 2.5 Model: VL - OTO - 1202 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ 4 kỳ Camry 2ARFE 2.5 Model: VL - OTO - 1202 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ 4 kỳ Camry 2ARFE 2.5 Model: VL - OTO - 1202 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ 4 kỳ Camry 2ARFE 2.5 Model: VL - OTO - 1202 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ xăng dùng chế hòa khí Model : VL - OTO - 1205 | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Động cơ diesel dùng bơm cao áp PE Model: VL - OTO - 1020 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ phun xăng điện tử Model: VL - OTO - 1027 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cầu nâng cắt kéo 4 bánh Model No: TTS-4.0 MAT | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy làm đá viên Model :Coldraft CD-31A | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy làm lạnh nước trái cây Model: LM-3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy làm lạnh nước trái cây Model: LM-3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy pha cà phê Model: Delonghi Esam4000.B | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy rửa chén, ly Bosch SMS63L02EA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy đánh sàn Mode V-JET D | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy giặt thảm (phun hút) Model HC 401 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cưa xương Model : J210 new | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hút chân không Model : P1000 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ lạnh Model WG58VDAZ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ lạnh Model WG58VDAZ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ mát Sanaky Model VH-1209HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ mát Sanaky Model VH-1209HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ bảo quản rượu vang Kadeka Model KA-39WR | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ trưng bày rượu Mã sản phẩm : VL - KS221 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Lò nướng hấp đa năng Model VH-4099W1 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Lò nướng đa năng model: YXD-40K | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Lò nướng đa năng model: YXD-40K | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Lò nướng đa năng model: YXD-40K | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Lò nướng đa năng model: YXD-40K | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy sấy khô đồ vải Electrolux Model EDC2086PDW | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Lò vi sóng Sharp Model AX-1600(R') | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Lò vi sóng Sharp Model AX-1600(R') | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ cất giữ dụng cụ phục vụ Mã sản phẩm : VL - KS198 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ cất giữ dụng cụ phục vụ Mã sản phẩm : VL - KS198 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Quầy bar Mã sản phẩm : VL - KS193 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Xe phục vụ buồng Mã sản phẩm : VL - KS151 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Xe phục vụ buồng Mã sản phẩm : VL - KS151 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Xe phục vụ buồng Mã sản phẩm : VL - KS151 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ gỗ đựng hồ sơ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Dụng cụ tháo lắp | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Dụng cụ tháo lắp | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Dụng cụ tháo lắp | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo Mitutoyo Model: VL - CK 19 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo Mitutoyo Model: VL - CK 19 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Vam ép lò xo pít tông bơm cao áp Model: JTC-J01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Súng vặn bu lông 1/2 Futuro Model: 577400.0250 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Súng vặn bu lông 1/2 Futuro Model: 577400.0250 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cắt tôn tấm điều khiển CNC PLASMA,Model: KN 1530 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn hồ quang tay ,Model: YD-630SS3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn hồ quang tay ,Model: YD-630SS3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn hồ quang tay ,Model: YD-630SS3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn hồ quang tay ,Model: YD-630SS3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn hồ quang tay ,Model: YD-630SS3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn hồ quang tay ,Model: YD-630SS3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn hồ quang tay ,Model: YD-630SS3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn hồ quang tay ,Model: YD-630SS3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn TIG DC điều khiển kỹ thuật số, sử dụng công nghệ Inverter,Panasonic Model: WY300 AC/DC | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy hàn TIG DC điều khiển kỹ thuật số, sử dụng công nghệ Inverter,Panasonic Model: WY300 AC/DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn TIG DC điều khiển kỹ thuật số, sử dụng công nghệ Inverter,Panasonic Model: WY300 AC/DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn TIG DC điều khiển kỹ thuật số, sử dụng công nghệ Inverter,Panasonic Model: WY300 AC/DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn TIG DC điều khiển kỹ thuật số, sử dụng công nghệ Inverter,Panasonic Model: WY300 AC/DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn TIG DC điều khiển kỹ thuật số, sử dụng công nghệ Inverter,Panasonic Model: WY300 AC/DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn TIG DC điều khiển kỹ thuật số, sử dụng công nghệ Inverter,Panasonic Model: WY300 AC/DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn TIG DC điều khiển kỹ thuật số, sử dụng công nghệ Inverter,Panasonic Model: WY300 AC/DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn TIG DC điều khiển kỹ thuật số, sử dụng công nghệ Inverter,Panasonic Model: WY300 AC/DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn TIG DC điều khiển kỹ thuật số, sử dụng công nghệ Inverter,Panasonic Model: WY300 AC/DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Xe đẩy dụng cụ tổng hợp 8 ngăn 386 chi tiết,Hãng sản xuất: BGS Model: B4050296.010 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Xe đẩy dụng cụ tổng hợp 8 ngăn 386 chi tiết,Hãng sản xuất: BGS Model: B4050296.010 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chẩn đoán (tích hợp tiếng Việt),Hãng sản xuất: Git Model: Gscan3 (Full Kit) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy khoan đứng,Hãng sản xuất: TOPMAC Model: ZN 5025 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy khoan đứng,Hãng sản xuất: TOPMAC Model: ZN 5025 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ chuẩn đoán cơ bản VCDS Ross-Tech® HEX-V2®,Hãng sản xuất : Christiani Model: 78-14289 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ chuẩn đoán cơ bản VCDS Ross-Tech® HEX-V2®,Hãng sản xuất : Christiani Model: 78-14289 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ chuẩn đoán cơ bản VCDS Ross-Tech® HEX-V2®,Hãng sản xuất : Christiani Model: 78-14289 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Mô hình các bộ phận của hệ thống điện ôtô Toyota 2020,Model: VL-OTO-53-20 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình các bộ phận của hệ thống điện ôtô Toyota 2021,Model: VL-OTO-53-20 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đèn sấy sơn hồng ngoại,Hãng sản xuất : Koloda Model: CRS3D | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đèn sấy sơn hồng ngoại,Hãng sản xuất : Koloda Model: CRS3D | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đèn sấy sơn hồng ngoại,Hãng sản xuất : Koloda Model: CRS3D | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy thu hồi môi chất lạnh,MODEL: VRR24L/VALUE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy thu hồi môi chất lạnh,MODEL: VRR24L/VALUE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ lạnh Side by side,MODEL: R-FW650PGV8GBK/HITACHI | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ lạnh Side by side,MODEL: R-FW650PGV8GBK/HITACHI | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy điều hoà không khí hai cụm (treo tường),MODEL: CU/CS - N12WKH-8/PANASONIC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy điều hoà không khí hai cụm (treo tường),MODEL: CU/CS - N12WKH-8/PANASONIC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy điều hoà không khí hai cụm Inverter (treo tường),CU/CS-YZ12WKH-8/PANASONIC | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy điều hoà không khí hai cụm Inverter (treo tường),CU/CS-YZ12WKH-8/PANASONIC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình máy nén,MODEL: VL-MN-2600/VĂNLANG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình Điều hòa trung tâm có hệ thống dẫn gió lạnh,MODEL: VL-ĐHTT-721/VĂNLANG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống điều hòa không khí trung tâm,MODEL: VL-ĐHAHU-7500/VĂNLANG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cắt tôn tấm điều khiển CNC PLASMA,Hãng sản xuất: Vega Model: KN 1530 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn điểm dùng khí nén ,Hãng sản xuất: GOLDEN SPOT Model: SA-600-400L | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn điểm dùng khí nén ,Hãng sản xuất: GOLDEN SPOT Model: SA-600-400L | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn điểm dùng khí nén ,Hãng sản xuất: GOLDEN SPOT Model: SA-600-400L | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn điểm cầm tay,Hãng sản xuất: Telwin Model: Modular 20 TI | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn điểm cầm tay,Hãng sản xuất: Telwin Model: Modular 20 TI | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn điểm cầm tay,Hãng sản xuất: Telwin Model: Modular 20 TI | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn điểm cầm tay,Hãng sản xuất: Telwin Model: Modular 20 TI | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn điểm cầm tay,Hãng sản xuất: Telwin Model: Modular 20 TI | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn điểm cầm tay,Hãng sản xuất: Telwin Model: Modular 20 TI | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn điểm cầm tay,Hãng sản xuất: Telwin Model: Modular 20 TI | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn điểm cầm tay,Hãng sản xuất: Telwin Model: Modular 20 TI | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn điểm cầm tay,Hãng sản xuất: Telwin Model: Modular 20 TI | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn điểm cầm tay,Hãng sản xuất: Telwin Model: Modular 20 TI | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn hồ quang tay ,Model: YD-630SS3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn hồ quang tay ,Model: YD-630SS3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn hồ quang tay ,Model: YD-630SS3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn hồ quang tay ,Model: YD-630SS3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn hồ quang tay ,Model: YD-630SS3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn hồ quang tay ,Model: YD-630SS3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn hồ quang tay ,Model: YD-630SS3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn hồ quang tay ,Model: YD-630SS3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn hồ quang tay ,Model: YD-630SS3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn hồ quang tay ,Model: YD-630SS3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn TIG DC điều khiển kỹ thuật số, sử dụng công nghệ Inverter,Panasonic Model: WY300 AC/DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn TIG DC điều khiển kỹ thuật số, sử dụng công nghệ Inverter,Panasonic Model: WY300 AC/DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn TIG DC điều khiển kỹ thuật số, sử dụng công nghệ Inverter,Panasonic Model: WY300 AC/DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn TIG DC điều khiển kỹ thuật số, sử dụng công nghệ Inverter,Panasonic Model: WY300 AC/DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn TIG DC điều khiển kỹ thuật số, sử dụng công nghệ Inverter,Panasonic Model: WY300 AC/DC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ sấy que hàn, Keyang Model: A-100MS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cắt khí chuyên dùng,WENZHOU Model: CG2-11S | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cắt khí chuyên dùng,WENZHOU Model: CG2-11S | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cắt khí chuyên dùng,WENZHOU Model: CG2-11S | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy cắt khí chuyên dùng,WENZHOU Model: CG2-11S | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cắt khí chuyên dùng,WENZHOU Model: CG2-11S | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy uốn ống và máy gấp kim loại,JSTMT Model: WC67Y-50T/2500 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống điện thân xe ,Toàn Cầu Model: TC-DOTO-03-20 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Xe đẩy dụng cụ tổng hợp 8 ngăn 386 chi tiết,BGS Model: B4050296.010 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận của hệ thống điện ô tô ,Hãng sản xuất: Toàn Cầu Model: TC-DOTO-04-20 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chẩn đoán (tích hợp tiếng Việt),Hãng sản xuất: Git Model: Gscan3 (Full Kit) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy khoan đứng,Hãng sản xuất: TOPMAC Model: ZN 5025 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy nạp ắc quy,Hãng sản xuất: SOLARY Model: ENEGNY 1300 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy nạp ắc quy,Hãng sản xuất: SOLARY Model: ENEGNY 1300 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy kiểm tra ắc quy,Model: JTC-BT600A | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ chuẩn đoán cơ bản VCDS Ross-Tech® HEX-V2®,Hãng sản xuất : Christiani Model: 78-14289 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn làm việc kèm ê tô và tủ ngăn kéo ,Model: TC-BN- 2015 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn làm việc kèm ê tô và tủ ngăn kéo ,Model: TC-BN- 2015 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình các bộ phận của hệ thống điện ôtô Toyota 2020,Model: TC-OTO-53-20 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn điểm dùng khí nén ,Hãng sản xuất : GOLDEN SPOT Model: SA-600-400L | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hộp dụng cụ chuyên dùng 108 chi tiết,Hãng sản xuất: JONESWAY Model: C-7DW136 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đèn sấy sơn hồng ngoại,Hãng sản xuất : Koloda Model: CRS3D | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Giá đỡ sơn đa năng,Hãng sản xuất: Tân Phát Model : TP-EQ1300 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy rửa súng sơn,Hãng sản xuất: Spanesi Model: 10G00SL160 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Phòng sơn ô tô,Thương hiệu: RITIAN Model: RT-II-A | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy phun sơn tĩnh điện hiệu WAGKER ONE model WAG dòng điện 220V | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy phun sơn tĩnh điện hiệu WAGKER ONE model WAG dòng điện 220V | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin sơn hai vị trí Model: HL 661 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Lò Sấy di động Model: HLD 661 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống cẩu trục | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống khí nén Model: TMPM30A | 1 | Cái | | x | | | | | |
| MÀN HÌNH TƯƠNG TÁC NEWLINE ,COMBO - NEWLINE TRUTOUCH TT-8618VN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| MÀN HÌNH TƯƠNG TÁC NEWLINE ,COMBO - NEWLINE TRUTOUCH TT-8618VN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| **Nghề nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn** | | | | | | | | | |
| Máy pha cà phê 1600W Breville,Model: 870 XL | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy đánh sàn , Mini Supperclean T201 Hãng sản xuất : super clean | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ mát Alaska,Model: LC-743H | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ bảo quản rượu vang Kadeka,Model: KA-39WR | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ trưng bày rượu ,Chất liệu gỗ xoan đào | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bếp từ Bosch,Model: PUC631BB2E | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bếp từ Bosch,Model: PUC631BB2E | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính tiền Sapo,Hãng Sản xuất Sapo | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn ghế chữ nhật(đặt đóng theo thiết kế),* Chất liệu gỗ tự nhiên gỗ xoan đào | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bàn ghế chữ nhật(đặt đóng theo thiết kế),* Chất liệu gỗ tự nhiên gỗ xoan đào | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bàn ghế chữ nhật(đặt đóng theo thiết kế),* Chất liệu gỗ tự nhiên gỗ xoan đào | 1 | Bộ | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Bàn ghế chữ nhật(đặt đóng theo thiết kế),* Chất liệu gỗ tự nhiên gỗ xoan đào | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bàn ghế chữ nhật(đặt đóng theo thiết kế),* Chất liệu gỗ tự nhiên gỗ xoan đào | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bàn ghế chữ nhật(đặt đóng theo thiết kế),* Chất liệu gỗ tự nhiên gỗ xoan đào | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bàn tròn (Bàn ghế đặt đóng theo thiết kế),* Chất liệu gỗ tự nhiên gỗ xoan đào | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bàn tròn (Bàn ghế đặt đóng theo thiết kế),* Chất liệu gỗ tự nhiên gỗ xoan đào | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bàn ghế vuông (Bàn ghế đặt đóng theo thiết kế),* Chất liệu gỗ tự nhiên gỗ xoan đào | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bàn ghế vuông (Bàn ghế đặt đóng theo thiết kế),* Chất liệu gỗ tự nhiên gỗ xoan đào | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bàn ghế vuông (Bàn ghế đặt đóng theo thiết kế),* Chất liệu gỗ tự nhiên gỗ xoan đào | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bàn ghế vuông (Bàn ghế đặt đóng theo thiết kế),* Chất liệu gỗ tự nhiên gỗ xoan đào | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bàn ghế vuông (Bàn ghế đặt đóng theo thiết kế),* Chất liệu gỗ tự nhiên gỗ xoan đào | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bàn ghế vuông (Bàn ghế đặt đóng theo thiết kế),* Chất liệu gỗ tự nhiên gỗ xoan đào | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bàn buffet( Đặt đóng),* Chất liệu gỗ tự nhiên gỗ xoan đào | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ cất giữ dụng cụ phục vụ ,Thương hiệu: Toàn Á Model: TA-XPVNH-20 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ cất giữ dụng cụ phục vụ ,Thương hiệu: Toàn Á Model: TA-XPVNH-20 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Quầy bar ( Đặt đóng) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| **Nghề hướng dẫn du lịch** | | | | | | | | | |
| Máy tính xách tay, Model: Dell N3493 ( core i3.1005G1/4GB/SSD 256GB/BT4/3C42WHr/WIn10/14.0inch_WTW3M2 ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu Sony ,Model: VPL-EX570 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| **Nghề: Điều dưỡng** | | | | | | | | | |
| Mô hình tiêm truyền tĩnh mạch cánh tay, lấy máu,Model: GD/HS2 Hãng Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình tiêm truyền tĩnh mạch cánh tay, lấy máu,Model: GD/HS2 Hãng Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình tiêm truyền tĩnh mạch cánh tay, lấy máu,Model: GD/HS2 Hãng Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình tiêm truyền tĩnh mạch cánh tay, lấy máu,Model: GD/HS2 Hãng Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình tiêm truyền tĩnh mạch cánh tay, lấy máu,Model: GD/HS2 Hãng Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình tiêm mông trong suốt,Model: GD/HS10B Hãng Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình tiêm mông trong suốt,Model: GD/HS10B Hãng Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình tiêm mông trong suốt,Model: GD/HS10B Hãng Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình tiêm mông trong suốt,Model: GD/HS10B Hãng Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình tiêm mông trong suốt,Model: GD/HS10B Hãng Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình chọc khí màng phổi ,Model: GD/L67 Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình chọc khí màng phổi ,Model: GD/L67 Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Mô hình chọc khí màng phổi ,Model: GD/L67<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình chọc khí màng phổi ,Model: GD/L67<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình chọc khí màng phổi ,Model: GD/L67<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình cắt khâu hút dịch màng phổi,Model: GD/LV18<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình cắt khâu hút dịch màng phổi,Model: GD/LV18<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình cắt khâu hút dịch màng phổi,Model: GD/LV18<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình chọc dò tủy xương cao cấp ,Model: GD/L262<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình chọc dò tủy xương cao cấp ,Model: GD/L262<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình chọc dò tủy xương cao cấp ,Model: GD/L262<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình chọc dò tủy xương cao cấp ,Model: GD/L262<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình chọc dò tủy xương cao cấp ,Model: GD/L262<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thông tiểu nam, nữ tạo áp lực,Model: GD/H17E ( có thông tiểu nữ)<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thông tiểu nam, nữ tạo áp lực,Model: GD/H17E ( có thông tiểu nữ)<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thông tiểu nam, nữ tạo áp lực,Model: GD/H17E ( có thông tiểu nữ)<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thông tiểu nam, nữ tạo áp lực,Model: GD/H17E ( có thông tiểu nữ)<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thông tiểu nam, nữ tạo áp lực,Model: GD/H17E ( có thông tiểu nữ)<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình đỡ đẻ bán phần,Model: GD/F20<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình đỡ đẻ bán phần,Model: GD/F20<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình đỡ đẻ bán phần,Model: GD/F20<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình đỡ đẻ bán phần,Model: GD/F20<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình đỡ đẻ bán phần,Model: GD/F20<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình điều dưỡng đa năng,Model: GD/H125<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình điều dưỡng đa năng,Model: GD/H125<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình điều dưỡng đa năng,Model: GD/H125<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình cho ăn và rửa dạ dày trong suốt,Model: GD/H125<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình cho ăn và rửa dạ dày trong suốt,Model: GD/H125<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình cho ăn và rửa dạ dày trong suốt,Model: GD/H125<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Mô hình cho ăn và rửa dạ dày trong suốt,Model: GD/H125<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình cho ăn và rửa dạ dày trong suốt,Model: GD/H125<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hà hơi thổi ngạt ép tim lồng ngực có đèn hiển thị.,Model: GD/CPR10175<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hà hơi thổi ngạt ép tim lồng ngực có đèn hiển thị.,Model: GD/CPR10175<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hà hơi thổi ngạt ép tim lồng ngực có đèn hiển thị.,Model: GD/CPR10175<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hà hơi thổi ngạt ép tim lồng ngực có đèn hiển thị.,Model: GD/CPR10175<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hà hơi thổi ngạt ép tim lồng ngực có đèn hiển thị.,Model: GD/CPR10175<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình giải phẫu toàn thân,Model: GD/A10001<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình giải phẫu toàn thân,Model: GD/A10001<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình giải phẫu toàn thân,Model: GD/A10001<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình bán thân nội tạng tháo rời 20 phần,Model: GD/A10002<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Monitor theo dõi bệnh nhân,Model: BPM-1200<br>Hãng SX: Bionics | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình phát triển phôi thai,Model: GD/A42005<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình phát triển phôi thai,Model: GD/A42005<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình phát triển phôi thai,Model: GD/A42005<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thụ tinh và phát triển trong phôi thai,Model: GD/A42003<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thụ tinh và phát triển trong phôi thai,Model: GD/A42003<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thụ tinh và phát triển trong phôi thai,Model: GD/A42003<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình khám phụ khoa,Model: GD/F30P<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình khám phụ khoa,Model: GD/F30P<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình khám phụ khoa,Model: GD/F30P<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình khám phụ khoa,Model: GD/F30P<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình khám phụ khoa,Model: GD/F30P<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ hấp ướt,Model: LS-75LJ<br>Hãng sx: Jibimed - Trung Quốc | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ khung xương giải phẫu toàn thân,Model: GD/A11101<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình đờ đẻ bán thân,Model: GD/F20<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình đờ đẻ bán thân,Model: GD/F20<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình đờ đẻ bán thân,Model: GD/F20<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình đờ đẻ bán thân,Model: GD/F20<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Mô hình đờ đẻ bán thân,Model: GD/F20<br>Hãng sx: Shanghai Honglian Medical | 1 | Cái | | x | | | | | |
| **Ngành - Nghề: Y sỹ** | 1 | | | | | | | | |
| Tủ đựng thuốc bắc,Tủ đựng thuốc bắc 25 ô | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy điện châm,Model: I.M.S B06<br>Hãng sx: Digit Medical Corporation | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy điện châm,Model: I.M.S B06<br>Hãng sx: Digit Medical Corporation | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy điện châm,Model: I.M.S B06<br>Hãng sx: Digit Medical Corporation | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy điện châm,Model: I.M.S B06<br>Hãng sx: Digit Medical Corporation | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy điện châm,Model: I.M.S B06<br>Hãng sx: Digit Medical Corporation | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy xoa bóp (ghế masage toàn thân),Model: KINGSPORT H165 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cân điện tử ,Model: BBA211-5CA150<br>Hãng sx: Mettler Toledo- Trung Quốc | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ sấy ,Model: UF450<br>Hãng sx: Memmert – Đức | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Nồi hấp tiệt trùng,Model: HS-3035SD<br>Hãng sx: HANSHIN - Hàn Quốc | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn khám và bộ dụng cụ<br>khám phụ khoa,- Bàn khám:<br>+ Kích thước: (D2150xR650xC800mm);<br>+ Chất liệu gỗ tự nhiên nhóm II;<br>+ Hàng đặt đóng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn khám và bộ dụng cụ<br>khám phụ khoa,- Bàn khám:<br>+ Kích thước: (D2150xR650xC800mm);<br>+ Chất liệu gỗ tự nhiên nhóm II;<br>+ Hàng đặt đóng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy xét nghiệm huyết học,Model: MEK-6510K<br>Hãng sx: Nihon Kohden – Nhật Bản | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị phân tích nước tiểu,Model: Clinitek Status+<br>Hãng sx: Siemens- Anh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị phân tích nước tiểu,Model: Clinitek Status+<br>Hãng sx: Siemens- Anh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| **Ngành - Nghề: Dược** | | | | | | | | | |
| Tủ sấy hóa chất - dược liệu (khô),Model TC-500 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Nồi hấp khử trùng 18lít,Model: HS-2522SD<br>Hãng sx: Hanshin- Hàn Quốc | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ nhôm kính (để hóa chất, dụng cụ),Model: THC 1200 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ nhôm kính (để hóa chất, dụng cụ),Model: THC 1201 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ nhôm kính (để hóa chất, dụng cụ),Model: THC 1202 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ nhôm kính (để hóa chất, dụng cụ),Model: THC 1203 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cân phân tích,Model UX-220H<br>Hãng sx: Shimadzu - Nhật Bản | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Kính hiển vi điện tử (2 mắt),Model: BB.4267<br>Hãng sx: EUROMEX – Hà Lan | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Kính hiển vi điện tử (2 mắt),Model: BB.4267<br>Hãng sx: EUROMEX – Hà Lan | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Kính hiển vi điện tử (2 mắt),Model: BB.4267<br>Hãng sx: EUROMEX – Hà Lan | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Nồi bao viên,Model: SCA-1300 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ấm sắc thuốc ( Máy sắc thuốc đóng gói),Model: SCA-1300<br>Hãng sx: SANYAN/ Trung Quốc | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ấm sắc thuốc ( Máy sắc thuốc đóng gói),Model: SCA-1300<br>Hãng sx: SANYAN/ Trung Quốc | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ấm sắc thuốc ( Máy sắc thuốc đóng gói),Model: SCA-1300<br>Hãng sx: SANYAN/ Trung Quốc | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Nồi cô,Model: NC120 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Nồi cô,Model: NC120 | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Nồi cô,Model: NC120 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Nồi hấp khử trùng ,Model: LS-B50HJ Hãng sx: JIBIMED / Trung Quốc | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ hốt,Model: VL-FH1201 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hút thai Model: KAR/T32 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hút thai Model: KAR/T32 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình chi trên, chi dưới cắt lớp Model: SMD 136 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình chi trên, chi dưới cắt lớp Model: SMD 136 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình chi trên, chi dưới cắt lớp Model: SMD 136 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ bảo quản hóa sinh phẩm Model: YC-365 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy monitor sản khoa Model: Bistos | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy monitor sản khoa Model: Bistos | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu vật thể,Máy chiếu hắt H-pec H(OVERHEAD PROJECTOR) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ đệm khí | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Kênh sóng nước | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hủy giấy ZIBA PC-417CD,ZIBA PC-417CD | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tivi Samsung 65UR7100 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy giặt LG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy photocopy MP 7502 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ trưng bày rượu ,Chất liệu gỗ xoan đào | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ trưng bày rượu ,Chất liệu gỗ xoan đào | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ trưng bày rượu ,Chất liệu gỗ xoan đào | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ sấy dụng cụ Memmert UN110M Hãng sản xuất: Memmert Model: UN110M Thông số kỹ thuật: - Thể tích: 108 lít - Kích thước trong: rộng 560 x cao 480 x sâu 400 mm - Kích thước ngoài: rộng 745 x cao 864 x sâu 584 mm | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Xe đẩy hành lý Hãng SX: China-south Model: XL-3E-13 Kích thước: 1150*700*1940 mm Chất liệu: Inox xước vàng 201 Kiểu dáng: Hiện đại, mới lạ; Loại: tháo lắp Màu thảm: Đen | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Xe đẩy hành lý Hãng SX: China-south Model: XL-3E-13 Kích thước: 1150*700*1940 mm Chất liệu: Inox xước vàng 201 Kiểu dáng: Hiện đại, mới lạ; Loại: tháo lắp Màu thảm: Đen | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Xe đẩy hành lý Hãng SX: China-south Model: XL-3E-13 Kích thước: 1150*700*1940 mm Chất liệu: Inox xước vàng 201 Kiểu dáng: Hiện đại, mới lạ; Loại: tháo lắp Màu thảm: Đen | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Xe đẩy hành lý Hãng SX: China-south Model: XL-3E-13 Kích thước: 1150*700*1940 mm Chất liệu: Inox xước vàng 201 Kiểu dáng: Hiện đại, mới lạ; Loại: tháo lắp Màu thảm: Đen | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy đánh sàn Hãng sản xuất: CLEPRO Model: C35E Điện áp: 220-240V/50Hz Động cơ hút nước: 1000W Động cơ bàn chải chà:750W | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy đánh sàn Hãng sản xuất: CLEPRO Model: C35E Điện áp: 220-240V/50Hz Động cơ hút nước: 1000W Động cơ bàn chải chà:750W | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy đánh sàn Hãng sản xuất: CLEPRO Model: C35E Điện áp: 220-240V/50Hz Động cơ hút nước: 1000W Động cơ bàn chải chà:750W | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy đánh sàn Hãng sản xuất: CLEPRO Model: C35E Điện áp: 220-240V/50Hz Động cơ hút nước: 1000W Động cơ bàn chải chà:750W | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Nồi giữ nóng buffet chữ nhật khay 1/1 Mã SP: 121266 Thương hiệu: EAST Kích thước: 585×455×210 mm Dung tích: 9L | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Nồi giữ nóng buffet chữ nhật khay 1/1 Mã SP: 121266 Thương hiệu: EAST Kích thước: 585×455×210 mm Dung tích: 9L | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Nồi giữ nóng buffet chữ nhật khay 1/1 Mã SP: 121266 Thương hiệu: EAST Kích thước: 585×455×210 mm Dung tích: 9L | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Nồi giữ nóng buffet chữ nhật khay 1/1 Mã SP: 121266 Thương hiệu: EAST Kích thước: 585×455×210 mm Dung tích: 9L | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Nồi giữ nóng buffet chữ nhật khay 2/3 Mã SP: 121267 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Nồi giữ nóng buffet chữ nhật khay 2/3 Mã SP: 121268 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Nồi giữ nóng buffet chữ nhật khay 2/3 Mã SP: 121269 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Nồi giữ nóng buffet chữ nhật khay 2/3 Mã SP: 121270 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Nồi giữ nóng buffet chữ nhật khay 1/2 Mã: 121263 Thương hiệu: EAST Kích thước: (L)440x(W)480x(H)480mm Chất liệu: inox 18/10 tương đương 304 Dung tích: 10 lít | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Nồi giữ nóng buffet chữ nhật khay 1/2 Mã: 121263 Thương hiệu: EAST Kích thước: (L)440x(W)480x(H)480mm Chất liệu: inox 18/10 tương đương 304 Dung tích: 10 lít | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Nồi giữ nóng buffet chữ nhật khay 1/2 Mã: 121263 Thương hiệu: EAST Kích thước: (L)440x(W)480x(H)480mm Chất liệu: inox 18/10 tương đương 304 Dung tích: 10 lít | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Nồi giữ nóng buffet chữ nhật khay 1/2 Mã: 121263 Thương hiệu: EAST Kích thước: (L)440x(W)480x(H)480mm Chất liệu: inox 18/10 tương đương 304 Dung tích: 10 lít | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Nồi giữ nóng buffet tròn Mã: 121282 Thương hiệu: EAST Kích thước: 520×455×210 mm Dung tích: 6L | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Nồi giữ nóng buffet tròn Mã: 121282 Thương hiệu: EAST Kích thước: 520×455×210 mm Dung tích: 6L | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Nồi giữ nóng buffet tròn Mã: 121282 Thương hiệu: EAST Kích thước: 520×455×210 mm Dung tích: 6L | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Nồi giữ nóng buffet tròn Mã: 121282 Thương hiệu: EAST Kích thước: 520×455×210 mm Dung tích: 6L | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Khay hình tháp bày buffet Hãng SX: Zhantu Size: 35*35*80cm Chất liệu: Inox | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy ép hoa quả Máy ép trái cây tốc độ chậm thông minh Kuvings MOTIV1 Thương hiệu: Kuvings Model: MOTIV1 Chất liệu: Nhựa BPA Free Tritan/ABS/PC Dung tích hộp ép: 400ml Điện áp sử dụng: 220~240V Công suất: 240W | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy ép hoa quả Máy ép trái cây tốc độ chậm thông minh Kuvings MOTIV1 Thương hiệu: Kuvings Model: MOTIV1 Chất liệu: Nhựa BPA Free Tritan/ABS/PC Dung tích hộp ép: 400ml Điện áp sử dụng: 220~240V Công suất: 240W | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy ép hoa quả Máy ép trái cây tốc độ chậm thông minh Kuvings MOTIV1 Thương hiệu: Kuvings Model: MOTIV1 Chất liệu: Nhựa BPA Free Tritan/ABS/PC Dung tích hộp ép: 400ml Điện áp sử dụng: 220~240V Công suất: 240W | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy ép hoa quả Máy ép trái cây tốc độ chậm thông minh Kuvings MOTIV1 Thương hiệu: Kuvings Model: MOTIV1 Chất liệu: Nhựa BPA Free Tritan/ABS/PC Dung tích hộp ép: 400ml Điện áp sử dụng: 220~240V Công suất: 240W | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ trưng bày rượu Tủ rượu gỗ sồi 3 cánh ngang Daystar TR01 Chất liệu: Gỗ sồi Size: 1800*500*H2200mm | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ trưng bày rượu Tủ rượu gỗ sồi 3 cánh ngang Daystar TR01 Chất liệu: Gỗ sồi Size: 1800*500*H2200mm | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ trưng bày rượu Tủ rượu gỗ sồi 3 cánh ngang Daystar TR01 Chất liệu: Gỗ sồi Size: 1800*500*H2200mm | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ trưng bày rượu Tủ rượu gỗ sồi 3 cánh ngang Daystar TR01 Chất liệu: Gỗ sồi Size: 1800*500*H2200mm | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Tivi 65 inch Smart Tivi 4K Samsung 65 inch 65TU7000 Crystal UHD Hãng sản xuất: Sam sung Mã sản phẩm: 65TU7000 Kích thước màn hình: 65 inch | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tivi 65 inch Smart Tivi 4K Samsung 65 inch 65TU7000 Crystal UHD Hãng sản xuất: Sam sung Mã sản phẩm: 65TU7000 Kích thước màn hình: 65 inch | 1 | Cái | | x | | | | | |
| **THIẾT BỊ PHÒNG NGOẠI NGỮ** | | | | x | | | | | |
| Hệ thống thiết bị điều khiển của giáo viên Mô tả. Hệ thống thiết bị điều khiển của giáo viên được nâng cấp khả năng làm việc với tai nghe không dây Bluetooth giúp giáo viên có thể di chuyển thoải mái trong phòng thay vì phải cố định một chỗ với tai nghe có dây như truyền thống. Trong tình huống ngồi tại bàn giáo viên, thì giáo viên vẫn có thể sử dụng tai nghe có dây để cho chất âm tốt hơn (nhờ nghe hai tai và cách âm tốt của tai nghe chuyên cho dạy ngoại ngữ). | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ đọc và ghi bài giảng của giáo viên kỹ thuật số Ikonnet IK-1830R Mô tả Màn hình LED 70 x 28 (mm) Âm thanh Audio encoder: MP3 Mô tả Màn hình LED 70 x 28 (mm) Âm thanh Audio encoder: MP3 | 1 | | | x | | | | | |
| Máy tính điều khiển dùng cho Giáo viên CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| MÀN HÌNH TƯƠNG TÁC COMBO - NEWLINE TRUTOUCH TT-7518VN Hãng sản xuất Newline Interactive Inc Xuất xứ Trung Quốc Tên Model/ nhãn hiệu Newline Trutouch TT-7518VN Thông số kỹ thuật: Kích thước màn hình 75" Tấm nền màn hình LED Chipset: ARM Cortex Quadcore A53 RAM: 2GB ROM: 8GB Máy tính OPS tích hợp theo màn hình Ram: 8GB Ổ cứng: SSD 256 GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| MÀN HÌNH TƯƠNG TÁC COMBO - NEWLINE TRUTOUCH TT-7518VN Hãng sản xuất Newline Interactive Inc Xuất xứ Trung Quốc Tên Model/ nhãn hiệu Newline Trutouch TT-7518VN Thông số kỹ thuật: Kích thước màn hình 75" Tấm nền màn hình LED Chipset: ARM Cortex Quadcore A53 RAM: 2GB ROM: 8GB Máy tính OPS tích hợp theo màn hình Ram: 8GB Ổ cứng: SSD 256 GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| **NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ** | | | | | | | | | |
| Mô hình hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel điều khiển điện tử Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HBE - EG2008 Mô hình được sản xuất theo: - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng - ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường Mô hình hệ thống phun xăng điện tử | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Mô hình hệ thống phun xăng điện tử Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HBE - EG2035 Mô hình được sản xuất theo: - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng - ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường Mô hình sản xuất mới với linh kiện chính là vật tư lắp trên xe Toyota Vios - Mô hình bao gồm các phần sau: A. Hệ thống phun xăng điện tử - đánh lử điện tử OBD II B. Khung giá - Kích thước: 1262x700x1660 (mm) C. Bộ tạo lỗi điện tử kết nối đa phương tiện Model: HBE - PDA D. Phần mềm đào tạo hệ thống điều khiển động cơ xăng Model: HB - TSV- 21 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Giá chuyên dùng cho tháo, lắp vòi phun Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: ED - EQ21L | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Giá chuyên dùng cho tháo, lắp vòi phun Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: ED - EQ21L | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị kiểm tra vòi phun động cơ xăng Hãng sản xuất/ Xuất xứ: PULI/ Trung Quốc Model: HP-6B - Kích thước: L * W * H (mm) 560 * 540 * 580 - N.W./G.W. 25 / 27kg | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống lái trợ lực thủy lực Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: ED - MH27L Mô hình được sản xuất theo: - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng - ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường Mô hình sản xuất mới với linh kiện chính là vật tư lắp trên xe Kia Thaco - Mô hình bao gồm các phần sau: A. Hệ thống treo độc lập + hệ thống lái kiểu trục vít - thanh răng trợ lực thủy lực (hoặc hệ thống treo độc lập + hệ thống lái kiểu trục vít đai ốc bi tuần hoàn trợ lực thủy lực) B. Phần khung giá Kích thước: 1700x1700x1650 (mm) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống lái trợ lực điện Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: ED - MH28L Mô hình được sản xuất theo: - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng - ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường Mô hình sản xuất mới với linh kiện chính là vật tư lắp trên xe Kia Morning - Mô hình bao gồm các phần sau: A. Hệ thống treo độc lập - lái trợ lực điện B. Khung giá Kích thước: 1700x1700x1650 (mm) C. Bộ tạo lỗi điện tử kết nối đa phương tiện Model: HBE - PDA D. Phần mềm đào tạo hệ thống lái trợ lực điện Model: HB - TSV-22 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống phanh khí nén Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: ED - MH31L Mô hình được sản xuất theo: - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng - ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường Mô hình sản xuất mới với linh kiện chính là vật tư lắp trên xe FAW - Mô hình bao gồm các phần sau: A. Hệ thống phanh khí nén B. Phần khung giá - Kích thước: 2400x1300x1250 (mm) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống phanh dầu Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: ED - MH32L Mô hình được sản xuất theo: - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng - ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường Mô hình sản xuất mới với linh kiện chính là vật tư lắp trên xe Toyota Vios - Mô hình bao gồm các phần sau: A. Hệ thống phanh dầu trợ lực chân không B. Phần khung giá: - Kích thước: 1200x680x1350 (mm) | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Hộp số tự động Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: ED - MH33L Mô hình được sản xuất theo: - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng - ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường Mô hình sản xuất mới với linh kiện trên xe Toyota Vios - Mô hình bao gồm các phần sau: A. Hộp số CVT máy ngang (Dẫn động cầu trước) còn đầy đủ chi tiết như: B. Giá xoay tháo lắp hộp số - Kích thước giá đỡ: LxWxH = 650x650x1000 mm | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hộp số tự động Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: ED - MH33L Mô hình được sản xuất theo: - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng - ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường Mô hình sản xuất mới với linh kiện trên xe Toyota Vios - Mô hình bao gồm các phần sau: A. Hộp số CVT máy ngang (Dẫn động cầu trước) còn đầy đủ chi tiết như: B. Giá xoay tháo lắp hộp số - Kích thước giá đỡ: LxWxH = 650x650x1000 mm | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hộp số cơ khí Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: ED - MH34L Mô hình được sản xuất theo: - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng - ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường Mô hình sản xuất mới với linh kiện chính là vật tư lắp trên xe Hyundai Starex - Mô hình bao gồm các phần sau: A. Hộp số cơ khí máy dọc (dẫn động cầu sau) B. Giá xoay tháo lắp hộp số - Kích thước giá đỡ: LxWxH = 650x650x1000 mm | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hộp số cơ khí Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: ED - MH34L Mô hình được sản xuất theo: - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng - ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường Mô hình sản xuất mới với linh kiện chính là vật tư lắp trên xe Hyundai Starex - Mô hình bao gồm các phần sau: A. Hộp số cơ khí máy dọc (dẫn động cầu sau) B. Giá xoay tháo lắp hộp số - Kích thước giá đỡ: LxWxH = 650x650x1000 mm | 1 | Cái | | x | | | | | |
| **Phòng thực hành điện ô tô** | | | | | | | | | |
| Sa bàn hệ thống điện Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: ED - MH35L Mô hình được sản xuất theo: - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng - ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường Mô hình sản xuất mới với linh kiện chính là vật tư lắp trên xe Toyota Vios A. Các hệ thống: B. Khung giá - Kích thước giá đỡ: LxWxH = 2400x680x1860 mm | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Sa bàn hệ thống smartkey Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: ED - MH36L Mô hình được sản xuất theo: - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng - ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường Mô hình bao gồm: A. Hệ thống Smartkey B. Khung giá - Kích thước: 1262x700x1660 (mm) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống điều hòa tự động Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: ED - MH38L Mô hình được sản xuất theo: - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng - ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường Mô hình sản xuất mới với linh kiện chính là vật tư lắp trên xe Kia Morning - Mô hình bao gồm các phần sau: A. Sa bàn hệ thống điều hoà không khí điều khiển điện tử - dẫn động bằng MOTOR điện B. Khung giá - Kích thước: 1262x700x1660 (mm) C. Bộ tạo lỗi điện tử kết nối đa phương tiện Model: HBE - PDA D. Phần mềm đào tạo hệ thống điều hòa tự động Model: HB - TSV- 23 | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Mô hình hệ thống điện thân xe Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HB - EL205L Mô hình được sản xuất theo: - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng - ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường Mô hình sản xuất mới với linh kiện xe Toyota Camry - Mô hình bao gồm các phần sau: A. Mô hình cửa xe ô tô và ghế lái B. Khung giá - Kích thước: 1500x1000x1300 (mm C. Module tạo lỗi điện tử đa phương tiện Model: HBE - PDA D. Phần mềm đào tạo hệ thống Model: HB - TSV- 24 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Băng thử máy phát, máy đề tích hợp Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Spin/Italy Model: BANCHETTO JUNIOR Thông số kỹ thuật - Kích thước trên: 75x75x80 cm - Kích thước khung dưới: 75x75x75cm, bằng thép tấm gấp định hình, có 4 bánh xe để tiện di chuyển. | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ hoa thị, bộ sao, bộ E KTC dạng khẩu. Với các đầu sao có lỗ giữa Hãng sản xuất/ Xuất xứ: KTC/ Nhật Bản Model: TBT226HTH Bộ KTC TBT226HTH gồm 26 chi tiết với: | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ hoa thị, bộ sao, bộ E KTC dạng khẩu. Với các đầu sao có lỗ giữa Hãng sản xuất/ Xuất xứ: KTC/ Nhật Bản Model: TBT226HTH Bộ KTC TBT226HTH gồm 26 chi tiết với: | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ hoa thị, bộ sao, bộ E KTC dạng khẩu. Với các đầu sao có lỗ giữa Hãng sản xuất/ Xuất xứ: KTC/ Nhật Bản Model: TBT226HTH Bộ KTC TBT226HTH gồm 26 chi tiết với: | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy phát điện Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HB - EL209L Mô hình được sản xuất theo: - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng - ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy khởi động Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HB - EL210L Mô hình được sản xuất theo: - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng - ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị lưu trữ dữ liệu Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Dell/ Trung Quốc Model: Inspiron 7501 N5I5012W Thông số kỹ thuật - CPU: Intel Core i5-10300H (2.50GHz up to 4.50GHz, 8MB) - Ram: 8GB DDR4 2933Mhz (1x8GB) - Ổ cứng: 512GB M.2 PCIe Gen3 x4 NVMe SSD - Màn hình: 15.6 inch FHD (1920 x 1080) Anti-glare LED Backlight Non-touch Wide | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống truyền lực Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HB - TT23L Mô hình được sản xuất theo: - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng - ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường - Mô hình mới vật tư chính là linh kiện lắp trên xe Toyota Hilux - Mô hình bao gồm các phần sau: A. Mô hình tổng thành động cơ phun dầu điện tử CRDI truyền động hai cầu sau (4WD) * Phần động cơ: Động cơ Diesel 4 xylanh điều khiển phun nhiên liệu bằng điện tử CommonRail - CDI * Phần hệ thống truyền lực, hệ thống phanh và dẫn hướng: * Phần hệ thống tín hiệu chiếu sáng: B. Phần khung giá: - Khung mô hình được kết cấu bằng thép hộp và thép tấm - Kích thước: 3600x1400x1450 (mm) | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Pan me đo trong (đủ bộ 4 chiếc) Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Mitutoyo/ Nhật Model: 145-185 Panme đo lỗ 2 chân cơ khí 25-50mm/0.01 (không bao gồm dưỡng chuẩn) – Model: 145-185 Panme đo lỗ 2 chân cơ khí 50-75mm/0.01 (không bao gồm dưỡng chuẩn) – Model: 145-186 Panme đo lỗ 2 chân cơ khí 75-100mm/0.01 (không bao gồm dưỡng chuẩn) – Model: 145-187 Panme đo lỗ 2 chân cơ khí 100-125mm/0.01 (không bao gồm dưỡng chuẩn) – Model: 145-188 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Pan me đo trong (đủ bộ 4 chiếc) Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Mitutoyo/ Nhật Model: 145-185 Panme đo lỗ 2 chân cơ khí 25-50mm/0.01 (không bao gồm dưỡng chuẩn) – Model: 145-185 Panme đo lỗ 2 chân cơ khí 50-75mm/0.01 (không bao gồm dưỡng chuẩn) – Model: 145-186 Panme đo lỗ 2 chân cơ khí 75-100mm/0.01 (không bao gồm dưỡng chuẩn) – Model: 145-187 Panme đo lỗ 2 chân cơ khí 100-125mm/0.01 (không bao gồm dưỡng chuẩn) – Model: 145-188 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Pan me đo trong (đủ bộ 4 chiếc) Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Mitutoyo/ Nhật Model: 145-185 Panme đo lỗ 2 chân cơ khí 25-50mm/0.01 (không bao gồm dưỡng chuẩn) – Model: 145-185 Panme đo lỗ 2 chân cơ khí 50-75mm/0.01 (không bao gồm dưỡng chuẩn) – Model: 145-186 Panme đo lỗ 2 chân cơ khí 75-100mm/0.01 (không bao gồm dưỡng chuẩn) – Model: 145-187 Panme đo lỗ 2 chân cơ khí 100-125mm/0.01 (không bao gồm dưỡng chuẩn) – Model: 145-188 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Pan me đo trong (đủ bộ 4 chiếc) Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Mitutoyo/ Nhật Model: 145-185 Panme đo lỗ 2 chân cơ khí 25-50mm/0.01 (không bao gồm dưỡng chuẩn) – Model: 145-185 Panme đo lỗ 2 chân cơ khí 50-75mm/0.01 (không bao gồm dưỡng chuẩn) – Model: 145-186 Panme đo lỗ 2 chân cơ khí 75-100mm/0.01 (không bao gồm dưỡng chuẩn) – Model: 145-187 Panme đo lỗ 2 chân cơ khí 100-125mm/0.01 (không bao gồm dưỡng chuẩn) – Model: 145-188 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Pan me đo trong (đủ bộ 4 chiếc) Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Mitutoyo/ Nhật Model: 145-185 Panme đo lỗ 2 chân cơ khí 25-50mm/0.01 (không bao gồm dưỡng chuẩn) – Model: 145-185 Panme đo lỗ 2 chân cơ khí 50-75mm/0.01 (không bao gồm dưỡng chuẩn) – Model: 145-186 Panme đo lỗ 2 chân cơ khí 75-100mm/0.01 (không bao gồm dưỡng chuẩn) – Model: 145-187 Panme đo lỗ 2 chân cơ khí 100-125mm/0.01 (không bao gồm dưỡng chuẩn) – Model: 145-188 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ điều khiển tập trung dành cho giáo viên HL 2240C | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bảng điều khiển dành cho giáo viên HL-2260C | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin phun cát Model: GRBR 5030 Hãng sản xuất: Công ty TNHH Rowell Việt Nam KT: 5000x2800x2200 Khung vách được làm bằng thép CT3 dày 1,2mm Vách trong được làm bằng thép hộp dày 1,4mm Sàn lót cao su đặc dày 3mm Hệ thống thu bụi với động cơ P=3,70KW - 380KW/50Hz Đèn chiếu sáng 02 cái | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ máy phun cát công nghiệp Model: GRBR 200L Dung tích 200 lít Hãng sản xuất: Công ty TNHH Rowell Việt Nam áp lực làm việc max: 7.0 bar Các phụ kiện Béc phun cát vỏ thép số 5/80(8.0mm) Van bi xả hạt Van bi cấp khí nén Van bi xả khí Khớp nối nhanh 25x39mm Khớp nối ren trong 1 1/4 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| **NGHỀ VẬN HÀNH NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN** | | | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Bàn thực hành truyền thông công nghiệp Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - TT21L a. Các module trong bộ thực hành được sản xuất theo: ISO 9001: 2015 - Hệ thống quản lý chất lượng ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường 1. Khung mô hình thực hành Khung bàn kích thước 700x1260x750mm ± 5% | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ điều chỉnh tốc độ động cơ xoay chiều Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - TT22L Các module trong bộ thực hành được sản xuất theo: ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường 1. Khung mô hình thực hành Khung bàn kích thước 700x1260x750mm | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ thực hành tính thuận nghịch của máy điện xoay chiều Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - TT23L a. Các module trong bộ thực hành được sản xuất theo: ISO 9001: 2015 - Hệ thống quản lý chất lượng 1. Khung mô hình thực hành Khung bàn kích thước 700x1260x750mm ± 5% 2. Mô đun đồng hồ đo 300 VAC 3. Mô đun đồng hồ đo 3 AAC 4. Mô đun đồng hồ đo 500 VAC và tần số 50 Hz 5. Mô đun đồng hồ đo 2 AAC 6. Mô đun Máy phát 3 pha line động cơ 3 Pha 7. Mô Đun Biến tần 1 HP 8. Mô Đun kích từ máy phát 3 pha cuộn kích 9. Mô đun tải bóng đèn điện áp 220 VAC 10. Mô đun tải trở điện áp 220 VAC 11. Mô đun tải cảm điện áp 220 VAC 12. Mô đun tải dung điện áp 220 VAC 13. Module đào tạo đánh pan các thiết bị thực hành | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ thực hành tính thuận nghịch của máy điện 1 chiều Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - TT20L a. Các module trong bộ thực hành được sản xuất theo: ISO 9001: 2015 - Hệ thống quản lý chất lượng 1. Khung mô hình thực hành Khung bàn kích thước 700x1260x750mm ± 5% 2. Mô đun đồng hồ đo 300 VAC 3. Mô đun đồng hồ đo 3 AAC 4. Mô đun đồng hồ đo 150 VDC và đồng hồ đo 2 AAC 6. Mô đun Máy phát 1 chiều line động cơ 3 Pha 7. Mô Đun Biến tần 1 HP 8. Mô Đun kích từ máy phát DC cuộn kích 9. Mô Đun kích từ máy phát DC cuộn chạy 10. Mô đun tải trở điện áp 150 VDC 11. Module đào tạo đánh pan các thiết bị thực hành | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ điện cao áp Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - TT24L Các module trong bộ thực hành được sản xuất theo: ISO 9001: 2015 - Hệ thống quản lý chất lượng *Thiết bị bao gồm các phần sau: 1. Khung mô hình thực hành trạm biến áp treo Kích thước: 120 x 95 x 50mm (max. 200mm) 2. Máy biến áp dầu 3. Hệ thống bảo vệ và đóng cắt hạ thế 04. Hệ thống tủ MCCB | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Thiết bị chống sét Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - TT25L Các module trong bộ thực hành được sản xuất theo: ISO 9001: 2015 - Hệ thống quản lý chất lượng 1. Khung mô hình thực hành Khung bàn kích thước 700x1260x750mm ± 5% 2. Kim thu sét trực tiếp 3. Bộ gá đỡ kim 4. Bộ đếm sét 5. Bãi tiếp địa 6. Module thực hành attomat 7. Module thực hành contactor 8. Module thực hành lắp đặt nút ấn 9. Module thực hành lắp đặt đèn báo 10. Module thực hành đo điện áp và công tắc chuyển mạch 11. Module thực hành đo dòng điện xoay chiều 12. Module lắp đặt cầu chì 13. Module thực hành tạo tín hiệu sét 14. Module đào tạo đánh pan các thiết bị thực hành 15. Bộ phụ kiện 01 Gá treo dây thí nghiệm: Bằng thép sơn tĩnh điện, Xuất xứ: Việt Nam | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành về hệ thống cung cấp điện Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - TT26L Mô hình thực hành được sản xuất theo: ISO 9001: 2015 - Hệ thống quản lý chất lượng B. Khung giá - Kích thước mô hình: (300x200x180)Cm C. Bản điều khiển D. Bộ tạo lỗi điện tử kết nối máy tính 2. Thiết bị hiển thị - CPU Intel Core i3-10100 (6MB, upto 4.30GHz) - RAM 4GB DDR4 2666MHz HDD 1TB 7200RPM Sata 3.5inch VGA Intel® UHD Graphics 630 WL+BT Weight 4.93kg - Mouse,Keyboard OS Windows 10 Home - Màn hình Dell E2216HV LCD Led 21.5Inch | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bảng tranh vẽ cắt bổ cơ cấu đo Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - TT01L Khung giá - Được làm bằng nhôm định hình D28x25.4x1.4x1.0 mm - Kích thước (DxRxC) = 950x500x1450 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bảng tranh vẽ cắt bổ cơ cấu đo Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - TT02L Khung giá - Được làm bằng nhôm định hình D28x25.4x1.4x1.0 mm - Kích thước (DxRxC) = 950x500x1450 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bảng tranh vẽ cắt bổ cơ cấu đo Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - TT03L Khung giá - Được làm bằng nhôm định hình D28x25.4x1.4x1.0 mm - Kích thước (DxRxC) = 950x500x1450 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bảng tranh vẽ cắt bổ cơ cấu đo Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - TT04L Khung giá - Được làm bằng nhôm định hình D28x25.4x1.4x1.0 mm - Kích thước (DxRxC) = 950x500x1450 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bảng tranh vẽ cắt bổ cơ cấu đo Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - TT05L Khung giá - Được làm bằng nhôm định hình D28x25.4x1.4x1.0 mm - Kích thước (DxRxC) = 950x500x1450 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Quy trình vận hành và xử lý sự cố hệ thống điều khiển DCS nhà máy thủy điện Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - TT06L Khung giá - Được làm bằng nhôm định hình D28x25.4x1.4x1.0 mm - Kích thước (DxRxC) = 950x500x1450 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Dell/ Malaysia Model: Vostro 3888 70226499 Thông số kỹ thuật - CPU Intel Core i3-10100 (6MB, upto 4.30GHz) - RAM 4GB DDR4 2666MHz - HDD 1TB 7200RPM Sata 3.5inch - VGA Intel® UHD Graphics 630 - Mouse,Keyboard - Màn hình Dell E2216HV LCD Led 21.5Inch | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy vi tính Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Dell/ Malaysia Model: Vostro 3888 70226499 Thông số kỹ thuật - CPU Intel Core i3-10100 (6MB, upto 4.30GHz) - RAM 4GB DDR4 2666MHz - HDD 1TB 7200RPM Sata 3.5inch - VGA Intel® UHD Graphics 630 - Mouse,Keyboard - Màn hình Dell E2216HV LCD Led 21.5Inch | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Trung Quốc Model: Maxell MC-EX3551 Thông số kỹ thuật Công nghệ 3LCD 0.63" x3. Cường độ sáng: ≥ 3700 Ansi Lumens. Độ tương phản: ≥ 20.000: 1 Tổng số pixels hiển thị: ≥ 786,432 pixels. Độ phân giải thực: 1024 x 768 Pixels (XGA). Độ phân giải tương thích: Full HD/ 1080p. Màn chiếu treo tự cuốn đường chéo tối thiểu 120 inches | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Trung Quốc Model: Maxell MC-EX3551 Thông số kỹ thuật Công nghệ 3LCD 0.63" x3. Cường độ sáng: ≥ 3700 Ansi Lumens. Độ tương phản: ≥ 20.000: 1 Tổng số pixels hiển thị: ≥ 786,432 pixels. Độ phân giải thực: 1024 x 768 Pixels (XGA). Độ phân giải tương thích: Full HD/ 1080p. Màn chiếu treo tự cuốn đường chéo tối thiểu 120 inches | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Lưới chắn rác cửa nhận nước Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - EQ11L Thông số kỹ thuật - KT: 2m x 2m - Vật liệu: Thép CT3 sơn tĩnh điện - Khe hở: 100x100mm | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Van sửa chữa Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Malaysia Model: AL-DN100 Thông số kỹ thuật: - Kích cỡ: DN100 - Áp suất làm việc Max: 1.6 Mpa. - Áp lực làm việc: 0.05-1.6 Mpa. - Nguồn điện làm việc: DC24V, 3A. - Thời gian trễ: 5-90S | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống thủy lực Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - TL21L Thiết bị được sản xuất theo: ISO 9001: 2015 - Hệ thống quản lý chất lượng A. Hệ thống thủy lực Bao gồm: - Mô tơ dẫn động: 3 Pha, 1,5KW - Bơm thủy lực: Áp suất lớn nhất: 200 Bar, Tốc đọ Mã 300 V/ Phút. Loại bánh răng ăn khớp ngoài bao gồm: Trục dẫn động, cặp bánh răng, cửa hút và cửa xả - Bình dầu: Bằng inox, dung lượng 20 lít - Van điều khiển thủy lực: Loại gạt tay, chết tạo bằng gang và thép - Xi lanh thủy lực: Loại 2 chiều, lực nâng 3 tấn, hành trình 300mm - Tủ điện điều khiển: Được làm bằng thép CT3, dầy 1,2mm B. Phần khung giá: - Kích thước DxRxC: 1280x680x1680 (mm) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ phanh đĩa thủy lực Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - TL22L Thiết bị được sản xuất theo: ISO 9001: 2015 - Hệ thống quản lý chất lượng A. Bộ phanh đĩa thủy lực Bao gồm: - Đĩa phanh: Bằng thép, chịu được độ mài mòn cao - Xy lanh công tác: Tác động thủy lực hoạc khí nén, bên trong có píttông - Giá đỡ: Được làm bằng thép CT3, dầy 8mm B. Phần khung giá: - Kích thước (DxRxC): 800x600x800 (mm) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy nén khí Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Puma/ Trung Quốc Model: PX-50160 Thông số kỹ thuật - Công suất (HP-KW): 5 – 3.75 - Lưu lượng (l/phút):751 - Điện áp sử dụng (V):380 - Tốc độ quay puly đầu nén (v/phút):830 - Số xi lanh đầu nén: 3 - Áp lực làm việc (kg/cm2):8 - Áp lực tối đa (kg/cm2):10 - Dung tích bình chứa (L):155 - Kích thức DxRxC (mm):1550x530x1060 - Trọng lượng (kg):199 | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Thiết bị nâng hạ cửa van bằng điện (Pa lăng) Hãng sản xuất/ Xuất xứ: DAESAN/ KOREA Model: DST-1S Thông số kỹ thuật - Tải trọng: 1 Tấn - Dây xích: 7,1mm x 3m x 1 - Motor pa lăng: 1.8KW | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị uốn cong Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Trung Quốc Model: HHW-76B Thông số kỹ thuật - Uốn ống tròn 16,19, 22, 25, 32, 38, 51, 63, 76mm - Uốn ống vuông 16,19,22, 25, 30, 38, 40, 50mm - Độ dầy ống uốn 0.5mm - 2mm - Động cơ 1500W - Kích thước 730 x 630 x 1030 mm - Trọng lượng : 240 Kg | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn hồ quang tay Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Trung Quốc Model: YD-630SS3 * Thông số kỹ thuật Nguồn vào: 3Pha 380/415 50Hz Công suất định mức: 44.3/34 KVA/KW Dòng hàn ra định mức (A): 630A Điện áp ra định mức : 44V Điện áp hở mạch: 77V Dải dòng hàn Hz: 100 - 630A<br>Cỡ que hàn : 1.6 - 8 Dải dòng hàn thổi than : 150 - 630A Chu kỳ làm việc: 60%, 630A Trọng lượng: 225 kg Kích thước: (mm) : 496x690x920 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ cơ khí cầm tay Model: YT-88882 Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Yato/ Trung Quốc Mỗi bộ bao gồm - Hộp dụng cụ. Model: YT-88882 + Bằng nhựa có tay cầm, Kích thước: 475x230x210mm - Clê. Model: YT-0365 + Size: 6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16, 17,18,19,20, 21,22,23,24,25,26,27,28,30,32 - Clê Tyô. Model: YT-2074 + Kích cỡ 300mm. - Kìm phanh. Model: YT-2144 + Kích cỡ: 180mm - Dũa. Model: YT-6239 Gồm 5 chiếc: Dũa vuông, dũa tam giác, dũa tròn, dũa hình chữ nhật, dũa hình cong - Đục. Model: YT-4700 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ cơ khí cầm tay Model: YT-88882 Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Yato/ Trung Quốc Mỗi bộ bao gồm - Hộp dụng cụ. Model: YT-88882 + Bằng nhựa có tay cầm, Kích thước: 475x230x210mm - Clê. Model: YT-0365 + Size: 6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16, 17,18,19,20, 21,22,23,24,25,26,27,28,30,32 - Clê Tyô. Model: YT-2074 + Kích cỡ 300mm. - Kìm phanh. Model: YT-2144 + Kích cỡ: 180mm - Dũa. Model: YT-6239 Gồm 5 chiếc: Dũa vuông, dũa tam giác, dũa tròn, dũa hình chữ nhật, dũa hình cong - Đục. Model: YT-4700 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ cơ khí cầm tay Model: YT-88882 Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Yato/ Trung Quốc Mỗi bộ bao gồm - Hộp dụng cụ. Model: YT-88882 + Bằng nhựa có tay cầm, Kích thước: 475x230x210mm - Clê. Model: YT-0365 + Size: 6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16, 17,18,19,20, 21,22,23,24,25,26,27,28,30,32 - Clê Tyô. Model: YT-2074 + Kích cỡ 300mm. - Kìm phanh. Model: YT-2144 + Kích cỡ: 180mm - Dũa. Model: YT-6239 Gồm 5 chiếc: Dũa vuông, dũa tam giác, dũa tròn, dũa hình chữ nhật, dũa hình cong - Đục. Model: YT-4700 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ cơ khí cầm tay Model: YT-88882 Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Yato/ Trung Quốc Mỗi bộ bao gồm - Hộp dụng cụ. Model: YT-88882 + Bằng nhựa có tay cầm, Kích thước: 475x230x210mm - Clê. Model: YT-0365 + Size: 6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16, 17,18,19,20, 21,22,23,24,25,26,27,28,30,32 - Clê Tyô. Model: YT-2074 + Kích cỡ 300mm. - Kìm phanh. Model: YT-2144 + Kích cỡ: 180mm - Dũa. Model: YT-6239 Gồm 5 chiếc: Dũa vuông, dũa tam giác, dũa tròn, dũa hình chữ nhật, dũa hình cong - Đục. Model: YT-4700 | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Bộ dụng cụ cơ khí cầm tay Model: YT-88882 Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Yato/ Trung Quốc Mỗi bộ bao gồm - Hộp dụng cụ. Model: YT-88882 + Bằng nhựa có tay cầm, Kích thước: 475x230x210mm - Clê. Model: YT-0365 + Size: 6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16, 17,18,19,20, 21,22,23,24,25,26,27,28,30,32 - Clê Tyô. Model: YT-2074 + Kích cỡ 300mm. - Kìm phanh. Model: YT-2144 + Kích cỡ: 180mm - Dũa. Model: YT-6239 Gồm 5 chiếc: Dũa vuông, dũa tam giác, dũa tròn, dũa hình chữ nhật, dũa hình cong - Đục. Model: YT-4700 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ cơ khí cầm tay Model: YT-88882 Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Yato/ Trung Quốc Mỗi bộ bao gồm - Hộp dụng cụ. Model: YT-88882 + Bằng nhựa có tay cầm, Kích thước: 475x230x210mm - Clê. Model: YT-0365 + Size: 6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16, 17,18,19,20, 21,22,23,24,25,26,27,28,30,32 - Clê Tyô. Model: YT-2074 + Kích cỡ 300mm. - Kìm phanh. Model: YT-2144 + Kích cỡ: 180mm - Dũa. Model: YT-6239 Gồm 5 chiếc: Dũa vuông, dũa tam giác, dũa tròn, dũa hình chữ nhật, dũa hình cong - Đục. Model: YT-4700 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Súng vặn ốc vận hành bằng khí nén Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Sealey/ Anh Model: SA59 Thông số kỹ thuật: - Khối lượng: 4.5kg - Lực siết max: 1428Nm - Đầu vặn 3/4" | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Súng vặn ốc vận hành bằng khí nén Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Sealey/ Anh Model: SA59 Thông số kỹ thuật: - Khối lượng: 4.5kg - Lực siết max: 1428Nm - Đầu vặn 3/4" | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình quạt đẩy Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - Q22L Mô hình được sản xuất theo : ISO 9001: 2015 - Hệ thống quản lý chất lượng ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường B. Khung giá - Kích thước (DxRxC): 800x600x800 (mm) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy nén khí 2 cấp nén Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Lucky/ Trung Quốc Model: 2 cấp 500L 15HP/ 380V Thông số kỹ thuật: - Kích thước: 184*74*134 cm - Khối lượng: 425 kg | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy nén khí chạy xăng Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Trung Quốc Model: TM- V-0.25/8 Thông số kỹ thuật: - Công Suất (HP): 3HP - Lưu lượng(Lít/Phút): 250 - Áp Lực(Kg/cm): 8 - Dung tích bình chứa(Lít): 120Lít | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tháp giải nhiệt Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Liang Chi / Trung Quốc Model: LBC-20RT Thông số kỹ thuật: - Kích thước: HxD 1940x1170mm | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình cắt bổ máy nén khí Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - KN01L Mô hình được sản xuất theo : - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng - ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường - Mô hình bao gồm các phần sau: A. Máy nén khí Bao gồm: - Động cơ điện - Bộ truyền động đai - Đầu máy nén khí - Bình chứa khí nén B. Khung giá - Kích thước (DxRxC): 800x600x800 (mm) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy bơm nước trục đứng Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Pentax/ Ý Model: U18V 900/9T Thông số kỹ thuật - Công suất : 9.0hp – 6.7kw - Điện áp : 380v/50hz - Đẩy cao : 38.8 - 106.6m - Lưu lượng : 6 - 24m3/h - Họng hút xả : 50 – 32mm | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy bơm tăng áp tự động Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Hitachi / Thái Lan Model: WM-P400GX Thông số kỹ thuật - Công suất: 400W/1P/220V-50HZ - Cột áp : 20m - Hút sâu : 8m - Lưu lượng : 56 – 62 lít/phút.. - Họng hút xả : 35 – 25mm. | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy bơm cứu hỏa dùng động cơ xăng Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Nhật bản Model: V20D2S Công suất: 8.6 KW Tiêu thụ nhiên liệu: 4.9 Lít / giờ Bình Ắc quy: 12V – 14Ah Kích thước: 555*470*532 mm Trọng lượng: 46 kg | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình máy bơm ly tâm Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - BN01L Mô hình được sản xuất theo : - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng - Mô hình bao gồm các phần sau: A. Bơm nước ly tâm Đầy đủ chi tiết như: - Động cơ điện - Cánh bơm - Cửa hút - Cửa đẩy B. Khung giá - Kích thước (DxRxC): 800x600x800 (mm) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình van đĩa Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - BN02L Mô hình được sản xuất theo : - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng - Mô hình bao gồm các phần sau: A. Van đĩa Boa gồm: - Thân van - Nắp van - Cần van - Vòng làm khít - Tay van - Cửa van B. Khung giá - Kích thước (DxRxC): 600x450x400 (mm) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình van bi Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - BN03L Mô hình được sản xuất theo : - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng - Mô hình bao gồm các phần sau: A. Van bi Bao gồm: - Thân van - Trục van - Bi B. Khung giá - Kích thước (DxRxC): 600x450x400 (mm) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ phụ kiện Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Việt Nam Model: PK - DN Mỗi bộ bao gồm - Cút ren mạ kẽm + Bao gồm các cỡ: DN15, DN20, DN25, DN32, DN40, DN50, DN65, DN80, DN100 - Tê ren mạ kẽm + Bao gồm các cỡ: DN15, DN20, DN25, DN32, DN40, DN50, DN65, DN80, DN100 - Côn ren mạ kẽm + Bao gồm các cỡ: DN20, DN25, DN32, DN40, DN50, DN65, DN80, DN100 - Nút bịt + Bao gồm các cỡ: DN15, DN20, DN25, DN32, DN40, DN50, DN65, DN80, DN100 - Kép thép mạ kẽm + Bao gồm các cỡ: DN15, DN20, DN25, DN32, DN40, DN50, DN65, DN80, DN100 - Đầu ren thép + Bao gồm các cỡ: DN15, DN20, DN25, DN32, DN40, DN50, DN65, DN80, DN100 - Mặt bích thép mạ DN15, DN20, DN25, DN32, DN200 - Khớp nối nhanh + Kích cỡ 1/4", 3/8", ½", ¾",1", 2" | 1 | Cái | | x | | | | | |
| **NGHỀ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP** | | | | x | | | | | |
| Mô hình cánh tay rô bốt Hãng sản xuất/ Xuất xứ: Studica/ Canada Model: 70201 * Bộ điều khiển VMX-Titan cải thiện về tốc độ, kết nối và mở rộng các tùy chọn lập trình * Thông số kỹ thuật: Bộ điều khiển Robot VMX | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ thực hành PLC Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - TT45L Các module trong bộ thực hành được sản xuất theo: ISO 9001: 2015 - Hệ thống quản lý chất lượng Bàn thực hành * Thông số kỹ thuật - Kích thước: 1500x 700 x 750mm (D x R x C) - Mặt bàn + Kích thước: 1500 x 700 x 18mm (D x R x C) 8. Bộ máy tính lập trình - Hãng sản xuất: Dell - Dòng CPU: Core i5 - Bộ nhớ ram: 8G - Kích thước màn hình: 14inch - Độ phân giải: Full HD - Card độ họa - Cổng giao tiếp | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Bộ thực hành PLC Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - TT45L Các module trong bộ thực hành được sản xuất theo: ISO 9001: 2015 - Hệ thống quản lý chất lượng Bàn thực hành * Thông số kỹ thuật - Kích thước: 1500x 700 x 750mm (D x R x C) - Mặt bàn + Kích thước: 1500 x 700 x 18mm (D x R x C) 8. Bộ máy tính lập trình - Hãng sản xuất: Dell - Dòng CPU: Core i5 - Bộ nhớ ram: 8G - Kích thước màn hình: 14inch - Độ phân giải: Full HD - Card độ họa - Cổng giao tiếp | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình khởi động mềm động cơ Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - TT46L Các module trong bộ thực hành được sản xuất theo: ISO 9001: 2015 - Hệ thống quản lý chất lượng 1. Khung mô hình thực hành Khung bàn kích thước 700x1260x750mm ± 5% | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành biến tần Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - TT47L Các module trong bộ thực hành được sản xuất theo: ISO 9001: 2015 - Hệ thống quản lý chất lượng 1. Khung mô hình thực hành Khung bàn kích thước 700x1260x750mm ± 5% | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành biến tần Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - TT47L Các module trong bộ thực hành được sản xuất theo: ISO 9001: 2015 - Hệ thống quản lý chất lượng 1. Khung mô hình thực hành Khung bàn kích thước 700x1260x750mm ± 5% | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ thực hành nhà thông minh Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE – TT 1L Các module trong bộ thực hành được sản xuất theo: ISO 9001: 2015 - Hệ thống quản lý chất lượng 1. Khung mô hình thực hành Khung bàn kích thước 700x1260x750mm ± 5% | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình điện mặt trời Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - TT48L Các module trong bộ thực hành được sản xuất theo: ISO 9001: 2015 - Hệ thống quản lý chất lượng 1. Khung mô hình thực hành Khung bàn kích thước 700x1260x750mm ± 5% | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình điện mặt trời Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - TT48L Các module trong bộ thực hành được sản xuất theo: ISO 9001: 2015 - Hệ thống quản lý chất lượng 1. Khung mô hình thực hành Khung bàn kích thước 700x1260x750mm ± 5% | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành trang bị điện Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - TT66L Các module trong bộ thực hành được sản xuất theo: ISO 9001: 2015 - Hệ thống quản lý chất lượng 1. Khung mô hình thực hành Khung bàn kích thước 700x1260x750mm ± 5% | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành trang bị điện Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - TT66L Các module trong bộ thực hành được sản xuất theo: ISO 9001: 2015 - Hệ thống quản lý chất lượng 1. Khung mô hình thực hành Khung bàn kích thước 700x1260x750mm ± 5% | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống cung cấp điện hạ thế Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - TT62L Các module trong bộ thực hành được sản xuất theo: ISO 9001: 2015 - Hệ thống quản lý chất lượng 1. Khung mô hình thực hành Khung bàn kích thước 700x1260x750mm ± 5% | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình các thiết bị bảo vệ đóng cắt hạ thế Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - TT63L Các module trong bộ thực hành được sản xuất theo: ISO 9001: 2015 - Hệ thống quản lý chất lượng 1. Khung mô hình thực hành Khung bàn kích thước 700x1260x750mm ± 5% | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Mô hình trạm biến áp hạ thế (trạm treo) Hãng sản xuất/ Xuất xứ: HB Hà Nội/ Việt Nam Model: HE - TT64L Các module trong bộ thực hành được sản xuất theo: ISO 9001: 2015 - Hệ thống quản lý chất lượng * Thiết bị bao gồm các phần sau: 1. Khung mô hình thực hành trạm biến áp treo 01 Khung làm bằng thép, mô phỏng theo 01 trạm biến thế treo 2. Máy biến áp dầu 3. Hệ thống bảo vệ và đóng cắt hạ thế 04. Hệ thống tủ MCCB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| máy vi tính)<br>Ký hiệu: MBT.043<br>- Đặc tính kỹ thuật cơ bản:<br>+ Lắp trên súng AK, CKC, RPĐ<br>+ Khối lượng: 30kg<br>+ Kích thước: 85x285x253(mm)<br>+ Bia số 4a, cự ly: 100m | 1 | Cái | | x | | | | | |
| tập MBT - 03 TNAK - 12<br>- Chất liệu: hộp bằng gỗ hoặc kim loại, có quai xách và dây đeo<br>- Nguồn: pin và công tắc nguồn<br>- Màu sắc: sơn màu đen hoặc xanh đậm | 1 | Cái | | x | | | | | |
| - Đặc tính kỹ thuật cơ bản:<br>+ Kích thước bao: 150x87x75 (mm)<br>+ Khối lượng: 250g<br>+ Tuổi thọ trung bình: 10.000h<br>+ Lắp đặt tương thích trên mô hình súng AK47, CK | 1 | Cái | | x | | | | | |
| - Đặc tính kỹ thuật cơ bản:<br>+ Kích thước bao: 150x87x75 (mm)<br>+ Khối lượng: 250g<br>+ Tuổi thọ trung bình: 10.000h<br>+ Lắp đặt tương thích trên mô hình súng AK47, CK | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Lựu đạn tập nổ nhiều lần sử dụng CO2 lỏng Ký hiệu: LĐT-15 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| - Thể hiện được các loại tiếng động như: tiếng AK, bom đạn, còi báo động, ô tô, xe tăng, báy may...<br>Nguồn: Pin và công tắc nguồn<br>Mầu sắc: Sơn màu đen hoặc xanh thẫm | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đệm nhảy<br>cao Model: M914<br>Chất liệu : Mút<br>Kích thước: 3.95m x 1.6m x 0.4m .<br>Thương hiệu: Vifa Sport | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đệm nhảy<br>cao Model: M914<br>Chất liệu : Mút<br>Kích thước: 3.95m x 1.6m x 0.4m .<br>Thương hiệu: Vifa Sport | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cột bóng rổ TVCCBR305 Chất liệuThép<br>Trụ bóng rổ Sodex Sport có thể điều chỉnh chiều cao vành rổ từ 2.60m tới 3.05m nhờ vào tay quay (không giao kèm), tầm vươn lên tới 0.60m | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cột bóng rổ TVCCBR305 Chất liệuThép<br>Trụ bóng rổ Sodex Sport có thể điều chỉnh chiều cao vành rổ từ 2.60m tới 3.05m nhờ vào tay quay (không giao kèm), tầm vươn lên tới 0.60m | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Xà đơn 3 hướng TVC811541<br>- Chất liệu: Khung sắt, nhúng kẽm nóng, sơn tĩnh điện. Gắn cố định xuống nền.<br>- Thiết bị cho ba người cùng tập cùng lúc.<br>Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS 01:2016/VIFA<br>Vật liệu chính: (Ống D140x4, D34x3)mm. | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Xà đơn 3 hướng TVC811541<br>- Chất liệu: Khung sắt, nhúng kẽm nóng, sơn tĩnh điện. Gắn cố định xuống nền.<br>- Thiết bị cho ba người cùng tập cùng lúc.<br>Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS 01:2016/VIFA<br>Vật liệu chính: (Ống D140x4, D34x3)mm. | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Giá chuyên dùng cho tháo, lắp vòi phun Mdoel ITK-0121 - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng Thông số kỹ thuật: + Kích thước DxRxC = 900x500x1400 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống phanh khí nén Mdoel ITK-0321 - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng - Kích thước: 2400x1300x1250 (mm) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hộp số tự động Mdoel ITK-0421 - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng Mô hình sản xuất mới với linh kiện trên xe Toyota Vios - Kích thước giá đỡ: LxWxH = 650x650x1000 mm | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống điều hòa tự động Mdoel ITK-0521 - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng Mô hình sản xuất mới với linh kiện chính là vật tư lắp trên xe Kia Morning - Kích thước: 1262x700x1660 (mm) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy phát điện Mdoel ITK-0621 - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng - Kích thước: 300x400x300(mm) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy phát điện Mdoel ITK-0621 - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng - Kích thước: 300x400x300(mm) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy khởi động Mdoel ITK-0721 - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng - Kích thước: 300x400x300(mm) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy khởi động Mdoel ITK-0721 - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng - Kích thước: 300x400x300(mm) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính xách tay (Thiết bị lưu trữ dữ liệu Mdoel Inspiron 7501 Thông số kỹ thuật - CPU: Intel Core i5-10300H (2.50GHz up to 4.50GHz, 8MB) - Ram: 8GB DDR4 2933Mhz (1x8GB) - Ổ cứng: 512GB M.2 PCIe Gen3 x4 NVMe SSD- Màn hình: 15.6inch FHD (1920 x 1080) Anti-glare LED) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính xách tay (Thiết bị lưu trữ dữ liệu Mdoel Inspiron 7501 Thông số kỹ thuật - CPU: Intel Core i5-10300H (2.50GHz up to 4.50GHz, 8MB) - Ram: 8GB DDR4 2933Mhz (1x8GB) - Ổ cứng: 512GB M.2 PCIe Gen3 x4 NVMe SSD- Màn hình: 15.6inch FHD (1920 x 1080) Anti-glare LED) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy bơm nước ly tâm Model: CM 40-200A | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ điều khiển kiểm soát tưới 4 khu vực (có sẵn) và có thể mở rộng thành 16 khu vực bằng modul SLM4 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Trạm thời tiết Model: SLW1 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị thu, phát sóng điều khiển qua Smartphone Model: EPS 003 - M | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Xới mini Model: FJ500<br>động cơ Honda GX160 5,5HP. | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cày, lên luống Model: DCX 650A | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy trộn giá thể Model: 450l | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Téc chứa nước Tân Á Đại Thành | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Téc chứa nước Tân Á Đại Thành | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa 2 chiều inverter DaiKin.Model: FTHF25RAVMV | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ván khuôn định hình Model: HBE-XD02.2022 * Các tấm ván khuân được làm bằng thép, có gân trợ lực | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Ván khuôn định hình Model: HBE-XD02.2022 * Các tấm ván khuân được làm bằng thép, có gân trợ lực | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ván khuôn định hình Model: HBE-XD02.2022 * Các tấm ván khuân được làm bằng thép, có gân trợ lực | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ván khuôn định hình Model: HBE-XD02.2022 * Các tấm ván khuân được làm bằng thép, có gân trợ lực | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ Model: YT-09140 - Kích thước: 990mm x 750mm x 450mm - Trọng lượng: 56 kg | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ Model: YT-09140 - Kích thước: 990mm x 750mm x 450mm - Trọng lượng: 56 kg | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ Model: YT-09140 - Kích thước: 990mm x 750mm x 450mm - Trọng lượng: 56 kg | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ Model: YT-09140 - Kích thước: 990mm x 750mm x 450mm - Trọng lượng: 56 kg | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy uốn đai sắt Model: HD-650V Kích thước (D x R x C): 2000 x 650 x 1100 mm Công suất động cơ: 1,5KW Trọng lượng: 320kg | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy uốn đai sắt Model: HD-650V Kích thước (D x R x C): 2000 x 650 x 1100 mm Công suất động cơ: 1,5KW Trọng lượng: 320kg | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Kéo Thép Thí Nghiệm Điện Tử Model: WAW-500E - Kích thước: 900 * 830 * 2304mm - Trọng lượng trạm thủy lực: 300kg - Công suất động cơ: 0,75KW Trọng lượng tổng máy: 2600Kg - Thiết bị phụ trợ đi kèm: - 01 bộ máy tính để bàn Dell core i5, RAM 8G, Ổ SSD 512GB - 01 Màn hình Dell 19.5ich - 01 bộ bàn phím + chuột dây - 01 Máy in canon 2900 - Bộ phần mềm cài đặt kết nối điều khiển qua máy tính | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Kéo Thép Thí Nghiệm Điện Tử Model: WAW-500E - Kích thước: 900 * 830 * 2304mm - Trọng lượng trạm thủy lực: 300kg - Công suất động cơ: 0,75KW Trọng lượng tổng máy: 2600Kg - Thiết bị phụ trợ đi kèm: - 01 bộ máy tính để bàn Dell core i5, RAM 8G, Ổ SSD 512GB - 01 Màn hình Dell 19.5ich - 01 bộ bàn phím + chuột dây - 01 Máy in canon 2900 - Bộ phần mềm cài đặt kết nối điều khiển qua máy tính | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy phun vữa Model: HM2. Công suất: 7,5kW. Kích thước máy: 1650*1150*1290mm Trọng lượng máy: 320kg. | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy phun vữa Model: HM2. Công suất: 7,5kW. Kích thước máy: 1650*1150*1290mm Trọng lượng máy: 320kg. | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy phun vữa Model: HM2. Công suất: 7,5kW. Kích thước máy: 1650*1150*1290mm Trọng lượng máy: 320kg. | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy phun vữa Model: HM2. Công suất: 7,5kW. Kích thước máy: 1650*1150*1290mm Trọng lượng máy: 320kg. | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy toàn đạc điện tử Model: ZOOM50-5" A10 (Hiển thị 2 màn hình màu có hai chức năng cảm ứng và không cảm ứng) Đo không gương: 1000m * Ống kính - Độ phóng đại: 30x - Trường nhìn: 1o30' (2,7m tại 100m) - Khoảng cách ngắn nhất: 1.7m | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình trạm trộn bê tông Model: HBE-MHXD10.2022 bao gồm: 1. Silo chứa nguyên liệu (03 bộ) 2. PLC lập trình S7 1200 , 1214C; 5. Khung giá;6. Bộ tạo lỗi điện tử | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy siêu âm bê tông dùng đầu dò Model: U5200 Trọng lượng 1.36kg (pin lithinum bao gồm) Màn hình 5.7inch, độ sáng cao màn hình TFT LCD | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Ca bin thực hành Model: HBE-THCABIN22 - Kích thước: 2400 x 2400 x 2035mm (DxRxC) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin thực hành Model: HBE-THCABIN22 - Kích thước: 2400 x 2400 x 2035mm (DxRxC) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Buồng cấy sinh học - Model: BSC-1000IIA2<br>- Hãng sản xuất: Ningbo Justop Medical Instruments Co.,Ltd<br>- Năm sản xuất: 2021 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Kính hiển vi chuyên dùng (kết nối camera)- Model: MB260<br>- Hãng sản xuất: Nanjing BW Optics and Instrusment Co.,Ltd<br>- Năm sản xuất: 2021 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy đếm khuẩn lạc- Model: J-2<br>- Hãng sản xuất: Ningbo Cland Medical Instruments Co.,Ltd<br>- Năm sản xuất: 2021 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy siêu âm thú y để bàn, có xe đẩy- Model: KX5600<br>- Hãng sản xuất: KAI XIN<br>- Năm sản xuất: 2021 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ ấm- Model: DNP-9025<br>- Hãng sản xuất: Ningbo Cland Medical Instruments Co.,Ltd<br>- Năm sản xuất: 2021 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ lạnh 326L Inverter - Model: NR-BL351WKVN<br>- Hãng sản xuất: Panasonic<br>- Năm sản xuất: 2021 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ lạnh 326L Inverter - Model: NR-BL351WKVN<br>- Hãng sản xuất: Panasonic<br>- Năm sản xuất: 2021 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ sấy - Model: DHG-9025<br>- Hãng sản xuất: Ningbo Justop Medical Instruments Co.,Ltd<br>- Năm sản xuất: 2021 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Nồi hấp tiệt trùng - Model: CL-AU0001<br>- Hãng sản xuất: Ningbo Justop Medical Instruments Co.,Ltd<br>- Năm sản xuất: 2021 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Gióng cố định trâu (bò) - Model: CT-CATTBOX<br>- Hãng sản xuất: Trung tâm phát | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Gióng cố định trâu (bò) - Model: CT-CATTBOX<br>- Hãng sản xuất: Trung tâm phát | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Gióng cố định trâu (bò) - Model: CT-CATTBOX<br>- Hãng sản xuất: Trung tâm phát | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình giải phẫu cơ thể lợn - Model: MZ02302<br>- Hãng sản xuất: OM<br>- Năm sản xuất: 2021 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình lợn cái thực hành thụ tinh nhân tạo - Model: CT<br>- Hãng sản xuất: Trung tâm phát triển cơ điện nông nghiệp<br>- Năm sản xuất: 2021 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình bộ khung xương bò - Model: CT – CTLE<br>- Hãng sản xuất: Trung tâm phát triển cơ điện nông nghiệp<br>- Năm sản xuất: 2021 | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Mô hình bộ khung xương lợn - Model: CT-PIG<br>- Hãng sản xuất: Trung tâm phát triển cơ điện nông nghiệp<br>- Năm sản xuất: 2021 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình bộ khung xương chó | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình bộ khung xương chó | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình khởi động mềm động cơ Model: HBE-MHĐC-N06.32.22 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống điều hòa tự động Model: HBE-MHĐL-N03.20.22 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống điều khiển tưới - Tủ điều khiển tưới: Tủ tôn mạ tĩnh điện, 1 cánh kích thước 40x60 hàng Elecom.- Bộ thiết bị bên trong:Contactor 20A : Mitsubishi | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hút chân không công nghiệp DZ – 500Công suất1.5HP (1.125W) Trọng lượng sản phẩm90kg | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn họp Moldel: SVH5115<br>Kích Thước: 5100 x 1500 x 750 (mm) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ti vi 75 inch Sony Thương hiệu Sony<br>Mã sản phẩm KD-75X80K<br>Loại Tivi: Smart TV<br>Kích thước màn hình: 75 inch | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống hút khói TB-HK01 / Thiên Bình | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bếp từ đôi Serie 888/Calvingold | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bếp từ đôi Serie 888/Calvingold | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bếp từ đôi Serie 888/Calvingold | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bếp từ đôi Serie 888/Calvingold | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đông VH-8699HY3/Sanaky | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ mát KS-2K1100C/Kenshin | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ ủ bột TUB16K/Viễn Đông | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy đánh bột BJY-BM30/Berjaya | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy đánh bột BJY-BM30/Berjaya | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy đánh bột BJY-BM30/Berjaya | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy đánh bột BJY-BM30/Berjaya | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cán bột TP.MC2-380/Kiến An | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy làm kem KATA S2/Goodfor | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Lò nướng bánh mỳ NFX-16D/SouthStar | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn Lạnh DM-BL01/Đức Minh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn trung gian TB-04IN/Thiên Bình | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn trung gian TB-04IN/Thiên Bình | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn sơ chế Inox TB-05IN/ Thiên Bình | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn sơ chế Inox TB-05IN/ Thiên Bình | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn sơ chế Inox TB-05IN/ Thiên Bình | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn sơ chế Inox TB-05IN/ Thiên Bình | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Chạn bát TB-08IN/ Thiên Bình | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng gia vị TB-09IN/Thiên Bình | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ kệ treo tường TB-10IN/ Thiên Bình | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ kệ treo tường TB-10IN/ Thiên Bình | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn hàn đa năng Model: CKB-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn hàn đa năng Model: CKB-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn hàn đa năng Model: CKB-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn hàn đa năng Model: CKB-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn hàn đa năng Model: CKB-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn hàn đa năng Model: CKB-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn hàn đa năng Model: CKB-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn hàn đa năng Model: CKB-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn hàn đa năng Model: CKB-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn hàn đa năng Model: CKB-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn hàn đa năng Model: CKB-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn hàn đa năng Model: CKB-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn hàn đa năng Model: CKB-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn hàn đa năng Model: CKB-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn hàn đa năng Model: CKB-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Bàn hàn đa năng Model: CKB-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn hàn đa năng Model: CKB-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn hàn đa năng Model: CKB-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn hàn đa năng Model: CKB-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn hàn đa năng Model: CKB-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn hàn đa năng Model: CKB-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn hàn đa năng Model: CKB-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn hàn đa năng Model: CKB-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn hàn đa năng Model: CKB-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn hàn đa năng Model: CKB-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn hàn đa năng Model: CKB-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn hàn đa năng Model: CKB-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cabin hàn Model: CKC-16 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cabin hàn Model: CKC-16 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cabin hàn Model: CKC-16 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cabin hàn Model: CKC-16 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cabin hàn Model: CKC-16 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cắt con rùa Model: CG1-30H Thương hiệu: Huawei | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cắt con rùa Model: CG1-30H Thương hiệu: Huawei | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cắt con rùa Model: CG1-30H Thương hiệu: Huawei | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cắt plasma Model: SHARK 75 Hãng CEA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cắt plasma Model: SHARK 75 Hãng CEA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cắt plasma Model: SHARK 75 Hãng CEA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn đa chức năng MIG/MAG Model: CONVEX 325 PULSE Hãng CEA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn đa chức năng MIG/MAG Model: CONVEX 325 PULSE Hãng CEA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn đa chức năng MIG/MAG Model: CONVEX 325 PULSE Hãng CEA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn đa chức năng MIG/MAG Model: CONVEX 325 PULSE Hãng CEA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn đa chức năng MIG/MAG Model: CONVEX 325 PULSE Hãng CEA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn đa chức năng MIG/MAG Model: CONVEX 325 PULSE Hãng CEA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn đa chức năng MIG/MAG Model: CONVEX 325 PULSE Hãng CEA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn đa chức năng MIG/MAG Model: CONVEX 325 PULSE Hãng CEA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn đa chức năng MIG/MAG Model: CONVEX 325 PULSE Hãng CEA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn đa chức năng MIG/MAG Model: CONVEX 325 PULSE Hãng CEA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn đa chức năng MIG/MAG Model: CONVEX 325 PULSE Hãng CEA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn đa chức năng MIG/MAG Model: CONVEX 325 PULSE Hãng CEA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn đa chức năng MIG/MAG Model: CONVEX 325 PULSE Hãng CEA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn hồ quang một chiều Model: ARES 500 Thương hiệu: Jasic | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn hồ quang một chiều Model: ARES 500 Thương hiệu: Jasic | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn hồ quang một chiều Model: ARES 500 Thương hiệu: Jasic | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn hồ quang một chiều Model: ARES 500 Thương hiệu: Jasic | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn hồ quang một chiều Model: ARES 500 Thương hiệu: Jasic | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn MIG Model: KRII-500 Thương hiệu: Unitech | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy hàn MIG Model: KRII-500 Thương hiệu: Unitech | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn MIG Model: KRII-500 Thương hiệu: Unitech | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn MIG Model: KRII-500 Thương hiệu: Unitech | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn MIG Model: KRII-500 Thương hiệu: Unitech | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn MIG Model: KRII-500 Thương hiệu: Unitech | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn MIG Model: KRII-500 Thương hiệu: Unitech | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn MIG Model: KRII-500 Thương hiệu: Unitech | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn MIG Model: KRII-500 Thương hiệu: Unitech | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn MIG Model: KRII-500 Thương hiệu: Unitech | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn MIG Model: KRII-500 Thương hiệu: Unitech | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn MIG Model: KRII-500 Thương hiệu: Unitech | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn MIG Model: KRII-500 Thương hiệu: Unitech | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn MIG Model: KRII-500 Thương hiệu: Unitech | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn MIG Model: KRII-500 Thương hiệu: Unitech | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn MIG Model: KRII-500 Thương hiệu: Unitech | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn MIG Model: KRII-500 Thương hiệu: Unitech | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn MIG Model: KRII-500 Thương hiệu: Unitech | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn MIG Model: KRII-500 Thương hiệu: Unitech | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn tiếp xúc đường Model: FN-50KVA Hãng sản xuất: DUROWELDER | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn tiếp xúc đường Model: FN-50KVA Hãng sản xuất: DUROWELDER | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn tiếp xúc đường Model: FN-50KVA Hãng sản xuất: DUROWELDER | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn TIG DC điều khiển kỹ thuật số, sử dụng công nghệ Inverter Model: Tig-350S Thương hiêu: CTM | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn TIG DC điều khiển kỹ thuật số, sử dụng công nghệ Inverter Model: Tig-350S Thương hiêu: CTM | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn TIG DC điều khiển kỹ thuật số, sử dụng công nghệ Inverter Model: Tig-350S Thương hiêu: CTM | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn TIG DC điều khiển kỹ thuật số, sử dụng công nghệ Inverter Model: Tig-350S Thương hiêu: CTM | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn TIG DC điều khiển kỹ thuật số, sử dụng công nghệ Inverter Model: Tig-350S Thương hiêu: CTM | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn TIG DC điều khiển kỹ thuật số, sử dụng công nghệ Inverter Model: Tig-350S Thương hiêu: CTM | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy siêu âm kim loại Model: FD350 Thương hiệu: HUATEC Xuất xứ: Trung quốc | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy từ tính Model: MY-2 Thương hiệu: Nawoo | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính xách tay Model: Dell Inspiron 3520 I3U082W11BLU; CPU: Core i3 1215U; RAM: 8GB; Ổ cứng: 256GB SSD; Màn hình: 15.6inch Full HD/ Windows 11 Home | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy vi tính xách tay Model: Dell Inspiron 3520 I3U082W11BLU; CPU: Core i3 1215U; RAM: 8GB; Ổ cứng: 256GB SSD; Màn hình: 15.6inch Full HD/ Windows 11 Home | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính xách tay Model: Dell Inspiron 3520 I3U082W11BLU; CPU: Core i3 1215U; RAM: 8GB; Ổ cứng: 256GB SSD; Màn hình: 15.6inch Full HD/ Windows 11 Home | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính xách tay Model: Dell Inspiron 3520 I3U082W11BLU; CPU: Core i3 1215U; RAM: 8GB; Ổ cứng: 256GB SSD; Màn hình: 15.6inch Full HD/ Windows 11 Home | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị cắt ô xy khí cháy | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị cắt ô xy khí cháy | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị cắt ô xy khí cháy | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị cắt ô xy khí cháy | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị cắt ô xy khí cháy | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị cắt ô xy khí cháy | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị cắt ô xy khí cháy | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị cắt ô xy khí cháy | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị cắt ô xy khí cháy | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị cắt ô xy khí cháy | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị cắt ô xy khí cháy | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị cắt ô xy khí cháy | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị cắt ô xy khí cháy | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị cắt ô xy khí cháy | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị hàn khí | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị hàn khí | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị hàn khí | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị hàn khí | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị hàn khí | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị hàn khí | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị hàn khí | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị hàn khí | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị hàn khí | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị hàn khí | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị hàn khí | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị hàn khí | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị hàn khí | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị hàn khí | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Dụng cụ cầm tay nghề hàn | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Dụng cụ cầm tay nghề hàn | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Dụng cụ cầm tay nghề hàn | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Robot hàn Model: TM1400 VGIII; Thương hiệu: Panasonic | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vát mép ống chuyên dụng Model: ISY-150; Thương hiệu: Aotai | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vát mép ống chuyên dụng Model: ISY-150; Thương hiệu: Aotai | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vát mép ống chuyên dụng Model: ISY-150; Thương hiệu: Aotai | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn laser Model: PROLAS 1000; Thương hiệu: LASERAL | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn laser Model: PROLAS 1000; Thương hiệu: LASERAL | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn điện tử Model: MATRIX 2200E; Thương hiệu: Hãng CEA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn điện tử Model: MATRIX 2200E; Thương hiệu: Hãng CEA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn điện tử Model: MATRIX 2200E; Thương hiệu: Hãng CEA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn điện tử Model: MATRIX 2200E; Thương hiệu: Hãng CEA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn điện tử Model: MATRIX 2200E; Thương hiệu: Hãng CEA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn FCAW Model: MAXI 505; Hãng: CEA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn FCAW Model: MAXI 505; Hãng: CEA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ thiết bị Model: PA TDC - H026 | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Tủ đựng dụng cụ thiết bị Model: PA TDC - H026 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ thiết bị Model: PA TDC - H026 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình dàn trải máy điều hoà không khí ô tô; Model: PA DHDDTM-DHOT-H016 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy điều hoà không khí hai cụm (đặt sàn) Điều hòa Daikin 2 chiều 18000BTU inverter; Model: FVA50AMVM/RZA50DV2V | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy điều hoà không khí hai cụm (đặt sàn) Điều hòa Daikin 2 chiều 18000BTU inverter; Model: FVA50AMVM/RZA50DV2V | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy điều hoà không khí hai cụm (đặt sàn) Điều hòa Daikin 2 chiều 18000BTU inverter; Model: FVA50AMVM/RZA50DV2V | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình kho bảo quản lạnh dương Model: PA MLCN-KL-H302 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình dàn trải hệ thống sản xuất đá cây Model: PA MLCN-DC-H303 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện (Kìm cắt dây Model: HDP-158;Kìm tuốt dây Model: WS-156;Kìm mỏ nhọn Model: LN-118; Kìm điện Model: CP-127; Kìm ép cốt Model: AK385; Bút thử điện Model: 52721100; Mỏ hàn sợi đốt Model: SD300k; Tuốc nơ vít) | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện (Kìm cắt dây Model: HDP-158;Kìm tuốt dây Model: WS-156;Kìm mỏ nhọn Model: LN-118; Kìm điện Model: CP-127; Kìm ép cốt Model: AK385; Bút thử điện Model: 52721100; Mỏ hàn sợi đốt Model: SD300k; Tuốc nơ vít) | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện (Kìm cắt dây Model: HDP-158;Kìm tuốt dây Model: WS-156;Kìm mỏ nhọn Model: LN-118; Kìm điện Model: CP-127; Kìm ép cốt Model: AK385; Bút thử điện Model: 52721100; Mỏ hàn sợi đốt Model: SD300k; Tuốc nơ vít) | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện (Kìm cắt dây Model: HDP-158;Kìm tuốt dây Model: WS-156;Kìm mỏ nhọn Model: LN-118; Kìm điện Model: CP-127; Kìm ép cốt Model: AK385; Bút thử điện Model: 52721100; Mỏ hàn sợi đốt Model: SD300k; Tuốc nơ vít) | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện (Kìm cắt dây Model: HDP-158;Kìm tuốt dây Model: WS-156;Kìm mỏ nhọn Model: LN-118; Kìm điện Model: CP-127; Kìm ép cốt Model: AK385; Bút thử điện Model: 52721100; Mỏ hàn sợi đốt Model: SD300k; Tuốc nơ vít) | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện (Kìm cắt dây Model: HDP-158;Kìm tuốt dây Model: WS-156;Kìm mỏ nhọn Model: LN-118; Kìm điện Model: CP-127; Kìm ép cốt Model: AK385; Bút thử điện Model: 52721100; Mỏ hàn sợi đốt Model: SD300k; Tuốc nơ vít) | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện (Kìm cắt dây Model: HDP-158;Kìm tuốt dây Model: WS-156;Kìm mỏ nhọn Model: LN-118; Kìm điện Model: CP-127; Kìm ép cốt Model: AK385; Bút thử điện Model: 52721100; Mỏ hàn sợi đốt Model: SD300k; Tuốc nơ vít) | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện (Kìm cắt dây Model: HDP-158;Kìm tuốt dây Model: WS-156;Kìm mỏ nhọn Model: LN-118; Kìm điện Model: CP-127; Kìm ép cốt Model: AK385; Bút thử điện Model: 52721100; Mỏ hàn sợi đốt Model: SD300k; Tuốc nơ vít) | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện (Kìm cắt dây Model: HDP-158;Kìm tuốt dây Model: WS-156;Kìm mỏ nhọn Model: LN-118; Kìm điện Model: CP-127; Kìm ép cốt Model: AK385; Bút thử điện Model: 52721100; Mỏ hàn sợi đốt Model: SD300k; Tuốc nơ vít) | 1 | Bộ | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Bộ đồ nghề điện (Kìm cắt dây Model: HDP-158;Kìm tuốt dây Model: WS-156;Kìm mỏ nhọn Model: LN-118; Kìm điện Model: CP-127; Kìm ép cốt Model: AK385; Bút thử điện Model: 52721100; Mỏ hàn sợi đốt Model: SD300k; Tuốc nơ vít) | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện (Kìm cắt dây Model: HDP-158;Kìm tuốt dây Model: WS-156;Kìm mỏ nhọn Model: LN-118; Kìm điện Model: CP-127; Kìm ép cốt Model: AK385; Bút thử điện Model: 52721100; Mỏ hàn sợi đốt Model: SD300k; Tuốc nơ vít) | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện (Kìm cắt dây Model: HDP-158;Kìm tuốt dây Model: WS-156;Kìm mỏ nhọn Model: LN-118; Kìm điện Model: CP-127; Kìm ép cốt Model: AK385; Bút thử điện Model: 52721100; Mỏ hàn sợi đốt Model: SD300k; Tuốc nơ vít) | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện (Kìm cắt dây Model: HDP-158;Kìm tuốt dây Model: WS-156;Kìm mỏ nhọn Model: LN-118; Kìm điện Model: CP-127; Kìm ép cốt Model: AK385; Bút thử điện Model: 52721100; Mỏ hàn sợi đốt Model: SD300k; Tuốc nơ vít) | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề cơ khí (Búa nguội; Búa cao su ; Thước lá; Êke vuông; Bàn ren, tarô; Dũa dẹt; Dũa tròn; Dũa tam giác; Mũi vạch; Cưa sắt ; Máy khoan sắt Model: GDM50B; Máy vặn vít dùng Pin; Cờ lê; Mỏ lết; Tuýp) | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề cơ khí (Búa nguội; Búa cao su ; Thước lá; Êke vuông; Bàn ren, tarô; Dũa dẹt; Dũa tròn; Dũa tam giác; Mũi vạch; Cưa sắt ; Máy khoan sắt Model: GDM50B; Máy vặn vít dùng Pin; Cờ lê; Mỏ lết; Tuýp) | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề cơ khí (Búa nguội; Búa cao su ; Thước lá; Êke vuông; Bàn ren, tarô; Dũa dẹt; Dũa tròn; Dũa tam giác; Mũi vạch; Cưa sắt ; Máy khoan sắt Model: GDM50B; Máy vặn vít dùng Pin; Cờ lê; Mỏ lết; Tuýp) | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề cơ khí (Búa nguội; Búa cao su ; Thước lá; Êke vuông; Bàn ren, tarô; Dũa dẹt; Dũa tròn; Dũa tam giác; Mũi vạch; Cưa sắt ; Máy khoan sắt Model: GDM50B; Máy vặn vít dùng Pin; Cờ lê; Mỏ lết; Tuýp) | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề cơ khí (Búa nguội; Búa cao su ; Thước lá; Êke vuông; Bàn ren, tarô; Dũa dẹt; Dũa tròn; Dũa tam giác; Mũi vạch; Cưa sắt ; Máy khoan sắt Model: GDM50B; Máy vặn vít dùng Pin; Cờ lê; Mỏ lết; Tuýp) | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề cơ khí (Búa nguội; Búa cao su ; Thước lá; Êke vuông; Bàn ren, tarô; Dũa dẹt; Dũa tròn; Dũa tam giác; Mũi vạch; Cưa sắt ; Máy khoan sắt Model: GDM50B; Máy vặn vít dùng Pin; Cờ lê; Mỏ lết; Tuýp) | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện lạnh (Bộ nong ống đồng; Bộ loe ống đồng lệch tâm; Dao cắt ống đồng; Bộ uốn ống đồng; Thước dây; Thước thuỷ; Bộ lục giác; Mỏ lết; Dũa mịn bản dẹp; Búa cao su; Bộ đồng hồ nạp gas đôi) | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện lạnh (Bộ nong ống đồng; Bộ loe ống đồng lệch tâm; Dao cắt ống đồng; Bộ uốn ống đồng; Thước dây; Thước thuỷ; Bộ lục giác; Mỏ lết; Dũa mịn bản dẹp; Búa cao su; Bộ đồng hồ nạp gas đôi) | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện lạnh (Bộ nong ống đồng; Bộ loe ống đồng lệch tâm; Dao cắt ống đồng; Bộ uốn ống đồng; Thước dây; Thước thuỷ; Bộ lục giác; Mỏ lết; Dũa mịn bản dẹp; Búa cao su; Bộ đồng hồ nạp gas đôi) | 1 | Bộ | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Bộ đồ nghề điện lạnh (Bộ nong ống đồng; Bộ loe ống đồng lệch tâm; Dao cắt ống đồng; Bộ uốn ống đồng; Thước dây; Thước thuỷ; Bộ lục giác; Mỏ lết; Dũa mịn bản dẹp; Búa cao su; Bộ đồng hồ nạp gas đôi) | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện lạnh (Bộ nong ống đồng; Bộ loe ống đồng lệch tâm; Dao cắt ống đồng; Bộ uốn ống đồng; Thước dây; Thước thuỷ; Bộ lục giác; Mỏ lết; Dũa mịn bản dẹp; Búa cao su; Bộ đồng hồ nạp gas đôi) | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện lạnh (Bộ nong ống đồng; Bộ loe ống đồng lệch tâm; Dao cắt ống đồng; Bộ uốn ống đồng; Thước dây; Thước thuỷ; Bộ lục giác; Mỏ lết; Dũa mịn bản dẹp; Búa cao su; Bộ đồng hồ nạp gas đôi) | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện lạnh (Bộ nong ống đồng; Bộ loe ống đồng lệch tâm; Dao cắt ống đồng; Bộ uốn ống đồng; Thước dây; Thước thuỷ; Bộ lục giác; Mỏ lết; Dũa mịn bản dẹp; Búa cao su; Bộ đồng hồ nạp gas đôi) | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện lạnh (Bộ nong ống đồng; Bộ loe ống đồng lệch tâm; Dao cắt ống đồng; Bộ uốn ống đồng; Thước dây; Thước thuỷ; Bộ lục giác; Mỏ lết; Dũa mịn bản dẹp; Búa cao su; Bộ đồng hồ nạp gas đôi) | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Tủ mát Model: TM.VH258KL Xuất xứ: Sanaky | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ mát Model: TM.VH258KL Xuất xứ: Sanaky | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ mát Model: TM.VH258KL Xuất xứ: Sanaky | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ lạnh làm lạnh trực tiếp (Tủ mát) Model: TM.VH258KL Xuất xứ: Sanaky | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ lạnh làm lạnh trực tiếp (Tủ mát) Model: TM.VH258KL Xuất xứ: Sanaky | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ lạnh thương nghiệp (Tủ đông) Model: VH 5699HY Xuất xứ: Sanaky | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ lạnh thương nghiệp (Tủ đông) Model: VH 5699HY Xuất xứ: Sanaky | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ lạnh thương nghiệp (Tủ đông) Model: VH 5699HY Xuất xứ: Sanaky | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng Model: PA BTH - H102 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng Model: PA BTH - H102 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng Model: PA BTH - H102 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng Model: PA BTH - H102 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng Model: PA BTH - H102 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng Model: PA BTH - H102 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng Model: PA BTH - H102 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng Model: PA BTH - H102 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng Model: PA BTH - H102 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng Model: PA BTH - H102 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng Model: PA BTH - H102 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng Model: PA BTH - H102 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng Model: PA BTH - H102 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng Model: PA BTH - H102 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng Model: PA BTH - H102 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng Model: PA BTH - H102 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ thực hành máy phát điện xoay chiều 1 pha Model: PA CN MFD1F - H102 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành máy phát điện xoay chiều 1 pha Model: PA CN MFD1F - H102 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Module động cơ điện 3 pha (2 cấp tốc độ) Model: PA DCD - H013 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Module động cơ điện 3 pha (2 cấp tốc độ) Model: PA DCD - H013 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Module động cơ điện 3 pha (2 cấp tốc độ) Model: PA DCD - H013 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Module động cơ điện 3 pha (2 cấp tốc độ) Model: PA DCD - H013 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình máy nước nóng năng lượng mặt trời Model: PA DD GD - H015 | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Mô hình máy nước nóng năng lượng mặt trời Model: PA DD GD - H015 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống điện năng lượng mặt trời Model: PA DD NLMT - H011 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống tự động báo cháy Model: PA DD BC - H209 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống tự động chống trộm Model: PA DD CT - H210 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống tự động chống trộm Model: PA DD CT - H210 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống đóng mở cửa tự động Model: PA DD - H111 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống đóng mở cửa tự động Model: PA DD - H111 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống chuông cổng loại có hình ảnh Model: DD CHA - H212 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống chuông cổng loại có hình ảnh Model: DD CHA - H212 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ camera an ninh Model: PA DD AN - H213 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ camera an ninh Model: PA DD AN - H213 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ camera an ninh Model: PA DD AN - H213 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành điều khiển thông minh Model: PA KNX NC - H022 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Mô hình cửa cuốn (điều khiển bằng nút ấn và điều khiển qua điện thoại thông minh) Model: PA DD CC- H215 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ thiết bị Model: PA TDC - H026 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ thiết bị Model: PA TDC - H026 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ thiết bị Model: PA TDC - H026 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ thiết bị Model: PA TDC - H026 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ thiết bị Model: PA TDC - H026 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ thiết bị Model: PA TDC - H026 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ thiết bị Model: PA TDC - H026 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ thiết bị Model: PA TDC - H026 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ điện đóng cắt hạ áp | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ điện đóng cắt hạ áp | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ điện đóng cắt hạ áp | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ điện đóng cắt hạ áp | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Máy quấn dây động cơ, máy biến áp tự động Model: QAS21 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy quấn dây động cơ, máy biến áp tự động Model: QAS21 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy đo hiện sóng Model: SDS2202X-E Xuất xứ: Siglent | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy đo hiện sóng Model: SDS2202X-E Xuất xứ: Siglent | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy đo hiện sóng Model: SDS2202X-E Xuất xứ: Siglent | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy đo hiện sóng Model: SDS2202X-E Xuất xứ: Siglent | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thí nghiệm cực tính máy điện Model: PA DD-DQC - HL1007 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thí nghiệm cực tính máy điện Model: PA DD-DQC - HL1007 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy điều hòa SA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy móc thiết bị CT: Tháo dỡ, di chuyển và xây dựng mới một số hạng mục công trình tại Trường Cao đẳng Lào Cai | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn chipset Tiger TG- R5860N | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn chipset Tiger TG- R5860N | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn chipset Tiger TG- R5860N | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn chipset Tiger TG- R5860N | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn chipset Tiger TG- R5860N | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy hàn chipset Tiger TG- R5860N | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn chipset Tiger TG- R5860N | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn chipset Tiger TG- R5860N | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn chipset Tiger TG- R5860N | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn chipset Tiger TG- R5860N | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn chipset Tiger TG- R5860N | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn chipset Tiger TG- R5860N | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chủ Dell PowerEdge T350 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chủ Dell PowerEdge T350 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ điều hành máy chủ Phần mềm Microsoft SQL Server 2019 Standard Edition | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ điều hành máy chủ Phần mềm Microsoft SQL Server 2019 Standard Edition | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu License Phần mềm (Bản quyền) Hệ điều hành máy chủ Phần mềm Microsoft SQL Server 2019 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu License Phần mềm (Bản quyền) Hệ điều hành máy chủ Phần mềm Microsoft SQL Server 2019 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình các cơ cấu truyền động Model: VA-CCTD03 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình đi dây nổi Model: VE-DDN23 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình đi dây nổi Model: VE-DDN23 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm mạch điện xoay chiều Model: VE-BAC12 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm mạch điện một chiều Model; VE-BDC22 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thiết bị đo lường điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thiết bị đo lường điện | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ bảo hộ lao động Model: VM-BHD06 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ bảo hộ lao động Model: VM-BHD06 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ bảo hộ lao động Model: VM-BHD06 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ bảo hộ lao động Model: VM-BHD06 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ bảo hộ lao động Model: VM-BHD06 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ bảo hộ lao động Model: VM-BHD06 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ bảo hộ lao động Model: VM-BHD06 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ bảo hộ lao động Model: VM-BHD06 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ bảo hộ lao động Model: VM-BHD06 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ bảo hộ lao động Model: VM-BHD06 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ bảo hộ lao động Model: VM-BHD06 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ bảo hộ lao động Model: VM-BHD06 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ bảo hộ lao động Model: VM-BHD06 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ bảo hộ lao động Model: VM-BHD06 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ bảo hộ lao động Model: VM-BHD06 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ bảo hộ lao động Model: VM-BHD06 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ bảo hộ lao động Model: VM-BHD06 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ bảo hộ lao động Model: VM-BHD06 | 1 | Bộ | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Bộ dụng cụ bảo hộ lao động Model: VM-BHD06 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ bảo hộ lao động Model: VM-BHD06 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ bảo hộ lao động Model: VM-BHD06 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ cứu thương Model: VM-DCCT | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ cứu thương Model: VM-DCCT | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề cơ khí cầm tay Model: TRGW00099 Hãng sản xuất: Torin | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề cơ khí cầm tay Model: TRGW00099 Hãng sản xuất: Torin | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề cơ khí cầm tay Model: TRGW00099 Hãng sản xuất: Torin | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề cơ khí cầm tay Model: TRGW00099 Hãng sản xuất: Torin | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bàn thí nghiệm máy phát điện đồng bộ 1 pha Model: VE-BMD1F2301 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thí nghiệm máy phát điện đồng bộ 1 pha Model: VE-BMD1F2301 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thí nghiệm cực tính máy điện Model: VE-BCT201 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thí nghiệm cực tính máy điện Model: VE-BCT201 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thí nghiệm cực tính máy điện Model: VE-BCT201 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thí nghiệm cực tính máy điện Model: VE-BCT201 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn nguội Model: VM-B1000 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn nguội Model: VM-B1000 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ điện không đồng bộ 3 pha Rô to dây quấn Model: L-MT3FDC15 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ điện không đồng bộ 3 pha Rô to dây quấn Model: L-MT3FDC15 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ điện không đồng bộ 3 pha Rô to dây quấn Model: L-MT3FDC15 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ điện không đồng bộ 3 pha Rô to dây quấn Model: L-MT3FDC15 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ điện không đồng bộ 3 pha Rô to dây quấn Model: L-MT3FDC15 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ điện không đồng bộ 3 pha Rô to dây quấn Model: L-MT3FDC15 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ điện không đồng bộ 3 pha Rô to dây quấn Model: L-MT3FDC15 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ điện không đồng bộ 3 pha Rô to dây quấn Model: L-MT3FDC15 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Kiểu máy giặt Cửa trước Kiểu lồng giặt Lồng ngang Model: NA-V10FC1LVT Hãng sản xuất: Panasonic | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Kiểu máy giặt Cửa trước Kiểu lồng giặt Lồng ngang Model: NA-V10FC1LVT Hãng sản xuất: Panasonic | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Kiểu máy giặt Cửa trên Kiểu lồng giặt Lồng đứng Model: NA-FD10VR1BV Hãng sản xuất: Panasonic | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy nén khí Model: TM-V-0.17/8 Hãng sản xuất: Pegasus | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy nén khí Model: TM-V-0.17/8 Hãng sản xuất: Pegasus | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ sấy Model: VE-TS7006 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Pan me Hãng sản xuất: Mitutoyo | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Pan me Hãng sản xuất: Mitutoyo | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Pan me Hãng sản xuất: Mitutoyo | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Pan me Hãng sản xuất: Mitutoyo | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Pan me Hãng sản xuất: Mitutoyo | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Pan me Hãng sản xuất: Mitutoyo | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Pan me Hãng sản xuất: Mitutoyo | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Pan me Hãng sản xuất: Mitutoyo | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Pan me Hãng sản xuất: Mitutoyo | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Bộ đồ nghề cơ khí cầm tay Model: TRGW00099 Hãng sản xuất: Torin | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề cơ khí cầm tay Model: TRGW00099 Hãng sản xuất: Torin | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Cabin thực tập lắp đặt máy lạnh và điều hòa không khí Model: VE-CBLĐML | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy điều hòa nhiệt độ Inverter 1.5 HP Màu sắc: Trắng sáng Model: GH-12IS33 Hãng sản xuất: Casper | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy điều hòa nhiệt độ Inverter 1.5 HP Màu sắc: Trắng sáng Model: GH-12IS33 Hãng sản xuất: Casper | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy điều hòa nhiệt độ Inverter 1.5 HP Màu sắc: Trắng sáng Model: GH-12IS33 Hãng sản xuất: Casper | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy điều hòa nhiệt độ Inverter 1.5 HP Màu sắc: Trắng sáng Model: GH-12IS33 Hãng sản xuất: Casper | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy điều hòa nhiệt độ Inverter 1.5 HP Màu sắc: Trắng sáng Model: GH-12IS33 Hãng sản xuất: Casper | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy điều hòa nhiệt độ Inverter 1.5 HP Màu sắc: Trắng sáng Model: GH-12IS33 Hãng sản xuất: Casper | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa 2 chiều Inverter 12.000 BTU Công suất làm lạnh ≤ 12.000 BTU Phạm vi hiệu quả 15 - 20m2 Model: B13END1 Hãng sản xuất: LG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa 2 chiều Inverter 12.000 BTU Công suất làm lạnh ≤ 12.000 BTU Phạm vi hiệu quả 15 - 20m2 Model: B13END1 Hãng sản xuất: LG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa 2 chiều Inverter 12.000 BTU Công suất làm lạnh ≤ 12.000 BTU Phạm vi hiệu quả 15 - 20m2 Model: B13END1 Hãng sản xuất: LG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Nồi cơm điện tử cao tần - 1.8 lít Dung tích thực 1.8 lít Model: SR-HB184KRA Hãng sản xuất: Panasonic | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Nồi cơm điện tử cao tần - 1.8 lít Dung tích thực 1.8 lít Model: SR-HB184KRA Hãng sản xuất: Panasonic | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy giặt lồng ngang 10Kg Kiểu máy giặt: Cửa trước Công nghệ giặt: Eco Bubble Model: WW10TP44DSH Hãng sản xuất: Samsung | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy giặt Inverter 10,5Kg Kiểu máy giặt: Cửa trên Model: T2350VSAB Hãng sản xuất: LG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy nước nóng năng lượng mặt trời Model: VE-MHNL101 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy nước nóng năng lượng mặt trời Model: VE-MHNL101 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề cơ khí cầm tay Model: TRGW00099 Hãng sản xuất: Torin | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề cơ khí cầm tay Model: TRGW00099 Hãng sản xuất: Torin | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện lạnh chuyên dụng Hãng sản xuất: Yisen,Value | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện lạnh chuyên dụng Hãng sản xuất: Yisen,Value | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Ca bin thực hành thiết bị điện Model: VE-CBLDD08 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin thực hành thiết bị điện Model: VE-CBLDD08 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin thực hành thiết bị điện Model: VE-CBLDD08 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin thực hành thiết bị điện Model: VE-CBLDD08 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin thực hành thiết bị điện Model: VE-CBLDD08 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin thực hành thiết bị điện Model: VE-CBLDD08 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống tự động báo cháy Model: VE-SSBC12 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống tự động báo cháy Model: VE-SSBC12 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống tự động báo cháy Model: VE-SSBC12 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống tự động báo cháy Model: VE-SSBC12 | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Hệ thống tự động báo cháy Model: VE-SSBC12 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống tự động báo cháy Model: VE-SSBC12 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống tự động chống trộm Model: VE-SCT01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống tự động chống trộm Model: VE-SCT01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống tự động chống trộm Model: VE-SCT01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống tự động chống trộm Model: VE-SCT01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống tự động chống trộm Model: VE-SCT01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống tự động chống trộm Model: VE-SCT01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống đóng - mở cửa tự động Model: VE-CTD01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống đóng - mở cửa tự động Model: VE-CTD01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống đóng - mở cửa tự động Model: VE-CTD01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống đóng - mở cửa tự động Model: VE-CTD01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống đóng - mở cửa tự động Model: VE-CTD01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống đóng - mở cửa tự động Model: VE-CTD01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống chuông cổng loại có hình ảnh Model: VE-CCMH01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống chuông cổng loại có hình ảnh Model: VE-CCMH01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống chuông cổng loại có hình ảnh Model: VE-CCMH01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống chuông cổng loại có hình ảnh Model: VE-CCMH01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống chuông cổng loại có hình ảnh Model: VE-CCMH01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống chuông cổng loại có hình ảnh Model: VE-CCMH01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ Camera an ninh Model: VE-CBC05 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ Camera an ninh Model: VE-CBC05 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ Camera an ninh Model: VE-CBC05 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Mô hình cửa cuốn Model: VE-MHC21 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình cửa cuốn Model: VE-MHC21 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ hạ áp Model: VE-KCĐ0355 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ hạ áp Model: VE-KCĐ0355 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ hạ áp Model: VE-KCĐ0355 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ hạ áp Model: VE-KCĐ0355 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ hạ áp Model: VE-KCĐ0355 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ hạ áp Model: VE-KCĐ0355 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành điện tử cơ bản Model: VE-ĐTCB102 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành điện tử cơ bản Model: VE-ĐTCB102 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành điện tử cơ bản Model: VE-ĐTCB102 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành điện tử cơ bản Model: VE-ĐTCB102 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành điện tử cơ bản Model: VE-ĐTCB102 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành điện tử cơ bản Model: VE-ĐTCB102 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề cơ khí cầm tay Model: TRGW00099 Hãng sản xuất: Torin | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề cơ khí cầm tay Model: TRGW00099 Hãng sản xuất: Torin | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Phần mềm lập trình điện thông minh Model: ETS Hãng sản xuất: KNX | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cabin thực hành lắp đặt điện Model: VE-CBLĐ02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cabin thực hành lắp đặt điện Model: VE-CBLĐ02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cabin thực hành lắp đặt điện Model: VE-CBLĐ02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cabin thực hành lắp đặt điện Model: VE-CBLĐ02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cabin thực hành lắp đặt điện Model: VE-CBLĐ02 | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Cabin thực hành lắp đặt điện Model: VE-CBLĐ02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề cơ khí cầm tay Model: TRGW00099 Hãng sản xuất: Torin | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề cơ khí cầm tay Model: TRGW00099 Hãng sản xuất: Torin | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Máy cắt bê tông Model: 4112HS Hãng sản xuất: Makita | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cắt bê tông Model: 4112HS Hãng sản xuất: Makita | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính Model: 72J49PA + 1H849AA Hãng sản xuất: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu (Projector) Model: MX- CV205X Hãng sản xuất: SMX | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy uốn ống thủy lực Model: HHW-76B Hãng sản xuất: TLP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy khoan, đục bê tông Model: GBH 5-40D Hãng sản xuất: Bosch | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy khoan, đục bê tông Model: GBH 5-40D Hãng sản xuất: Bosch | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy khoan, đục bê tông Model: GBH 5-40D Hãng sản xuất: Bosch | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn hồ quang tay Model: ARC 400 J45 Hãng sản xuất: Jasic | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ hàn cắt Oxy - Axetilen Model: VM-BHCOXA Hãng sản xuất: Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ hàn cắt Oxy - Axetilen Model: VM-BHCOXA Hãng sản xuất: Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ hàn cắt Oxy - Axetilen Model: VM-BHCOXA Hãng sản xuất: Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Máy cắt bê tông cầm tay Model: 4112HS Hãng sản xuất: Makita | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Pa lăng xích điện, cố định Model: KKBB01-01 Hãng sản xuất: Kawasaki | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng Model: VE-BTHĐN23 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng Model: VE-BTHĐN23 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng Model: VE-BTHĐN23 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ phụ tải Model: VE-BPT23 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy sấy khí Model: TMMSK-25 Hãng sản xuất: Pegasus | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy sấy hoa quả Model: V-MVD01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy sấy thực phẩm Model: V-MFD21 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy bơm nước ly tâm không đồng bộ xoay chiều một pha Model: CM50 Hãng sản xuất: Pentax | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy bơm nước ly tâm không đồng bộ xoay chiều một pha Model: CM50 Hãng sản xuất: Pentax | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy bơm nước ly tâm không đồng bộ xoay chiều 3 pha Model: CM40-160A | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy bơm nước ly tâm không đồng bộ xoay chiều 3 pha Model: CM40-160A | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy bơm nước ly tâm không đồng bộ xoay chiều 3 pha Model: CM40-160A | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy bơm nước chìm 3 pha Model: MBA 322 Hãng sản xuất: Mastra | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành Model: VM-BN1000 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ Model: VM-TU730 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ dụng cụ chuyên dùng Model: TBR3007B-X | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính Model: 72J49PA + 1H849AA Hãng sản xuất: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu (Projector) Model: MX- CV205X Hãng sản xuất: SMX | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cắt ống thép chuyên dùng Model: TL-325 Hãng sản xuất: Lushun | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy nén khí Model: PX3120 Hãng sản xuất: Puma | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành Model: VM-BN1000 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành Model: VM-BN1000 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy uốn thuỷ lực chạy điện Model: HHW-3D Hãng sản xuất: TLP | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy ren ống đa năng Model: Z1T-R4 Hãng sản xuất: Lushun | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin lắp đặt thiết bị dùng nước trong nhà Model: V-CBLĐTBN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin thực hành lắp đặt chậu rửa bát loại 2 hố cân Model: V-CBLĐC01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bồn tắm (bồn ngâm) Model: AR4151 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Chậu rửa lavabo để bàn (Ca bin chậu rửa mặt) Model: V-LAV01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ca bin thực hành lắp đặt chậu rửa bát Model: V-CBLĐC02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bình nóng năng lượng mặt trời Model: TA GOLD F58-18 (180L) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bình nóng năng lượng mặt trời Model: TA GOLD F58-18 (180L) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bình nóng năng lượng mặt trời Model: TA GOLD F58-18 (180L) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bồn cầu treo tường Model: AC-23PVN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ hàn cắt Oxy - Axetilen Model: VM-BHCOXA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ hàn cắt Oxy - Axetilen Model: VM-BHCOXA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn hàn Model: V-BH700 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn hàn Model: V-BH700 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn hàn Model: V-BH700 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ dụng cụ chuyên dùng Model: TBR3007B-X Hãng sản xuất: Torin | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bảng mô hình các phụ kiện nối ống Model: V-PKPVC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tháp giải nhiệt nước Model: LBC-10RT Hãng sản xuất: Liangchi | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ hàn hơi Model: VM.BHH01 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Máy điều hòa không khí Multi ghép Model: AM4-H36/4DR3, AMWM-H09/4R3 AMSD-H09/4R3A, AMCA-H09/4R3AA Hãng sản xuất: AUX | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ hàn hơi Model: VM.BHH01 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ hàn hơi Model: VM.BHH01 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề cơ khí Model: VM.BDNCK01 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề cơ khí Model: VM.BDNCK01 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện lạnh Model: 1203 Hãng sản xuất: Yisen | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện lạnh Model: 1203 Hãng sản xuất: Yisen | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ hàn hơi Model: VM.BHH01 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ hàn hơi Model: VM.BHH01 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ hàn hơi Model: VM.BHH01 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề cơ khí Model: VM.BDNCK01 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề cơ khí Model: VM.BDNCK01 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề cơ khí Model: VM.BDNCK01 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề cơ khí Model: VM.BDNCK01 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện lạnh Model: 1203 Hãng sản xuất: Yisen | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện lạnh Model: 1203 Hãng sản xuất: Yisen | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện lạnh Model: 1203 Hãng sản xuất: Yisen | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện lạnh Model: 1203 Hãng sản xuất: Yisen | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ hàn hơi Model: VM.BHH01 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ hàn hơi Model: VM.BHH01 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ hàn hơi Model: VM.BHH01 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề cơ khí Model: VM.BDNCK01 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề cơ khí Model: VM.BDNCK01 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện lạnh Model: 1203 Hãng sản xuất: Yisen | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện lạnh Model: 1203 Hãng sản xuất: Yisen | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Máy thu hồi môi chất lạnh Model: VRR12L Hãng sản xuất: Value | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy nén bán kín Model: 2DES-3Y-40S Hãng sản xuất Bitzer, | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ hàn hơi Model: VM.BHH01 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ hàn hơi Model: VM.BHH01 | 1 | Bộ | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Bộ hàn hơi Model: VM.BHH01 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề cơ khí Model: VM.BDNCK01 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề cơ khí Model: VM.BDNCK01 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề cơ khí Model: VM.BDNCK01 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đồ nghề điện lạnh Model: 1203 Hãng sản xuất: Yisen | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Mô hình máy vận thăng VE-MHMVT11, Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ điện VE-KCD21, Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ điện VE-KCD21, Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ điện VE-KCD21, Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ điện VE-KCD21, Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ điện VE-KCD21, Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ điện VE-KCD21, Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bàn thực hành VE-MHB511, Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành VE-MHB511, Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành VE-MHB511, Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành VE-MHB511, Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành VE-MHB511, Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành VE-MHB511, Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hầm cáp VE-HC101, Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hầm cáp VE-HC101, Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hầm cáp VE-HC101, Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống máng cáp VE-HTTM102, Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống máng cáp VE-HTTM102, Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống máng cáp VE-HTTM102, Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ thực hành tiếp địa, chống sét VE-TDCS51, Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành tiếp địa, chống sét VE-TDCS51, Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành tiếp địa, chống sét VE-TDCS51, Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành lắp đặt chống sét chủ động VE-SCD12, Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành lắp đặt chống sét chủ động VE-SCD12, Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành lắp đặt chống sét chủ động VE-SCD12, Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ lắp đặt chống sét thụ động VE-STD12, Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành lắp đặt chống sét lan truyền VE-CSLC13, Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành lắp đặt chống sét lan truyền VE-CSLC13, Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành lắp đặt chống sét lan truyền VE-CSLC13, Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành lắp đặt tủ điện phân phối VE-TPP51, Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành lắp đặt tủ điện phân phối VE-TPP51, Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành lắp đặt tủ điện phân phối VE-TPP51, Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành lắp đặt tủ tụ bù VE-TĐB15, Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành lắp đặt tủ tụ bù VE-TĐB15, Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành lắp đặt tủ tụ bù VE-TĐB15, Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ an toàn điện VE-DCAN02, Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ an toàn điện VE-DCAN02, Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ an toàn điện VE-DCAN02, Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ an toàn điện VE-DCAN02, Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ an toàn điện VE-DCAN02, Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ an toàn điện VE-DCAN02, Vitechs | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Hệ thống điều khiển SCADA trong công nghiệp VE-SCA11, Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành PLC VE-PLC07,Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành PLC VE-PLC07,Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành PLC VE-PLC07,Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành PLC VE-PLC07,Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Bàn thực hành PLC VE-PLC07,Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành PLC VE-PLC07,Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành cảm biến VE-MHSS05, Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành cảm biến VE-MHSS05, Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành cảm biến VE-MHSS05, Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành cảm biến VE-MHSS05, Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành cảm biến VE-MHSS05, Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành cảm biến VE-MHSS05, Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống tự động báo cháy VE-HTBC51, Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống tự động báo cháy VE-HTBC51, Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống tự động báo cháy VE-HTBC51, Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống chuông cổng loại có hình ảnh VE-CBC21, Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống chuông cổng loại có hình ảnh VE-CBC21, Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống chuông cổng loại có hình ảnh VE-CBC21, Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ thiết bị điều khiển thông minh VE-MHNTM11, Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ thiết bị điều khiển thông minh VE-MHNTM11, Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ thiết bị điều khiển thông minh VE-MHNTM11, Vitechs | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Dụng cụ phòng cháy, chữa cháy | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy scan HP ScanJet Pro 3000 s4 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy scan HP ScanJet Pro 3000 s4 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống camera giám sát DS-2CD1027 G0-L | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống camera giám sát DS-2CD1027 G0-L | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị kiểm kho AUTOID Q9 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị kiểm kho AUTOID Q9 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chủ ML30 Gen10Plus 4LFF, Hot Plug CTO Svr, E-2324G (3.1GHz 4-core 65W), 16GB, 1x4TB HDD, 1x480GB SSD, 350W Intel Xeon E-2324G 3.1GHz 4-core 65W | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chủ ML30 Gen10Plus 4LFF, Hot Plug CTO Svr, E-2324G (3.1GHz 4-core 65W), 16GB, 1x4TB HDD, 1x480GB SSD, 350W Intel Xeon E-2324G 3.1GHz 4-core 65W | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy đóng đai ITA-42 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy đóng đai ITA-42 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Phần mềm quản lý thông tin khách hàng MISA AMIS CRM - Bản Standard | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Phần mền khai báo hải quan mô phỏng ECUS5VNACCS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy đóng bao cầm tay Newlong NP7A | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy in mã hàng hóa XT5-40s | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị kiểm kho Seuic | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị kiểm kho Seuic | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn chuẩn bị Thương hiệu: Inox Thái Long | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn chuẩn bị Thương hiệu: Inox Thái Long | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn chuẩn bị Thương hiệu: Inox Thái Long | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn chuẩn bị Thương hiệu: Inox Thái Long | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn chuẩn bị Thương hiệu: Inox Thái Long | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn chuẩn bị Thương hiệu: Inox Thái Long | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn chuẩn bị Thương hiệu: Inox Thái Long | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn chuẩn bị Thương hiệu: Inox Thái Long | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn chuẩn bị Thương hiệu: Inox Thái Long | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn chuẩn bị Thương hiệu: Inox Thái Long | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn chuẩn bị Thương hiệu: Inox Thái Long | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn chuẩn bị Thương hiệu: Inox Thái Long | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn chuẩn bị Thương hiệu: Inox Thái Long | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn chuẩn bị Thương hiệu: Inox Thái Long | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn chuẩn bị Thương hiệu: Inox Thái Long | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn chuẩn bị Thương hiệu: Inox Thái Long | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ mát Model: 2D/DC-B-2-G hãng sx: Berjaya | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ mát Model: 2D/DC-B-2-G hãng sx: Berjaya | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ mát Model: 2D/DC-B-2-G hãng sx: Berjaya | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy pha cà phê Model: L1000 hãng sx: Nuova Simonelli -Ý | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy pha cà phê Model: L1000 hãng sx: Nuova Simonelli -Ý | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy pha cà phê Model: L1000 hãng sx: Nuova Simonelli -Ý | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy pha cà phê Model: L1000 hãng sx: Nuova Simonelli -Ý | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy pha cà phê Model: L1000 hãng sx: Nuova Simonelli -Ý | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ lạnh Model: GR- X257BL Sản xuất LG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ lạnh Model: GR- X257BL Sản xuất LG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ lạnh Model: GR- X257BL Sản xuất LG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ lạnh Model: GR- X257BL Sản xuất LG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ lạnh Model: GR- X257BL Sản xuất LG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đông Model: VH-4099W1 Thương hiệu Sanaky | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đông Model: VH-4099W1 Thương hiệu Sanaky | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đông Model: VH-4099W1 Thương hiệu Sanaky | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đông Model: VH-4099W1 Thương hiệu Sanaky | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy xay cà phê HC600 – V.2 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy xay cà phê HC600 – V.2 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy xay cà phê HC600 – V.2 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy xay cà phê HC600 – V.2 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy dập nút chai rượu vang Model: OLDSB-60/360 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy dập nút chai rượu vang Model: OLDSB-60/360 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy dập nút chai rượu vang Model: OLDSB-60/360 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy dập nút chai rượu vang Model: OLDSB-60/360 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Quầy Bar Model: TT-QU2202 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Quầy Bar Model: TT-QU2202 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Quầy Bar Model: TT-QU2202 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ trưng bày | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ trưng bày | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ trưng bày | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ trưng bày | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ trưng bày | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ trưng bày | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ trưng bày | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ trưng bày | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn giật tôn Model: FY-9900 Hãng sản xuất: FY tech | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn giật tôn Model: FY-9900 Hãng sản xuất: FY tech | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn giật tôn Model: FY-9900 Hãng sản xuất: FY tech | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn giật tôn Model: FY-9900 Hãng sản xuất: FY tech | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn giật tôn Model: FY-9900 Hãng sản xuất: FY tech | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn giật tôn Model: FY-9900 Hãng sản xuất: FY tech | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn giật tôn Model: FY-9900 Hãng sản xuất: FY tech | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cưa sắt vòng Model: KSU-153FV Hãng sản xuất: Kong Sung | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cưa sắt vòng Model: KSU-153FV Hãng sản xuất: Kong Sung | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ ô tô xăng xe ô tô Vios 2020 Model : TBTP-ĐC6509 Hãng sản xuất : Thịnh Phát | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ ô tô xăng xe ô tô Vios 2020 Model : TBTP-ĐC6509 Hãng sản xuất : Thịnh Phát | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ ô tô phun xăng điện tử Model : TBTP-ĐC6510 Hãng sản xuất : Thịnh Phát | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ ô tô phun xăng điện tử Model : TBTP-ĐC6510 Hãng sản xuất : Thịnh Phát | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Động cơ ô tô diesel Kia 2020 phun dầu điện tử Common-Rail Model : TBTP-ĐC7520 Hãng sản xuất : Thịnh Phát | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy mài xu páp Model: RV516 Thương hiệu: COMEC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy mài xu páp Model: RV516 Thương hiệu: COMEC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy mài xu páp Model: RV516 Thương hiệu: COMEC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy mài xu páp Model: RV516 Thương hiệu: COMEC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống phun xăng điên tử Model : TBTP-NL1504 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống phun xăng điên tử Model : TBTP-NL1504 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ diesel dùng bơm cao áp điều khiển điện tử Model : TBTP-ĐC7521 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn máp Model: 517-114C Hãng sản xuất: Mitutoyo | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn máp Model: 517-114C Hãng sản xuất: Mitutoyo | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn máp Model: 517-114C Hãng sản xuất: Mitutoyo | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn máp Model: 517-114C Hãng sản xuất: Mitutoyo | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn máp Model: 517-114C Hãng sản xuất: Mitutoyo | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn máp Model: 517-114C Hãng sản xuất: Mitutoyo | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn máp Model: 517-114C Hãng sản xuất: Mitutoyo | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy rửa nước áp lực cao Model: PW-C45 D1814P4 T Hãng sản xuất: IPC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy rửa nước áp lực cao Model: PW-C45 D1814P4 T Hãng sản xuất: IPC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo Hãng sản xuất: Mitutoyo | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo Hãng sản xuất: Mitutoyo | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo Hãng sản xuất: Mitutoyo | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo Hãng sản xuất: Mitutoyo | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo Hãng sản xuất: Mitutoyo | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo Hãng sản xuất: Mitutoyo | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo Hãng sản xuất: Mitutoyo | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo Hãng sản xuất: Mitutoyo | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo Hãng sản xuất: Mitutoyo | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo Hãng sản xuất: Mitutoyo | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo Hãng sản xuất: Mitutoyo | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo Hãng sản xuất: Mitutoyo | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo Hãng sản xuất: Mitutoyo | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Tủ dụng cụ tháo lắp 7 ngăn Model: 826.7515 Hãng sản xuất: Kstools | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ dụng cụ tháo lắp 7 ngăn Model: 826.7515 Hãng sản xuất: Kstools | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ dụng cụ tháo lắp 7 ngăn Model: 826.7515 Hãng sản xuất: Kstools | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ dụng cụ tháo lắp 7 ngăn Model: 826.7515 Hãng sản xuất: Kstools | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ dụng cụ tháo lắp 7 ngăn Model: 826.7515 Hãng sản xuất: Kstools | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ dụng cụ tháo lắp 7 ngăn Model: 826.7515 Hãng sản xuất: Kstools | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ dụng cụ tháo lắp 7 ngăn Model: 826.7515 Hãng sản xuất: Kstools | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ dụng cụ tháo lắp 7 ngăn Model: 826.7515 Hãng sản xuất: Kstools | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ dụng cụ tháo lắp 7 ngăn Model: 826.7515 Hãng sản xuất: Kstools | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ dụng cụ tháo lắp 7 ngăn Model: 826.7515 Hãng sản xuất: Kstools | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ dụng cụ tháo lắp 7 ngăn Model: 826.7515 Hãng sản xuất: Kstools | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Tủ dụng cụ tháo lắp 7 ngăn Model: 826.7515 Hãng sản xuất: Kstools | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ vam tháo sơ mi - xy lanh Model: JTC-4068 Thương hiệu: JTC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ vam tháo sơ mi - xy lanh Model: JTC-4068 Thương hiệu: JTC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ vam tháo sơ mi - xy lanh Model: JTC-4068 Thương hiệu: JTC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ vam tháo sơ mi - xy lanh Model: JTC-4068 Thương hiệu: JTC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Pa lăng Model : SH-201 Hãng sản xuất : SongHan | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ taro ren ISO DIN 13 Model: 49505 Hãng sản xuất: Volkel | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ taro ren ISO DIN 13 Model: 49505 Hãng sản xuất: Volkel | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ taro ren ISO DIN 13 Model: 49505 Hãng sản xuất: Volkel | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ taro ren ISO DIN 13 Model: 49505 Hãng sản xuất: Volkel | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ taro ren ISO DIN 13 Model: 49505 Hãng sản xuất: Volkel | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ taro ren ISO DIN 13 Model: 49505 Hãng sản xuất: Volkel | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ ô tô Hybrid Camry tổng thành Model : TBTP-ĐC8506 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel điều khiển điện tử Model : TBTP-NL2503 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy rửa siêu âm Model: JP-480G Thương hiệu: SKYMEN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy rửa siêu âm Model: JP-480G Thương hiệu: SKYMEN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy ép thuỷ lực Model: TY20021 Thương hiệu: JP-480G | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy ép thuỷ lực Model: TY20021 Thương hiệu: JP-480G | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy ép thuỷ lực Model: TY20021 Thương hiệu: JP-480G | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bảng chức năng của hệ thống điều khiển động cơ diesel Model : TBTP-NL2505 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bảng chức năng của hệ thống điều khiển động cơ xăng Model : TBTP-NL1504 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống phanh dầu Model : TBTP-HTP404 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống phanh khí nén Model : TBTP-HTP602 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống treo độc lập Model : TBTP-HTT201 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống treo độc lập Model : TBTP-HTT201 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống treo độc lập Model : TBTP-HTT201 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống treo độc lập Model : TBTP-HTT201 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cơ cấu phanh tay Model : TBTP-HTP406 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cơ cấu phanh tay Model : TBTP-HTP406 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cơ cấu phanh tay Model : TBTP-HTP406 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cơ cấu phanh tay Model : TBTP-HTP406 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cơ cấu phanh tay Model : TBTP-HTP406 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các cụm tháo rời của hệ thống phanh ABS Model : TBTP-HTP208 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các cụm tháo rời của hệ thống phanh ABS Model : TBTP-HTP208 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các cụm tháo rời của hệ thống phanh ABS Model : TBTP-HTP208 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các cụm tháo rời của hệ thống phanh ABS Model : TBTP-HTP208 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các cụm tháo rời của hệ thống phanh ABS Model : TBTP-HTP208 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các cụm tháo rời của hệ thống phanh ABS Model : TBTP-HTP208 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cầu nâng 2 trụ Model: GC-4.0PROA Thương hiệu: GAOCHANG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cầu nâng 2 trụ Model: GC-4.0PROA Thương hiệu: GAOCHANG | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Cầu nâng 2 trụ Model: GC-4.0PROA Thương hiệu: GAOCHANG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cầu nâng 2 trụ Model: GC-4.0PROA Thương hiệu: GAOCHANG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cầu nâng 2 trụ Model: GC-4.0PROA Thương hiệu: GAOCHANG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ thước đo cầm tay chuyên dụng cho sửa chữa vỏ xe Model: DF-3DX Hãng sản xuất: Dent Fix | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thước đo cầm tay chuyên dụng cho sửa chữa vỏ xe Model: DF-3DX Hãng sản xuất: Dent Fix | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thước đo cầm tay chuyên dụng cho sửa chữa vỏ xe Model: DF-3DX Hãng sản xuất: Dent Fix | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thước đo cầm tay chuyên dụng cho sửa chữa vỏ xe Model: DF-3DX Hãng sản xuất: Dent Fix | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thước đo cầm tay chuyên dụng cho sửa chữa vỏ xe Model: DF-3DX Hãng sản xuất: Dent Fix | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ sửa chữa vết Lõm không phá hủy sơn Model: 076082 Thương hiệu: GYS | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ sửa chữa vết Lõm không phá hủy sơn Model: 076082 Thương hiệu: GYS | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ sửa chữa vết Lõm không phá hủy sơn Model: 076082 Thương hiệu: GYS | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ sửa chữa vết Lõm không phá hủy sơn Model: 076082 Thương hiệu: GYS | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ vam nắn khung xe tai nạn bằng thủy lực Model: T71002 Hãng sản xuất: Torin | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ vam nắn khung xe tai nạn bằng thủy lực Model: T71002 Hãng sản xuất: Torin | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Hệ thống dàn máy pha sơn vi tính (Phòng sơn + dàn máy pha sơn vi tính) Model: YDW Hãng sản xuất: BZB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị đào tạo kỹ năng kiểm tra bề mặt 'Model : TBTP-CBKT01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị đào tạo kỹ năng kiểm tra bề mặt cánh cửa 'Model : TBTP-CBKT02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị đào tạo kỹ năng nhìn và sờ kiểm tra bề mặt Model : TBTP-CBKT03 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn rút tôn sửa vỏ xe tai nạn (Điện 1 pha, 220V) Model: SG-90F Hãng sản xuất: SHUGUANG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn rút tôn sửa vỏ xe tai nạn (Điện 1 pha, 220V) Model: SG-90F Hãng sản xuất: SHUGUANG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn rút tôn sửa vỏ xe tai nạn (Điện 1 pha, 220V) Model: SG-90F Hãng sản xuất: SHUGUANG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn rút tôn sửa vỏ xe tai nạn (Điện 1 pha, 220V) Model: SG-90F Hãng sản xuất: SHUGUANG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn rút tôn sửa vỏ xe tai nạn (Điện 1 pha, 220V) Model: SG-90F Hãng sản xuất: SHUGUANG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn rút tôn sửa vỏ xe tai nạn (Điện 1 pha, 220V) Model: SG-90F Hãng sản xuất: SHUGUANG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hàn rút tôn sửa vỏ xe tai nạn (Điện 1 pha, 220V) Model: SG-90F Hãng sản xuất: SHUGUANG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống phần mềm xưởng sửa xe Mã sản phẩm Kgara Thương hiệu : BSS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống phần mềm xưởng sửa xe Mã sản phẩm Kgara Thương hiệu : BSS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị đào tạo kỹ năng hàn 'Model: MIG500 J8110 Hãng sản xuất: Jasic | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy khởi động Model : TBTP-HTĐ810 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy khởi động Model : TBTP-HTĐ810 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy khởi động Model : TBTP-HTĐ810 | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy khởi động Model : TBTP-HTĐ810 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy khởi động Model : TBTP-HTĐ810 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy khởi động Model : TBTP-HTĐ810 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy khởi động Model : TBTP-HTĐ810 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy khởi động Model : TBTP-HTĐ810 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy khởi động Model : TBTP-HTĐ810 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy khởi động Model : TBTP-HTĐ810 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy khởi động Model : TBTP-HTĐ810 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy khởi động Model : TBTP-HTĐ810 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống chiếu sáng Model : TBTP-HTĐ430 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống chiếu sáng Model : TBTP-HTĐ430 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống chiếu sáng Model : TBTP-HTĐ430 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống chiếu sáng Model : TBTP-HTĐ430 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống chiếu sáng Model : TBTP-HTĐ430 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống chiếu sáng Model : TBTP-HTĐ430 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống chiếu sáng Model : TBTP-HTĐ430 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống chiếu sáng Model : TBTP-HTĐ430 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống chiếu sáng Model : TBTP-HTĐ430 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống chiếu sáng Model : TBTP-HTĐ430 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống chiếu sáng Model : TBTP-HTĐ430 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống chiếu sáng Model : TBTP-HTĐ430 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống điều hoà Model : TBTP-HĐL520 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống điều hoà Model : TBTP-HĐL520 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống điều hoà Model : TBTP-HĐL520 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống điều hoà Model : TBTP-HĐL520 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống điều hoà Model : TBTP-HĐL520 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống điều hoà Model : TBTP-HĐL520 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống điều hoà Model : TBTP-HĐL520 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống điều hoà Model : TBTP-HĐL520 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy sạc ắc quy có trợ đề Model: 1300 Hãng sản xuất: Solary | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị rửa chi tiết Model: DY-500 Hãng sản xuất: Wuxi | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị rửa chi tiết Model: DY-500 Hãng sản xuất: Wuxi | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Giá đỡ cửa xe Model : TBTP-PTCX02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Giá đỡ cửa xe Model : TBTP-PTCX02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Giá đỡ cửa xe Model : TBTP-PTCX02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Giá đỡ cửa xe Model : TBTP-PTCX02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Giá đỡ cửa xe Model : TBTP-PTCX02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Giá đỡ kính chắn gió Model : TBTP-PTCG01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Giá đỡ kính chắn gió Model : TBTP-PTCG01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Giá đỡ kính chắn gió Model : TBTP-PTCG01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Giá đỡ kính chắn gió Model : TBTP-PTCG01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ dụng cụ tháo lắp 7 ngăn Model: : 826.7515 Hãng sản xuất: Kstools | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ dụng cụ tháo lắp 7 ngăn Model: : 826.7515 Hãng sản xuất: Kstools | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Tủ dụng cụ tháo lắp 7 ngăn Model: : 826.7515 Hãng sản xuất: Kstools | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ dụng cụ tháo lắp 7 ngăn Model: : 826.7515 Hãng sản xuất: Kstools | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống điện xe ô tô Model : TBTP-HTĐ448 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình xe với thiết bị chẩn đoán cho Hệ thống máy phát, Hệ thống khởi động cho tất cả các loại xe, kèm hộp ổ cắm, các lỗi cài đặt trước Model : TBTP-HTĐ461 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình xe với hệ thống chiếu sáng Xenon cũng như hệ thống chiếu sáng LED Model : TBTP-HTĐ462 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị thông tin xe điện và động cơ điện Model : TBTP-ĐC9401 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị thông tin xe điện và động cơ điện Model : TBTP-ĐC9401 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thu hồi/Tái chế/Nạp ga điều hoà Model: AC1000 Thương hiệu: ZELL | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị thu hồi gas lạnh Model: VRR12L-R32 Hãng sản xuất: Value | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị thu hồi gas lạnh Model: VRR12L-R32 Hãng sản xuất: Value | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị thu hồi gas lạnh Model: VRR12L-R32 Hãng sản xuất: Value | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị thu hồi gas lạnh Model: VRR12L-R32 Hãng sản xuất: Value | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị thu hồi gas lạnh Model: VRR12L-R32 Hãng sản xuất: Value | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cân chỉnh đèn pha ô tô (Thiết bị kiểm tra đèn pha)Mã sản phẩm: 12999 Thương hiệu: Vamag | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô đun thực nghiệm mô phỏng hệ thống điện - điện tử trên xe ô tô Model : TBTP-HTĐ805 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cầu nâng 4 trụ có kích phụ Model: GC-4.5F4 Thương hiệu: GAOCHANG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cầu nâng 4 trụ có kích phụ Model: GC-4.5F4 Thương hiệu: GAOCHANG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cầu nâng 4 trụ có kích phụ Model: GC-4.5F4 Thương hiệu: GAOCHANG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cầu nâng 4 trụ có kích phụ Model: GC-4.5F4 Thương hiệu: GAOCHANG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy sạc ắc quy có trợ đề Model: 1300 Hãng sản xuất: Solary | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy sạc ắc quy có trợ đề Model: 1300 Hãng sản xuất: Solary | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy sạc ắc quy có trợ đề Model: 1300 Hãng sản xuất: Solary | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy sạc ắc quy có trợ đề Model: 1300 Hãng sản xuất: Solary | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy sạc ắc quy có trợ đề Model: 1300 Hãng sản xuất: Solary | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy sạc ắc quy có trợ đề Model: 1300 Hãng sản xuất: Solary | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị phân tích khí xả động cơ xăng Model: GASBOX2 Thương hiệu: TEXA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị phân tích khí xả động cơ Diesel Model: OPABOX AUTOPOWER Thương hiệu: TEXA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị kiểm tra góc đặt bánh xe Model: EXACT BLACKTECH PLUS XR Thương hiệu: CORGHI (Italy) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị kiểm tra góc đặt bánh xe Model: EXACT BLACKTECH PLUS XR Thương hiệu: CORGHI (Italy) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị kiểm tra độ ồn Mã sản phẩm: SLM-CL01 Thương hiệu: Vamag | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị kiểm tra độ ồn Mã sản phẩm: SLM-CL01 Thương hiệu: Vamag | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị kiểm tra độ ồn Mã sản phẩm: SLM-CL01 Thương hiệu: Vamag | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị kiểm tra độ ồn Mã sản phẩm: SLM-CL01 Thương hiệu: Vamag | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Thiết bị kiểm tra độ ồn Mã sản phẩm: SLM-CL01 Thương hiệu: Vamag | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị kiểm tra độ ồn Mã sản phẩm: SLM-CL01 Thương hiệu: Vamag | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị kiểm tra đèn pha Mã sản phẩm: 12999 Thương hiệu: Vamag | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị kiểm tra đèn pha Mã sản phẩm: 12999 Thương hiệu: Vamag | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị kiểm tra đèn pha Mã sản phẩm: 12999 Thương hiệu: Vamag | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị kiểm tra đèn pha Mã sản phẩm: 12999 Thương hiệu: Vamag | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị kiểm tra đèn pha Mã sản phẩm: 12999 Thương hiệu: Vamag | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị kiểm tra đèn pha Mã sản phẩm: 12999 Thương hiệu: Vamag | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị kiểm tra rung lắc 3 chiều Model: PGN/M Thương hiệu: Vamag | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị kiểm tra rung lắc 3 chiều Model: PGN/M Thương hiệu: Vamag | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị kiểm tra rung lắc 3 chiều Model: PGN/M Thương hiệu: Vamag | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị kiểm tra rung lắc 3 chiều Model: PGN/M Thương hiệu: Vamag | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị kiểm tra rung lắc 3 chiều Model: PGN/M Thương hiệu: Vamag | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị kiểm tra rung lắc 3 chiều Model: PGN/M Thương hiệu: Vamag | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy làm sạch môi trường làm việc (Máy sạc, thu hồi gas điều hòa ô tô tự động) Model: AIR-NEX 9380 Hãng sản xuất: BRAINBEE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Băng chạy rà hộp số tư động (Băng chạy rà hộp số) Model : ER-ATT19 Hãng sản xuất: Qingdao Haolida | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Băng chạy rà hộp số tư động (Băng chạy rà hộp số) Model : ER-ATT19 Hãng sản xuất: Qingdao Haolida | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cân chỉnh độ chụm và góc đặt bánh xe (Thiết bị kiểm tra góc đặt bánh xe) Model:ND NewDimension Hãng sản xuất: VAMAG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bảng tương tác (Màn hình tương tác) Model: DW86TS Thương hiệu: NewSmart | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bảng tương tác (Màn hình tương tác) Model: DW86TS Thương hiệu: NewSmart | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bảng tương tác (Màn hình tương tác) Model: DW86TS Thương hiệu: NewSmart | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bảng tương tác (Màn hình tương tác) Model: DW86TS Thương hiệu: NewSmart | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bảng tương tác (Màn hình tương tác) Model: DW86TS Thương hiệu: NewSmart | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bảng tương tác (Màn hình tương tác) Model: DW86TS Thương hiệu: NewSmart | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Phần mềm vẽ điện Model: AS E8 Hãng sản xuất: Famic | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Scanner Model: HP ScanJet Pro 3000 s4 Hãng sản xuất: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị lưu trữ dữ liệu Model: Inspiron 15 3530 Hãng sản xuất: DELL | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính Model: HP Pro Tower 280 G9 Hãng sản xuất: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính Model: HP Pro Tower 280 G9 Hãng sản xuất: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính Model: HP Pro Tower 280 G9 Hãng sản xuất: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính Model: HP Pro Tower 280 G9 Hãng sản xuất: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính Model: HP Pro Tower 280 G9 Hãng sản xuất: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính Model: HP Pro Tower 280 G9 Hãng sản xuất: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính Model: HP Pro Tower 280 G9 Hãng sản xuất: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy vi tính Model: HP Pro Tower 280 G9 Hãng sản xuất: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Khí cụ điện Model: KT-KCD Hãng sản xuất: Khang Thịnh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Khí cụ điện Model: KT-KCD Hãng sản xuất: Khang Thịnh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Khí cụ điện Model: KT-KCD Hãng sản xuất: Khang Thịnh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Khí cụ điện Model: KT-KCD Hãng sản xuất: Khang Thịnh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Khí cụ điện Model: KT-KCD Hãng sản xuất: Khang Thịnh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Khí cụ điện Model: KT-KCD Hãng sản xuất: Khang Thịnh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Bàn thực hành đa năng + ghế ngồi gấp gọn và có tựa Model: KT- BTHĐN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành trang bị điện Model: KT- BTHTBD | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành trang bị điện Model: KT- BTHTBD | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành trang bị điện Model: KT- BTHTBD | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành trang bị điện Model: KT- BTHTBD | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành trang bị điện Model: KT- BTHTBD | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ điện 3 pha rô to dây quấn Model: KT-DC3PDQ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ điện 3 pha rô to dây quấn Model: KT-DC3PDQ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ điện 3 pha rô to dây quấn Model: KT-DC3PDQ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ điện 3 pha rô to dây quấn Model: KT-DC3PDQ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ điện 3 pha rô to dây quấn Model: KT-DC3PDQ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ điện 3 pha rô to dây quấn Model: KT-DC3PDQ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ điện 3 pha rô to dây quấn Model: KT-DC3PDQ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ điện 3 pha rô to dây quấn Model: KT-DC3PDQ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ điện 3 pha rô to dây quấn Model: KT-DC3PDQ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình trang bị điện máy công cụ Model: KT-MHDMCC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ thực hành lắp mạch trang bị điện Model: KT-BKCTH | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ thực hành lắp mạch trang bị điện Model: KT-BKCTH | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ thực hành lắp mạch trang bị điện Model: KT-BKCTH | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ thực hành lắp mạch trang bị điện Model: KT-BKCTH | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ thực hành lắp mạch trang bị điện Model: KT-BKCTH | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ thực hành lắp mạch trang bị điện Model: KT-BKCTH | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ thực hành lắp mạch trang bị điện Model: KT-BKCTH | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ thực hành lắp mạch trang bị điện Model: KT-BKCTH | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ thực hành lắp mạch trang bị điện Model: KT-BKCTH | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ thực hành lắp mạch trang bị điện Model: KT-BKCTH | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ thực hành lắp mạch trang bị điện Model: KT-BKCTH | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ thực hành lắp mạch trang bị điện Model: KT-BKCTH | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ thực hành lắp mạch trang bị điện Model: KT-BKCTH | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ thực hành lắp mạch trang bị điện Model: KT-BKCTH | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ thực hành lắp mạch trang bị điện Model: KT-BKCTH | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ thực hành lắp mạch trang bị điện Model: KT-BKCTH | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ thực hành lắp mạch trang bị điện Model: KT-BKCTH | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ khí cụ thực hành lắp mạch trang bị điện Model: KT-BKCTH | 1 | Bộ | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy phát điện xoay chiều 1 pha Model: KT-MPDXC1P | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ điện ATS Model: KT-LC34 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ điện ATS Model: KT-LC34 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ điện ATS Model: KT-LC34 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ điện ATS Model: KT-LC34 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ điện ATS Model: KT-LC34 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ điện ATS Model: KT-LC34 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ điện ATS Model: KT-LC34 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ điện ATS Model: KT-LC34 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ điện ATS Model: KT-LC34 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ điện ATS Model: KT-LC34 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ điện phân phối Model: KT- LC35 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ điện phân phối Model: KT- LC35 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ điện phân phối Model: KT- LC35 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ điện phân phối Model: KT- LC35 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ điện phân phối Model: KT- LC35 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ điện phân phối Model: KT- LC35 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ điện phân phối Model: KT- LC35 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ điện phân phối Model: KT- LC35 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ điện phân phối Model: KT- LC35 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ điện phân phối Model: KT- LC35 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ điện phân phối Model: KT- LC35 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ thực hành nhà thông minh Model: KT-BTHNTM | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành nhà thông minh Model: KT-BTHNTM | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành nhà thông minh Model: KT-BTHNTM | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành nhà thông minh Model: KT-BTHNTM | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành nhà thông minh Model: KT-BTHNTM | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành nhà thông minh Model: KT-BTHNTM | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Mô hình điện mặt trời Model: KT-MHDMT | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình điện mặt trời Model: KT-MHDMT | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình điện mặt trời Model: KT-MHDMT | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình điện mặt trời Model: KT-MHDMT | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình điện mặt trời Model: KT-MHDMT | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình điện mặt trời Model: KT-MHDMT | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ dành cho lắp đường dây cáp Model: KT-DCLDDC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cáp kết nối Model: 6GK1571-0BA00-0AA0 Hãng sản xuất: Siemens | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cáp kết nối Model: 6GK1571-0BA00-0AA0 Hãng sản xuất: Siemens | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cáp kết nối Model: 6GK1571-0BA00-0AA0 Hãng sản xuất: Siemens | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành cảm biến Model: KT-BTHCB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành cảm biến Model: KT-BTHCB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành cảm biến Model: KT-BTHCB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành cảm biến Model: KT-BTHCB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành cảm biến Model: KT-BTHCB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Kít thực hành vi điều khiển Model: KT-KTHVDK | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Kít thực hành vi điều khiển Model: KT-KTHVDK | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Kít thực hành vi điều khiển Model: KT-KTHVDK | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Kít thực hành vi điều khiển Model: KT-KTHVDK | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Kít thực hành vi điều khiển Model: KT-KTHVDK | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Kít thực hành vi điều khiển Model: KT-KTHVDK | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Kít thực hành vi điều khiển Model: KT-KTHVDK | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Kít thực hành vi điều khiển Model: KT-KTHVDK | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Kít thực hành vi điều khiển Model: KT-KTHVDK | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Kít thực hành vi điều khiển Model: KT-KTHVDK | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Kít thực hành vi điều khiển Model: KT-KTHVDK | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Kít thực hành vi điều khiển Model: KT-KTHVDK | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Kít thực hành vi điều khiển Model: KT-KTHVDK | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Kít thực hành vi điều khiển Model: KT-KTHVDK | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Kít thực hành vi điều khiển Model: KT-KTHVDK | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình cánh tay robot Model: KT-MHCTRB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình khởi động mềm động cơ Model: KT-KĐMĐC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình khởi động mềm động cơ Model: KT-KĐMĐC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình khởi động mềm động cơ Model: KT-KĐMĐC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình khởi động mềm động cơ Model: KT-KĐMĐC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình khởi động mềm động cơ Model: KT-KĐMĐC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình khởi động mềm động cơ Model: KT-KĐMĐC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình khởi động mềm động cơ Model: KT-KĐMĐC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình khởi động mềm động cơ Model: KT-KĐMĐC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình khởi động mềm động cơ Model: KT-KĐMĐC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình khởi động mềm động cơ Model: KT-KĐMĐC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình khởi động mềm động cơ Model: KT-KĐMĐC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành biến tần Model: KT-MHTHBT | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành biến tần Model: KT-MHTHBT | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành biến tần Model: KT-MHTHBT | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành biến tần Model: KT-MHTHBT | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành biến tần Model: KT-MHTHBT | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành biến tần Model: KT-MHTHBT | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành biến tần Model: KT-MHTHBT | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm điện khí nén Model: KT-BTNDKN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm điện khí nén Model: KT-BTNDKN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình phân loại sản phẩm (có đóng nắp chai, đếm và đóng hộp). Model: KT-MHPLSP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình phân loại sản phẩm (có đóng nắp chai, đếm và đóng hộp). Model: KT-MHPLSP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình phân loại sản phẩm (có đóng nắp chai, đếm và đóng hộp). Model: KT-MHPLSP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình trạm bơm nước Model: KT-MHTBN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ thiết bị đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ MX300/ 4105A/ KT-BTBDL Hãng sản xuất: Kyoritsu/ Selec/ Khang Thịnh | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thiết bị đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ MX300/ 4105A/ KT-BTBDL Hãng sản xuất: Kyoritsu/ Selec/ Khang Thịnh | 1 | Bộ | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Bộ thiết bị đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ MX300/ 4105A/ KT-BTBDL Hãng sản xuất: Kyoritsu/ Selec/ Khang Thịnh | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thiết bị đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ MX300/ 4105A/ KT-BTBDL Hãng sản xuất: Kyoritsu/ Selec/ Khang Thịnh | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thiết bị đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ MX300/ 4105A/ KT-BTBDL Hãng sản xuất: Kyoritsu/ Selec/ Khang Thịnh | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thiết bị đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ MX300/ 4105A/ KT-BTBDL Hãng sản xuất: Kyoritsu/ Selec/ Khang Thịnh | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thiết bị đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ MX300/ 4105A/ KT-BTBDL Hãng sản xuất: Kyoritsu/ Selec/ Khang Thịnh | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thiết bị đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ MX300/ 4105A/ KT-BTBDL Hãng sản xuất: Kyoritsu/ Selec/ Khang Thịnh | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thiết bị đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ MX300/ 4105A/ KT-BTBDL Hãng sản xuất: Kyoritsu/ Selec/ Khang Thịnh | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thiết bị đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ MX300/ 4105A/ KT-BTBDL Hãng sản xuất: Kyoritsu/ Selec/ Khang Thịnh | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thiết bị đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ MX300/ 4105A/ KT-BTBDL Hãng sản xuất: Kyoritsu/ Selec/ Khang Thịnh | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thiết bị đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ MX300/ 4105A/ KT-BTBDL Hãng sản xuất: Kyoritsu/ Selec/ Khang Thịnh | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ dụng cụ đo lường điện Model: 1009/ Kew 2200/ 3005A/ 8031/ 4105A Hãng sản xuất: Kyoritsu | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Mô hình điện gió Model: HB- LC38 Hãng sản xuất: HB | 1 | Bộ | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Mô hình điện gió Model: HB- LC38 Hãng sản xuất: HB | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Mô hình điện gió Model: HB- LC38 Hãng sản xuất: HB | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Mô hình điện gió Model: HB- LC38 Hãng sản xuất: HB | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành PLC Model: HB- LC46 Hãng sản xuất: HB | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành PLC Model: HB- LC46 Hãng sản xuất: HB | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành PLC Model: HB- LC46 Hãng sản xuất: HB | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành PLC Model: HB- LC46 Hãng sản xuất: HB | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành PLC Model: HB- LC46 Hãng sản xuất: HB | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành PLC Model: HB- LC46 Hãng sản xuất: HB | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành PLC Model: HB- LC46 Hãng sản xuất: HB | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành PLC Model: HB- LC46 Hãng sản xuất: HB | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành PLC Model: HB- LC46 Hãng sản xuất: HB | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành PLC Model: HB- LC46 Hãng sản xuất: HB | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Mô hình băng tải Model: HB- LC50 Hãng sản xuất: HB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình băng tải Model: HB- LC50 Hãng sản xuất: HB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thang máy Model: HB- LC51 Hãng sản xuất: HB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thang máy Model: HB- LC51 Hãng sản xuất: HB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thang máy Model: HB- LC51 Hãng sản xuất: HB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính Laptop Dell Inspiron 3530 (Intel Core i5-1335U \| 16GB \| 512GB \| GeForce MX550 \| 15.6 inch FHD \| Win 11 \| Office \| Platinium Silver) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thảm trải sàn Axminster T 428/ Jiangsu Kaili | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn nguội có ê tô - Model: 2Q-BN-11 Nhà sản xuất: 2Q | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn nguội có ê tô - Model: 2Q-BN-11 Nhà sản xuất: 2Q | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn nguội có ê tô - Model: 2Q-BN-11 Nhà sản xuất: 2Q | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn nguội có ê tô - Model: 2Q-BN-11 Nhà sản xuất: 2Q | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn nguội có ê tô - Model: 2Q-BN-11 Nhà sản xuất: 2Q | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn nguội có ê tô - Model: 2Q-BN-11 Nhà sản xuất: 2Q | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn nguội có ê tô - Model: 2Q-BN-11 Nhà sản xuất: 2Q | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn nguội có ê tô - Model: 2Q-BN-11 Nhà sản xuất: 2Q | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn nguội có ê tô - Model: 2Q-BN-11 Nhà sản xuất: 2Q | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn nguội có ê tô - Model: 2Q-BN-11 Nhà sản xuất: 2Q | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn nguội có ê tô - Model: 2Q-BN-11 Nhà sản xuất: 2Q | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FPT, Model: F717i Bộ vi xử lý: Core™ i7-12700 (Bộ nhớ đệm 25MB Cache, Tần số 2.10Ghz hỗ trợ Turbo tối đa lên đến 4.90GHz) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FPT, Model: F717i Bộ vi xử lý: Core™ i7-12700 (Bộ nhớ đệm 25MB Cache, Tần số 2.10Ghz hỗ trợ Turbo tối đa lên đến 4.90GHz) | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy vi tính FPT, Model: F717i Bộ vi xử lý: Core™ i7-12700 (Bộ nhớ đệm 25MB Cache, Tần số 2.10Ghz hỗ trợ Turbo tối đa lên đến 4.90GHz) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FPT, Model: F717i Bộ vi xử lý: Core™ i7-12700 (Bộ nhớ đệm 25MB Cache, Tần số 2.10Ghz hỗ trợ Turbo tối đa lên đến 4.90GHz) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FPT, Model: F717i Bộ vi xử lý: Core™ i7-12700 (Bộ nhớ đệm 25MB Cache, Tần số 2.10Ghz hỗ trợ Turbo tối đa lên đến 4.90GHz) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FPT, Model: F717i Bộ vi xử lý: Core™ i7-12700 (Bộ nhớ đệm 25MB Cache, Tần số 2.10Ghz hỗ trợ Turbo tối đa lên đến 4.90GHz) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FPT, Model: F717i Bộ vi xử lý: Core™ i7-12700 (Bộ nhớ đệm 25MB Cache, Tần số 2.10Ghz hỗ trợ Turbo tối đa lên đến 4.90GHz) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FPT, Model: F717i Bộ vi xử lý: Core™ i7-12700 (Bộ nhớ đệm 25MB Cache, Tần số 2.10Ghz hỗ trợ Turbo tối đa lên đến 4.90GHz) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FPT, Model: F717i Bộ vi xử lý: Core™ i7-12700 (Bộ nhớ đệm 25MB Cache, Tần số 2.10Ghz hỗ trợ Turbo tối đa lên đến 4.90GHz) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FPT, Model: F717i Bộ vi xử lý: Core™ i7-12700 (Bộ nhớ đệm 25MB Cache, Tần số 2.10Ghz hỗ trợ Turbo tối đa lên đến 4.90GHz) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FPT, Model: F717i Bộ vi xử lý: Core™ i7-12700 (Bộ nhớ đệm 25MB Cache, Tần số 2.10Ghz hỗ trợ Turbo tối đa lên đến 4.90GHz) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu (Projecter) Model: IN1034 Thương hiệu: INFOCUS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu (Projecter) Model: IN1034 Thương hiệu: INFOCUS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu (Projecter) Model: IN1034 Thương hiệu: INFOCUS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu (Projecter) Model: IN1034 Thương hiệu: INFOCUS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ ô tô Model: HBE-DC01-10 Nhà sản xuất: HB Hà Nội | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ ô tô Model: HBE-DC01-10 Nhà sản xuất: HB Hà Nội | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ ô tô Model: HBE-DC01-10 Nhà sản xuất: HB Hà Nội | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ ô tô Model: HBE-DC01-10 Nhà sản xuất: HB Hà Nội | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ ô tô Model: HBE-DC01-10 Nhà sản xuất: HB Hà Nội | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ ô tô Model: HPE-010-23 Nhà sản xuất: Hanel | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ ô tô Model: HPE-010-23 Nhà sản xuất: Hanel | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Động cơ ô tô Model: HPE-010-23 Nhà sản xuất: Hanel | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel sử dụng bơm cao áp VE Model: HPE-030-23 Nhà sản xuất: Hanel | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel sử dụng bơm cao áp VE Model: HPE-030-23 Nhà sản xuất: Hanel | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel sử dụng bơm cao áp VE Model: HPE-030-23 Nhà sản xuất: Hanel | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel sử dụng bơm cao áp PE Model: HBE-NL04-08 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel sử dụng bơm cao áp PE Model: HBE-NL04-08 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel sử dụng bơm cao áp PE Model: HBE-NL04-08 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel sử dụng bơm cao áp PE Model: HBE-NL04-08 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel sử dụng bơm cao áp PE Model: HBE-NL04-08 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel sử dụng bơm cao áp PE Model: HBE-NL04-08 | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Bàn thực hành tháo, lắp Model: 2Q-BTL05 sản xuất: 2Q | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành tháo, lắp Model: 2Q-BTL05 sản xuất: 2Q | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành tháo, lắp Model: 2Q-BTL05 sản xuất: 2Q | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành tháo, lắp Model: 2Q-BTL05 sản xuất: 2Q | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành tháo, lắp Model: 2Q-BTL05 sản xuất: 2Q | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành tháo, lắp Model: 2Q-BTL05 sản xuất: 2Q | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành tháo, lắp Model: 2Q-BTL05 sản xuất: 2Q | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành tháo, lắp Model: 2Q-BTL05 sản xuất: 2Q | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành tháo, lắp Model: 2Q-BTL05 sản xuất: 2Q | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành tháo, lắp Model: 2Q-BTL05 sản xuất: 2Q | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành tháo, lắp Model: 2Q-BTL05 sản xuất: 2Q | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành tháo, lắp Model: 2Q-BTL05 sản xuất: 2Q | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành tháo, lắp Model: 2Q-BTL05 sản xuất: 2Q | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành tháo, lắp Model: 2Q-BTL05 sản xuất: 2Q | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành tháo, lắp Model: 2Q-BTL05 sản xuất: 2Q | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành tháo, lắp Model: 2Q-BTL05 sản xuất: 2Q | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính xách tay Model: Vostro 3420 CPU: Core™ i7-1255U (up to 4.70GHz, 12MB Cache, 4 lõi, 8 luồng) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính xách tay Model: Vostro 3420 CPU: Core™ i7-1255U (up to 4.70GHz, 12MB Cache, 4 lõi, 8 luồng) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính xách tay Model: Vostro 3420 CPU: Core™ i7-1255U (up to 4.70GHz, 12MB Cache, 4 lõi, 8 luồng) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính xách tay Model: Vostro 3420 CPU: Core™ i7-1255U (up to 4.70GHz, 12MB Cache, 4 lõi, 8 luồng) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính xách tay Model: Vostro 3420 CPU: Core™ i7-1255U (up to 4.70GHz, 12MB Cache, 4 lõi, 8 luồng) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình cắt bổ động cơ diesel 4 kỳ Model: HPE-CB03 sản xuất: Hanel | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình cắt bổ động cơ diesel 4 kỳ Model: HPE-CB03 sản xuất: Hanel | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình cắt bổ động cơ diesel 4 kỳ Model: HPE-CB03 sản xuất: Hanel | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các cụm tháo rời hệ thống bôi trơn Model: HBE-TL01-02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các cụm tháo rời hệ thống bôi trơn Model: HBE-TL01-02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các cụm tháo rời hệ thống bôi trơn Model: HBE-TL01-02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các cụm tháo rời hệ thống bôi trơn Model: HBE-TL01-02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các cụm tháo rời hệ thống bôi trơn Model: HBE-TL01-02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các cụm tháo rời hệ thống bôi trơn Model: HBE-TL01-02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Giá chuyên dùng cho tháo, lắp vòi phun Model: HBE-G01-04 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Giá chuyên dùng cho tháo, lắp vòi phun Model: HBE-G01-04 | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Giá chuyên dùng treo bơm cao áp Model: HBE-G03-06 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Giá chuyên dùng treo bơm cao áp Model: HBE-G03-06 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cân chỉnh bơm cao áp Model: 12PSB-500 Thương hiệu: Nantai | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị kiểm tra vòi phun nhiên liệu Model: HP-7 Thương hiệu: Puli | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống phun xăng điện tử Model: HBE-TPX-01-03 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống phun xăng điện tử Model: HBE-TPX-01-03 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị thông rửa hệ thống nhiên liệu Model: IMPACT-770 Thương hiệu: IMPACT | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị thông rửa hệ thống nhiên liệu Model: IMPACT-770 Thương hiệu: IMPACT | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị thông rửa hệ thống nhiên liệu Model: IMPACT-770 Thương hiệu: IMPACT | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống khí nén 1. Máy nén khí - 01 bộ Model: TMPM-50HP 2. Bình tích khí - 01 bộ 3. Máy sấy khí - 01 bộ Model: TMMSK-115 Thương hiệu: Pegasus | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống khí nén 1. Máy nén khí - 01 bộ Model: TMPM-50HP 2. Bình tích khí - 01 bộ 3. Máy sấy khí - 01 bộ Model: TMMSK-115 Thương hiệu: Pegasus | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống khí nén 1. Máy nén khí - 01 bộ Model: TMPM-50HP 2. Bình tích khí - 01 bộ 3. Máy sấy khí - 01 bộ Model: TMMSK-115 Thương hiệu: Pegasus | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống khí nén 1. Máy nén khí - 01 bộ Model: TMPM-50HP 2. Bình tích khí - 01 bộ 3. Máy sấy khí - 01 bộ Model: TMMSK-115 Thương hiệu: Pegasus | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống phanh ABS Model: HBE-PABS04-02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống phanh dầu Model: HB-PD05-12 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống phanh dầu Model: HB-PD05-12 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống lái trợ lực điện Model: HPE-TL006 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống lái trợ lực điện Model: HPE-TL006 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống lái trợ lực điện Model: HPE-TL006 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống lái Model: HBE-TL007-12 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống lái Model: HBE-TL007-12 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống lái Model: HBE-TL007-12 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống lái Model: HBE-TL007-12 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống lái Model: HBE-TL007-12 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống lái Model: HBE-TL007-12 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống lái Model: HBE-TL007-12 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống lái Model: HBE-TL007-12 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống lái Model: HBE-TL007-12 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống lái Model: HBE-TL007-12 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống lái Model: HBE-TL007-12 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống lái Model: HBE-TL007-12 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống lái Model: HBE-TL007-12 | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Các bộ phận tháo rời của hệ thống lái Model: HBE-TL007-12 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình đào tạo kỹ năng chà nhám ướt Model: HBE-XS001-01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình đào tạo kỹ năng phun sơn Model: HBE-XS002-01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình đào tạo kỹ năng tạo hình, bả ma tít Model: HBE-XS003-01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cánh cửa mẫu ô tô Model: HBE-XS004-01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình đào tạo kỹ năng thực hành sử dụng dụng cụ đo kiểm Model: HBE-CK001-02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn nguội có ê tô và máy mài hai đá Model: 2Q-BN-2D | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn nguội có ê tô và máy mài hai đá Model: 2Q-BN-2D | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn nguội có ê tô và máy mài hai đá Model: 2Q-BN-2D | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn nguội có ê tô và máy mài hai đá Model: 2Q-BN-2D | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn nguội có ê tô và máy mài hai đá Model: 2Q-BN-2D | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn nguội có ê tô và máy mài hai đá Model: 2Q-BN-2D | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Vali modul Điện và Điện tử Model: HBE-D08-14 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Vali modul Điện và Điện tử Model: HBE-D08-14 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình Pin cao áp Model: HBE-D09-14 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình Pin cao áp Model: HBE-D09-14 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình Pin cao áp Model: HBE-D09-14 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Sa bàn hệ thống điện Model: HPE-D10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Sa bàn hệ thống smartkey Model: HBE-D12-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống điện thân xe Model: HBE-D13-11 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống điện thân xe Model: HBE-D13-11 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống điện thân xe Model: HBE-D13-11 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống điện thân xe Model: HBE-D13-11 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Pa nen mạch điện ô tô: Hệ thống chiếu sáng, đánh lửa, tín hiệu, khởi động Model: HBE-D15-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Pa nen mạch điện ô tô: Hệ thống chiếu sáng, đánh lửa, tín hiệu, khởi động Model: HBE-D15-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Pa nen mạch điện ô tô: Hệ thống chiếu sáng, đánh lửa, tín hiệu, khởi động Model: HBE-D15-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Pa nen mạch điện ô tô: Hệ thống chiếu sáng, đánh lửa, tín hiệu, khởi động Model: HBE-D15-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Pa nen mạch điện ô tô: Hệ thống chiếu sáng, đánh lửa, tín hiệu, khởi động Model: HBE-D15-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Pa nen mạch điện ô tô: Hệ thống chiếu sáng, đánh lửa, tín hiệu, khởi động Model: HBE-D15-10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị lưu tài liệu 1. Máy vi tính Model: Vostro 3420 V4I7310W1 CPU: Core™ i7-1255U (up to 4.70GHz, 12MB Cache, 4 lõi, 8 luồng) Xuất xứ: Dell | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị lưu tài liệu 1. Máy vi tính Model: Vostro 3420 V4I7310W1 CPU: Core™ i7-1255U (up to 4.70GHz, 12MB Cache, 4 lõi, 8 luồng) Xuất xứ: Dell | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị lưu tài liệu 1. Máy vi tính Model: Vostro 3420 V4I7310W1 CPU: Core™ i7-1255U (up to 4.70GHz, 12MB Cache, 4 lõi, 8 luồng) Xuất xứ: Dell | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô đun thực nghiệm mô phỏng và thu thập dữ liệu hệ thống điều khiển gương điện (Mô hình hệ thống điện thân xe) Model: HBE-MP01-01 | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Mô đun thực nghiệm mô phỏng và thu thập dữ liệu hệ thống điều khiển nâng - hạ cửa sổ điện (Mô hình hệ thống điện thân xe) Model: HBE-MP02-01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô đun thực nghiệm mô phỏng và thu thập dữ liệu hệ thống điều khiển khoá cửa và cảnh báo cửa mở (Mô hình hệ thống điện thân xe) Model: HBE-MP03-01; Máy tính xách tay lưu các phần mềm Model: Vostro 3420 V4I7310W1 Xuất xứ: Dell/ Trung quốc | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chẩn đoán lỗi ô tô Model: Z5 CTB Kit Thương hiệu: ZENITH | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chẩn đoán lỗi ô tô Model: Z5 CTB Kit Thương hiệu: ZENITH | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chẩn đoán lỗi ô tô Model: Z5 CTB Kit Thương hiệu: ZENITH | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chẩn đoán lỗi ô tô Model: Z5 CTB Kit Thương hiệu: ZENITH | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chẩn đoán lỗi ô tô Model: Z5 CTB Kit Thương hiệu: ZENITH | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Xe ô tô dưới 9 chỗ ngồi Model: Vinfast VF e34 Nhãn hiệu: Vinfast | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Xe ô tô tải Model: FRONTIER K250 KF49C29R131-M31 Nhãn hiệu: Kia | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ súng vặn ốc Model: SP-5000GE Hãng sản xuất: SP AIR | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cân bằng lốp tự động Model: EM9580 C PLUS LASERLINE Thương hiệu: CORGHI (Italy) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành thiết bị điện thông minh Mã ký hiệu: VE-NTM03 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành thiết bị điện thông minh Mã ký hiệu: VE-NTM03 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành thiết bị điện thông minh Mã ký hiệu: VE-NTM03 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành thiết bị điện thông minh Mã ký hiệu: VE-NTM03 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành thiết bị điện thông minh Mã ký hiệu: VE-NTM03 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành thiết bị điện thông minh Mã ký hiệu: VE-NTM03 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành thiết bị điện thông minh Mã ký hiệu: VE-NTM03 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành thiết bị điện thông minh Mã ký hiệu: VE-NTM03 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành thiết bị điện thông minh Mã ký hiệu: VE-NTM03 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành thiết bị điện thông minh Mã ký hiệu: VE-NTM03 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành thiết bị điện thông minh Mã ký hiệu: VE-NTM03 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình thực hành thiết bị điện thông minh Mã ký hiệu: VE-NTM03 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Robot công nghiệp Mã ký hiệu: VE-ROBOTCN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành Mã ký hiệu: VE-BTH08 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành Mã ký hiệu: VE-BTH08 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành Mã ký hiệu: VE-BTH08 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành Mã ký hiệu: VE-BTH08 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành Mã ký hiệu: VE-BTH08 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành Mã ký hiệu: VE-BTH08 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành Mã ký hiệu: VE-BTH08 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành Mã ký hiệu: VE-BTH08 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành Mã ký hiệu: VE-BTH08 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành Mã ký hiệu: VE-BTH08 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành Mã ký hiệu: VE-BTH08 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành Mã ký hiệu: VE-BTH08 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành Mã ký hiệu: VE-BTH08 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành Mã ký hiệu: VE-BTH08 | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Bàn thực hành Mã ký hiệu: VE-BTH08 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành Mã ký hiệu: VE-BTH08 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành Mã ký hiệu: VE-BTH08 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành Mã ký hiệu: VE-BTH08 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành Mã ký hiệu: VE-BTH08 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn thực hành Mã ký hiệu: VE-BTH08 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cabin Lắp đặt điện Mã ký hiệu: VE-CBILĐ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cabin Lắp đặt điện Mã ký hiệu: VE-CBILĐ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cabin Lắp đặt điện Mã ký hiệu: VE-CBILĐ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cabin Lắp đặt điện Mã ký hiệu: VE-CBILĐ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cabin Lắp đặt điện Mã ký hiệu: VE-CBILĐ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cabin Lắp đặt điện Mã ký hiệu: VE-CBILĐ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cabin Lắp đặt điện Mã ký hiệu: VE-CBILĐ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cabin Lắp đặt điện Mã ký hiệu: VE-CBILĐ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cabin Lắp đặt điện Mã ký hiệu: VE-CBILĐ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cabin Lắp đặt điện Mã ký hiệu: VE-CBILĐ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cabin Lắp đặt điện Mã ký hiệu: VE-CBILĐ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình truyền thông Mã ký hiệu: VE-MHTT3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình truyền thông Mã ký hiệu: VE-MHTT3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình truyền thông Mã ký hiệu: VE-MHTT3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình truyền thông Mã ký hiệu: VE-MHTT3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình truyền thông Mã ký hiệu: VE-MHTT3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình truyền thông Mã ký hiệu: VE-MHTT3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình truyền thông Mã ký hiệu: VE-MHTT3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình truyền thông Mã ký hiệu: VE-MHTT3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình truyền thông Mã ký hiệu: VE-MHTT3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình truyền thông Mã ký hiệu: VE-MHTT3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình truyền thông Mã ký hiệu: VE-MHTT3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình điều khiển động cơ servo Mã ký hiệu: VE-MHSEV | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình điều khiển động cơ servo Mã ký hiệu: VE-MHSEV | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình điều khiển động cơ servo Mã ký hiệu: VE-MHSEV | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình điều khiển động cơ servo Mã ký hiệu: VE-MHSEV | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm điện - khí nén Mã ký hiệu: VE-MHKN03 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm điện - khí nén Mã ký hiệu: VE-MHKN03 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm điện - khí nén Mã ký hiệu: VE-MHKN03 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm điện - khí nén Mã ký hiệu: VE-MHKN03 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm điện - khí nén Mã ký hiệu: VE-MHKN03 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm điện - khí nén Mã ký hiệu: VE-MHKN03 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm điện - khí nén Mã ký hiệu: VE-MHKN03 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm điện - khí nén Mã ký hiệu: VE-MHKN03 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm điện - khí nén Mã ký hiệu: VE-MHKN03 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm điện - thủy lực Mã ký hiệu: VE-MHĐTL | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm điện - thủy lực Mã ký hiệu: VE-MHĐTL | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm điện - thủy lực Mã ký hiệu: VE-MHĐTL | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm điện - thủy lực Mã ký hiệu: VE-MHĐTL | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm điện - thủy lực Mã ký hiệu: VE-MHĐTL | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm điện - thủy lực Mã ký hiệu: VE-MHĐTL | 1 | Bộ | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Bộ thí nghiệm điện - thủy lực Mã ký hiệu: VE-MHĐTL | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm điện - thủy lực Mã ký hiệu: VE-MHĐTL | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm điện - thủy lực Mã ký hiệu: VE-MHĐTL | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm điện - thủy lực Mã ký hiệu: VE-MHĐTL | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm điện - thủy lực Mã ký hiệu: VE-MHĐTL | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm điện - thủy lực Mã ký hiệu: VE-MHĐTL | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm điện - thủy lực Mã ký hiệu: VE-MHĐTL | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm điện - thủy lực Mã ký hiệu: VE-MHĐTL | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thí nghiệm điện - thủy lực Mã ký hiệu: VE-MHĐTL | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 9U3N7 - Màn Hình AT Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Flycam Model: DJI Air 3 Thương hiệu: DJI | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy quay Model: PXW - Z90V Thương hiệu: Sony | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính bảng Model: Galaxy Tab S9 Thương hiệu: Samsung | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính bảng Model: Galaxy Tab S9 Thương hiệu: Samsung | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính bảng Model: Galaxy Tab S9 Thương hiệu: Samsung | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính bảng Model: Galaxy Tab S9 Thương hiệu: Samsung | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Thiết bị lưu trữ ngoài Model: DS1522+ Thương hiệu: Synology | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị lưu trữ ngoài Model: DS1522+ Thương hiệu: Synology | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Photocopy Model: CANON IR2745i | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 72J47PA - Màn Hình Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 72J47PA - Màn Hình Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 72J47PA - Màn Hình Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 72J47PA - Màn Hình Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 72J47PA - Màn Hình Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 72J47PA - Màn Hình Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 72J47PA - Màn Hình Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 72J47PA - Màn Hình Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 72J47PA - Màn Hình Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 72J47PA - Màn Hình Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 72J47PA - Màn Hình Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 72J47PA - Màn Hình Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 72J47PA - Màn Hình Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 72J47PA - Màn Hình Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 72J47PA - Màn Hình Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9 72J47PA - Màn Hình Model: HP V22i G5 6D8G9AA Thương hiệu: HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Chiếu Model: PT-VX430 Thương hiệu: Panasonic | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Chiếu Model: PT-VX430 Thương hiệu: Panasonic | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Chiếu Model: PT-VX430 Thương hiệu: Panasonic | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy in màu Model: MFC-L3760CDW Thương hiệu: Brother | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính bảng Model: Galaxy Tab S9 Thương hiệu: Samsung | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy tính bảng Model: Galaxy Tab S9 Thương hiệu: Samsung | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính bảng Model: Galaxy Tab S9 Thương hiệu: Samsung | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính bảng Model: Galaxy Tab S9 Thương hiệu: Samsung | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính bảng Model: Galaxy Tab S9 Thương hiệu: Samsung | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính bảng Model: Galaxy Tab S9 Thương hiệu: Samsung | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính bảng Model: Galaxy Tab S9 Thương hiệu: Samsung | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính bảng Model: Galaxy Tab S9 Thương hiệu: Samsung | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính bảng Model: Galaxy Tab S9 Thương hiệu: Samsung | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính bảng Model: Galaxy Tab S9 Thương hiệu: Samsung | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính bảng Model: Galaxy Tab S9 Thương hiệu: Samsung | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính bảng Model: Galaxy Tab S9 Thương hiệu: Samsung | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Phần mềm quản lý và kinh doanh lữ hành Model: Travel Master Software Thương hiệu: Vietiso | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị lưu trữ ngoài Model: DS1522+ Thương hiệu: Synology | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị lưu trữ ngoài Model: DS1522+ Thương hiệu: Synology | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy scan Model: HP ScanJet Enterprise Flow 7000 s3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy scan Model: HP ScanJet Enterprise Flow 7000 s3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy ảnh Model: A6400 Thương hiệu: Sony | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy ảnh Model: A6400 Thương hiệu: Sony | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ti vi Sony 50 inch Model: KD-50X86J Thương hiệu: Sony | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ti vi Sony 50 inch Model: KD-50X86J Thương hiệu: Sony | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chủ Model: ML30 Gen10+ (P44724-B21) Thương hiệu: HPE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Phần mềm quản lý khách sạn Smile (quy mô khoảng 20-25 phòng + 1 nhà hàng) Model: Phần mềm quản lý khách sạn Smile | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn i3143.5MB780M50-W215 Thương hiệu SingPC - sản xuất năm 2024 Bộ vi xử lý Intel® Core™ i5-13400 Processor 2.5 GHz (up to 4.6 GHz) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn i3143.5MB780M50-W215 Thương hiệu SingPC - sản xuất năm 2024 Bộ vi xử lý Intel® Core™ i5-13400 Processor 2.5 GHz (up to 4.6 GHz) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn i3143.5MB780M50-W215 Thương hiệu SingPC - sản xuất năm 2024 Bộ vi xử lý Intel® Core™ i5-13400 Processor 2.5 GHz (up to 4.6 GHz) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn i3143.5MB780M50-W215 Thương hiệu SingPC - sản xuất năm 2024 Bộ vi xử lý Intel® Core™ i5-13400 Processor 2.5 GHz (up to 4.6 GHz) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn i3143.5MB780M50-W215 Thương hiệu SingPC - sản xuất năm 2024 Bộ vi xử lý Intel® Core™ i5-13400 Processor 2.5 GHz (up to 4.6 GHz) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn i3143.5MB780M50-W215 Thương hiệu SingPC - sản xuất năm 2024 Bộ vi xử lý Intel® Core™ i5-13400 Processor 2.5 GHz (up to 4.6 GHz) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn i3143.5MB780M50-W215 Thương hiệu SingPC - sản xuất năm 2024 Bộ vi xử lý Intel® Core™ i5-13400 Processor 2.5 GHz (up to 4.6 GHz) | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy tính để bàn i3143.5MB780M50-W215 Thương hiệu SingPC - sản xuất năm 2024 Bộ vi xử lý Intel® Core™ i5-13400 Processor 2.5 GHz (up to 4.6 GHz) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn i3143.5MB780M50-W215 Thương hiệu SingPC - sản xuất năm 2024 Bộ vi xử lý Intel® Core™ i5-13400 Processor 2.5 GHz (up to 4.6 GHz) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn i3143.5MB780M50-W215 Thương hiệu SingPC - sản xuất năm 2024 Bộ vi xử lý Intel® Core™ i5-13400 Processor 2.5 GHz (up to 4.6 GHz) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa Samsung Model: AR18CY FCAW KNSV+A R18CYF CAWKX SV Loại máy: 1 chiều Inverter. Công suất làm lạnh: 2 HP - 18.000 BTU | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa Samsung Model: AR18CY FCAW KNSV+A R18CYF CAWKX SV Loại máy: 1 chiều Inverter. Công suất làm lạnh: 2 HP - 18.000 BTU | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa Samsung Model: AR18CY FCAW KNSV+A R18CYF CAWKX SV Loại máy: 1 chiều Inverter. Công suất làm lạnh: 2 HP - 18.000 BTU | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa Samsung Model: AR18CY FCAW KNSV+A R18CYF CAWKX SV Loại máy: 1 chiều Inverter. Công suất làm lạnh: 2 HP - 18.000 BTU | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa Samsung Model: AR18CY FCAW KNSV+A R18CYF CAWKX SV Loại máy: 1 chiều Inverter. Công suất làm lạnh: 2 HP - 18.000 BTU | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa Samsung Model: AR18CY FCAW KNSV+A R18CYF CAWKX SV Loại máy: 1 chiều Inverter. Công suất làm lạnh: 2 HP - 18.000 BTU | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa Samsung Model: AR18CY FCAW KNSV+A R18CYF CAWKX SV Loại máy: 1 chiều Inverter. Công suất làm lạnh: 2 HP - 18.000 BTU | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa Samsung Model: AR18CY FCAW KNSV+A R18CYF CAWKX SV Loại máy: 1 chiều Inverter. Công suất làm lạnh: 2 HP - 18.000 BTU | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa Samsung Model: AR18CY FCAW KNSV+A R18CYF CAWKX SV Loại máy: 1 chiều Inverter. Công suất làm lạnh: 2 HP - 18.000 BTU | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa Samsung Model: AR18CY FCAW KNSV+A R18CYF CAWKX SV Loại máy: 1 chiều Inverter. Công suất làm lạnh: 2 HP - 18.000 BTU | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa Samsung Model: AR18CY FCAW KNSV+A R18CYF CAWKX SV Loại máy: 1 chiều Inverter. Công suất làm lạnh: 2 HP - 18.000 BTU | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa Samsung Model: AR18CY FCAW KNSV+A R18CYF CAWKX SV Loại máy: 1 chiều Inverter. Công suất làm lạnh: 2 HP - 18.000 BTU | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa Samsung Model: AR18CY FCAW KNSV+A R18CYF CAWKX SV Loại máy: 1 chiều Inverter. Công suất làm lạnh: 2 HP - 18.000 BTU | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa Samsung Model: AR18CY FCAW KNSV+A R18CYF CAWKX SV Loại máy: 1 chiều Inverter. Công suất làm lạnh: 2 HP - 18.000 BTU | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa Samsung Model: AR18CY FCAW KNSV+A R18CYF CAWKX SV Loại máy: 1 chiều Inverter. Công suất làm lạnh: 2 HP - 18.000 BTU | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Điều hòa Samsung Model: AR18CY FCAW KNSV+A R18CYF CAWKX SV Loại máy: 1 chiều Inverter. Công suất làm lạnh: 2 HP - 18.000 BTU | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa Samsung Model: AR18CY FCAW KNSV+A R18CYF CAWKX SV Loại máy: 1 chiều Inverter. Công suất làm lạnh: 2 HP - 18.000 BTU | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa Samsung Model: AR18CY FCAW KNSV+A R18CYF CAWKX SV Loại máy: 1 chiều Inverter. Công suất làm lạnh: 2 HP - 18.000 BTU | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn SingPC - Model: i3133.4S B780 M2F-W238IPS T; Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3-13100 Processor 3.4 GHz (up to 4.5 GHz) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn SingPC - Model: i3133.4S B780 M2F-W238IPS T; Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3-13100 Processor 3.4 GHz (up to 4.5 GHz) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn SingPC - Model: i3133.4S B780 M2F-W238IPS T; Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3-13100 Processor 3.4 GHz (up to 4.5 GHz) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn SingPC - Model: i3133.4S B780 M2F-W238IPS T; Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3-13100 Processor 3.4 GHz (up to 4.5 GHz) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn SingPC - Model: i3133.4S B780 M2F-W238IPS T; Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3-13100 Processor 3.4 GHz (up to 4.5 GHz) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn SingPC - Model: i3133.4S B780 M2F-W238IPS T; Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3-13100 Processor 3.4 GHz (up to 4.5 GHz) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn SingPC - Model: i3133.4S B780 M2F-W238IPS T; Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3-13100 Processor 3.4 GHz (up to 4.5 GHz) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn SingPC - Model: i3133.4S B780 M2F-W238IPS T; Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3-13100 Processor 3.4 GHz (up to 4.5 GHz) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu Panasonic Model: PT-VX430 + Màn chiếu Dalite | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa Full đơn ALTEA-715 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa Full đơn ALTEA-715 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa Full đơn ALTEA-715 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa Full đơn ALTEA-715 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa sub đơn VANTEC-18 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa sub đơn VANTEC-18 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ xử lý tín hiệu AP24 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn mixer DX-20 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Micro không dây tay cầm AP42 OM2 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Micro không dây tay cầm AP42 OM2 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Micro không dây cài đầu AP41 HT7 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cục đẩy công suất PA-2700 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cục đẩy công suất PA-2700 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đèn Beam MHY380B | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đèn Beam MHY380B | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đèn Beam MHY380B | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đèn Beam MHY380B | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn điều khiển đèn DK500 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa Full đơn ALTEA-715 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa Full đơn ALTEA-715 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa sub đơn VANTEC-18 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa sub đơn VANTEC-18 | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Bộ xử lý tín hiệu AP24 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn mixer DX-20 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Micro không dây tay cầm AP42 OM2 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Micro không dây tay cầm AP42 OM2 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Micro không dây cài đầu AP41 HT7 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cục đẩy công suất AE4000 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cục đẩy công suất AE4000 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Màn hình led cố định P3 trong nhà KT: 1.533,5 m2 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Vách cách âm DT: 331 m2 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Trần cách âm DT: 265 m2 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thảm DT: 230 m2 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các khối hình học cơ bản<br>Ký mã hiệu: AL-BKHH | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu Projector<br>Ký mã hiệu: PT-VX430 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ thiết bị điện thực hành lắp mạch điện chiếu sáng<br>Ký mã hiệu: AL-CBCS | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thiết bị điện thực hành lắp mạch điện chiếu sáng<br>Ký mã hiệu: AL-CBCS | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thiết bị điện thực hành lắp mạch điện chiếu sáng<br>Ký mã hiệu: AL-CBCS | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống tự động chống trộm<br>Ký mã hiệu: AL-MHTD01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống tự động chống trộm<br>Ký mã hiệu: AL-MHTD01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống tự động chống trộm<br>Ký mã hiệu: AL-MHTD01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống tự động chống trộm<br>Ký mã hiệu: AL-MHTD01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống tự động chống trộm<br>Ký mã hiệu: AL-MHTD01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống tự động chống trộm<br>Ký mã hiệu: AL-MHTD01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống chuông cổng loại có hình ảnh<br>Ký mã hiệu: AL- MHTD02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống chuông cổng loại có hình ảnh<br>Ký mã hiệu: AL- MHTD02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống chuông cổng loại có hình ảnh<br>Ký mã hiệu: AL- MHTD02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống chuông cổng loại có hình ảnh<br>Ký mã hiệu: AL- MHTD02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống chuông cổng loại có hình ảnh<br>Ký mã hiệu: AL- MHTD02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống chuông cổng loại có hình ảnh<br>Ký mã hiệu: AL- MHTD02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống chuông cổng loại có hình ảnh<br>Ký mã hiệu: AL- MHTD02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống chuông cổng loại có hình ảnh<br>Ký mã hiệu: AL- MHTD02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ thực hành lắp đặt Camera an ninh<br>Ký mã hiệu: AL-MHTD03 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành lắp đặt Camera an ninh<br>Ký mã hiệu: AL-MHTD03 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành lắp đặt Camera an ninh<br>Ký mã hiệu: AL-MHTD03 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành lắp đặt Camera an ninh<br>Ký mã hiệu: AL-MHTD03 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành lắp đặt Camera an ninh<br>Ký mã hiệu: AL-MHTD03 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành lắp đặt thiết bị tự động báo cháy<br>Ký mã hiệu: AL-CBTD | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành lắp đặt thiết bị tự động báo cháy<br>Ký mã hiệu: AL-CBTD | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành lắp đặt thiết bị tự động báo cháy<br>Ký mã hiệu: AL-CBTD | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành lắp đặt thiết bị tự động báo cháy<br>Ký mã hiệu: AL-CBTD | 1 | Bộ | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Bộ thực hành lắp đặt thiết bị tự động báo cháy<br>Ký mã hiệu: AL-CBTD | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành lắp đặt thiết bị tự động báo cháy<br>Ký mã hiệu: AL-CBTD | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành lắp đặt thiết bị tự động báo cháy<br>Ký mã hiệu: AL-CBTD | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành lắp đặt thiết bị tự động báo cháy<br>Ký mã hiệu: AL-CBTD | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đào tạo lắp ráp Robot hình người 1<br>Ký mã hiệu: Yanshee 1.1 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đào tạo lắp ráp Robot hình người 2<br>Ký mã hiệu: Yanshee 1.1 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ đào tạo lắp ráp Robot ứng dụng AI<br>Ký mã hiệu: Limo ROS 2 | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành vi điều khiển<br>Ký mã hiệu: AL-BTH.VDK | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành vi điều khiển<br>Ký mã hiệu: AL-BTH.VDK | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành vi điều khiển<br>Ký mã hiệu: AL-BTH.VDK | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành vi điều khiển<br>Ký mã hiệu: AL-BTH.VDK | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Bộ thực hành vi điều khiển<br>Ký mã hiệu: AL-BTH.VDK | 1 | Bộ | | x | | | | | |
| Module HMI<br>Ký mã hiệu: AL-HMI01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Module HMI<br>Ký mã hiệu: AL-HMI01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Module HMI<br>Ký mã hiệu: AL-HMI01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Module HMI<br>Ký mã hiệu: AL-HMI01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Module HMI<br>Ký mã hiệu: AL-HMI01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình trạm bơm<br>Ký mã hiệu: AL-MHTB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình trạm bơm<br>Ký mã hiệu: AL-MHTB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ, tài liệu<br>Ký mã hiệu: AL-TTL1 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ, tài liệu<br>Ký mã hiệu: AL-TTL1 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ, tài liệu<br>Ký mã hiệu: AL-TTL1 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ, tài liệu<br>Ký mã hiệu: AL-TTL1 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ, tài liệu<br>Ký mã hiệu: AL-TTL1 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ, tài liệu<br>Ký mã hiệu: AL-TTL1 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ, tài liệu<br>Ký mã hiệu: AL-TTL1 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ, tài liệu<br>Ký mã hiệu: AL-TTL1 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ, tài liệu<br>Ký mã hiệu: AL-TTL1 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ, tài liệu<br>Ký mã hiệu: AL-TTL1 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ, tài liệu<br>Ký mã hiệu: AL-TTL1 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ, tài liệu<br>Ký mã hiệu: AL-TTL1 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ, tài liệu<br>Ký mã hiệu: AL-TTL1 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ, tài liệu<br>Ký mã hiệu: AL-TTL1 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ, tài liệu<br>Ký mã hiệu: AL-TTL1 | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Tủ đựng dụng cụ, tài liệu<br>Ký mã hiệu: AL-TTL1 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ, tài liệu<br>Ký mã hiệu: AL-TTL1 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ, tài liệu<br>Ký mã hiệu: AL-TTL1 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ, tài liệu<br>Ký mã hiệu: AL-TTL1 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ, tài liệu<br>Ký mã hiệu: AL-TTL1 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ đựng dụng cụ, tài liệu<br>Ký mã hiệu: AL-TTL1 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị kiểm tra chịu tải máy biến áp<br>Ký mã hiệu: UHV-321 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị kiểm tra chịu tải máy biến áp<br>Ký mã hiệu: UHV-321 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy đo tỉ số máy biến áp<br>Ký mã hiệu: HM5001Z | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy đo tỉ số máy biến áp<br>Ký mã hiệu: HM5001Z | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy đo tỉ số máy biến áp<br>Ký mã hiệu: HM5001Z | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống cung cấp điện hạ thế<br>Ký mã hiệu: AL-HTHT01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình hệ thống cung cấp điện hạ thế<br>Ký mã hiệu: AL-HTHT01 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình các thiết bị đóng cắt điện hạ thế<br>Ký mã hiệu: AL-HTHT02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình các thiết bị đóng cắt điện hạ thế<br>Ký mã hiệu: AL-HTHT02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình các thiết bị đóng cắt điện hạ thế<br>Ký mã hiệu: AL-HTHT02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình chống sét<br>Ký mã hiệu: AL-MHCS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình lò nhiệt<br>Ký mã hiệu: AL-MHLN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình lò nhiệt<br>Ký mã hiệu: AL-MHLN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình trộn hóa chất<br>Ký mã hiệu: AL-MHTD04 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình đèn giao thông<br>Ký mã hiệu: AL-MHGT | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình phân loại sản phẩm<br>Ký mã hiệu: AL-MHTD05 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mô hình phân loại sản phẩm<br>Ký mã hiệu: AL-MHTD05 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hiện sóng<br>Ký mã hiệu: GDS-1102B | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hiện sóng<br>Ký mã hiệu: GDS-1102B | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hiện sóng<br>Ký mã hiệu: GDS-1102B | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hiện sóng<br>Ký mã hiệu: GDS-1102B | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hiện sóng<br>Ký mã hiệu: GDS-1102B | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hiện sóng<br>Ký mã hiệu: GDS-1102B | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hiện sóng<br>Ký mã hiệu: GDS-1102B | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hiện sóng<br>Ký mã hiệu: GDS-1102B | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hiện sóng<br>Ký mã hiệu: GDS-1102B | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Vi Tính Model: HP Pro Tower 280 G9; Màn hình Model: HP V22i G5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Chiếu Projector Model: PT-VX430; Màn chiếu Model: P84ES | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy Chiếu Projector Model: PT-VX430; Màn chiếu Model: P84ES | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Chiếu Projector Model: PT-VX430; Màn chiếu Model: P84ES | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Chiếu Projector Model: PT-VX430; Màn chiếu Model: P84ES | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Chiếu Projector Model: PT-VX430; Màn chiếu Model: P84ES | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Chiếu Projector Model: PT-VX430; Màn chiếu Model: P84ES | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Chiếu Projector Model: PT-VX430; Màn chiếu Model: P84ES | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Chiếu Projector Model: PT-VX430; Màn chiếu Model: P84ES | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Chiếu Projector Model: PT-VX430; Màn chiếu Model: P84ES | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Scan Model: HP ScanJet Enterprise Flow 7000 s3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Scan Model: HP ScanJet Enterprise Flow 7000 s3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị lưu trữ dữ liệu Model: HP ProBook 450 G10 9H8W0PT | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị lưu trữ dữ liệu Model: HP ProBook 450 G10 9H8W0PT | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị lưu trữ dữ liệu Model: HP ProBook 450 G10 9H8W0PT | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống mạng lan Switch TP-Link TL-SG1024 24 port Gigabit<br>Model: TL-SG1024D | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống mạng lan Switch TP-Link TL-SG1024 24 port Gigabit<br>Model: TL-SG1024D | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ phần mềm quản lý nhà hàng, khách sạn (Gồm Phần mềm quản lý nhà hàng; Phần mềm thanh toán; Phần mềm tổng đài; Phần mềm điều khiển (LAB) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy quét (Scanner) Model: HP ScanJet Enterprise Flow 7000 s3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Âm ly Mã hàng: VM-2120 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chủ Model: Dell PowerEdge T350 Thương hiệu: Dell | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy rửa bát, đĩa Mã sản phẩm: MRB88ID-14GE Hãng sản xuất: Calvingold | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy rửa bát, đĩa Mã sản phẩm: MRB88ID-14GE Hãng sản xuất: Calvingold | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy sấy dụng cụ công suất tối thiểu khoảng 1000W<br>Model: FSM-TS700L<br>Thương hiệu: Fushima | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy sấy dụng cụ công suất tối thiểu khoảng 1000W<br>Model: FSM-TS700L<br>Thương hiệu: Fushima | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy sấy dụng cụ công suất tối thiểu khoảng 1000W<br>Model: FSM-TS700L<br>Thương hiệu: Fushima | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ bảo quản rượu vang Model: FSM-RV36 Thương hiệu: Fushima | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ bảo quản rượu vang Model: FSM-RV36 Thương hiệu: Fushima | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ bảo quản rượu vang Model: FSM-RV36 Thương hiệu: Fushima | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ bảo quản rượu vang Model: FSM-RV36 Thương hiệu: Fushima | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ bảo quản rượu vang Model: FSM-RV36 Thương hiệu: Fushima | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ bảo quản rượu vang Model: FSM-RV36 Thương hiệu: Fushima | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ bảo quản rượu vang Model: FSM-RV36 Thương hiệu: Fushima | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ bảo quản rượu vang Model: FSM-RV36 Thương hiệu: Fushima | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy làm đá Model: FSM 100<br>Thương hiệu: Fushima | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy làm đá Model: FSM 100 Thương hiệu: Fushima | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy làm đá Model: FSM 100 Thương hiệu: Fushima | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiết rót bia tươi 2 đường bia Model: MLN.H30.02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiết rót bia tươi 2 đường bia Model: MLN.H30.02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiết rót bia tươi 2 đường bia Model: MLN.H30.02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiết rót bia tươi 2 đường bia Model: MLN.H30.02 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính xách tay +Bàn phím | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tinh xách tay HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống âm thanh trợ giảng TOA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Âmly ( Nanomax Pro 900i) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa toàn giải chính biểu diễn liền công suất Linear 5115FA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa siêu trầm liền công suất tối thiểu 1200W L Sub 2000 A | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn trộn âm thanh chuyên nghiệp 12 đường vào liền bộ tạo hiệu quả âm thanh ZED-14D | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đèn Moving beam 300 RG - M 300B- KNH12 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đèn Moving beam 300 RG - M 300B- KNH12 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đèn Moving beam 300 RG - M 300B- KNH12 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đèn Moving beam 300 RG - M 300B- KNH12 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đèn Moving beam 300 RG - M 300B- KNH12 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đèn Moving beam 300 RG - M 300B- KNH12 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Card điều khiểm ánh sáng Sunlite | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa kiểm tra sân khấu liền công suất tối thiểu 1200W Premium PR:O 12XD | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa kiểm tra sân khấu liền công suất tối thiểu 1200W Premium PR:O 12XD | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Trống dân tộc | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Trống Jazz Yamaha GM2F5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đàn Organ Yamaha PSR S770 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đàn Piano điện CLP 545 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn Mixer Dynacord CMS 1000 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Amply mixer dùng cho phòng học 240W,Amply mixer 240W, CMX MA-240 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Cục pream Warm Audio WA12 MKII Discrete Mic Preamp, | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Card thu âm (sound card) Forcusrite Scarlett 18i20,Presonus STUDIO 1824C | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đàn phím điện tử Yamaha,Model: YDP 164 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đàn phím điện tử Yamaha,Model: YDP 164 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đàn phím điện tử Yamaha,Model: YDP 164 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đàn phím điện tử Yamaha,Model: YDP 164 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đàn phím điện tử Yamaha,Model: YDP 164 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đàn Organ Yamaha ,Model: PSR-S975 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đàn Tam thập lục , Model: TTML1 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Âm ly Toa cho loa âm trần Model: A-2240H | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Âm ly Toa cho loa âm trần Model: A-2240H | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mic không dây Shure,Model: PG24/PG58. | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mic không dây Shure,Model: PG24/PG58. | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mic không dây Shure,Model: PG24/PG58. | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mic không dây Shure,Model: PG24/PG58. | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mic không dây Shure,Model: PG24/PG58. | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mic không dây Shure,Model: PG24/PG58. | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mic không dây Shure,Model: PG24/PG58. | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Mic không dây Shure,Model: PG24/PG58. | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa toàn dải liền công suất,Linear 5 115 FA, HK Audio, Germany | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa toàn dải liền công suất,Linear 5 115 FA, HK Audio, Germany | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Loa toàn dải liền công suất,Linear 5 115 FA, HK Audio, Germany | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa toàn dải liền công suất,Linear 5 115 FA, HK Audio, Germany | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa toàn dải liền công suất,Linear 5 115 FA, HK Audio, Germany | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa toàn dải liền công suất,Linear 5 115 FA, HK Audio, Germany | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa toàn dải liền công suất,Linear 5 115 FA, HK Audio, Germany | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa toàn dải liền công suất,Linear 5 115 FA, HK Audio, Germany | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa siêu trầm liền công suất,L Sub 4000 A, HK Audio, Germany | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa siêu trầm liền công suất,L Sub 4000 A, HK Audio, Germany | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa siêu trầm liền công suất,L Sub 4000 A, HK Audio, Germany | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa siêu trầm liền công suất,L Sub 4000 A, HK Audio, Germany | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa kiểm tra liền,PR:O 12 XD, HK Audio, Germany | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa kiểm tra liền,PR:O 12 XD, HK Audio, Germany | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn điều khiển âm thanh 36 đường,ZED 436, Allen & Heath, Anh - Trung Quốc | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đèn Moving beam 260,RG-M260S Titanium, RigeBA, | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đèn Moving beam 260,RG-M260S Titanium, RigeBA, | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đèn Moving beam 260,RG-M260S Titanium, RigeBA, | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đèn Moving beam 260,RG-M260S Titanium, RigeBA, | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Sào cơ khí nâng hạ bằng điện, | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Sào cơ khí nâng hạ bằng điện, | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Sào cơ khí nâng hạ bằng điện, | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ điều khiển trung tâm,• Thiết kế theo tiêu chuẩn ISO và IEC914 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa toàn dải 15inch,SP415, Soundking | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa toàn dải 15inch,SP415, Soundking | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa Sub điện,KA18SA, Soundking | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa Sub điện,KA18SA, Soundking | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Âm ly công suất,NX4-6000-EU, Behringer, | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Micro không dây cầm tay TEV,TR-632U, TEV | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ điều khiển trung tâm KTS CMX,CS-M630, CMX | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Amply mixer,MA-350, CMX | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Micro không dây dùng cho học viên ,Micro không dây cầm tay dùng cho học viên TEV TR-632U | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Micro không dây dùng cho học viên ,Micro không dây cầm tay dùng cho học viên TEV TR-632U | 1 | Cái | | x | | | | | |
| **THIẾT BỊ NHÀ ĐA NĂNG** | | | | x | | | | | |
| **Hệ thống âm thanh** | | | | x | | | | | |
| Loa toàn dải đặt sàn Mã sản phẩm: MT-215 Hãng sản xuất: BostAudio/ Anh Công suất định mức:700W Kích thước:530 x 560 x 1206 mm Khối lượng:54,5Kg | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa toàn dải đặt sàn Mã sản phẩm: MT-215 Hãng sản xuất: BostAudio/ Anh Công suất định mức:700W Kích thước:530 x 560 x 1206 mm Khối lượng:54,5Kg | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Loa toàn dải đặt sàn Mã sản phẩm: MT-215 Hãng sản xuất: BostAudio/ Anh Công suất định mức:700W Kích thước:530 x 560 x 1206 mm Khối lượng:54,5Kg | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa toàn dải đặt sàn Mã sản phẩm: MT-215 Hãng sản xuất: BostAudio/ Anh Công suất định mức:700W Kích thước:530 x 560 x 1206 mm Khối lượng:54,5Kg | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa siêu trầm đặt sàn Mã sản phẩm: SM218A Hãng sản xuất: BostAudio/ Anh Công suất định mức: 1200W Kích thước: W1066xD780xH560 Trọng lượng: 101,3Kg | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Loa siêu trầm đặt sàn Mã sản phẩm: SM218A Hãng sản xuất: BostAudio/ Anh Công suất định mức: 1200W Kích thước: W1066xD780xH560 Trọng lượng: 101,3Kg | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Âm ly công suất 1100W x 2 kênh Mã sản phẩm: AH1100 Hãng sản xuất: BostAudio/ Anh 8Ω Bridged mono output 2000W Weight 28kg Dimensions(WxDxH) 483x460x89mm | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Âm ly công suất 1100W x 2 kênh Mã sản phẩm: AH1100 Hãng sản xuất: BostAudio/ Anh 8Ω Bridged mono output 2000W Weight 28kg Dimensions(WxDxH) 483x460x89mm | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Âm ly công suất 1300W Mã sản phẩm: VD1300 Hãng sản xuất: BostAudio/ Anh Stereo output power: 2.7Ω Bridged mono output 2400W | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn trộn âm thanh (Mixer) Mixer SOUNDCRAFT EFX12 Công suất tiêu thụ: 35W Nguồn điện: 120V~ 240V, AC100V, 50/60Hz Kích thước: 432 x 91 x 363mm Trọng lượng: 5.8Kg | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ thu phát Micro không dây tần số UHF Mã sản phẩm: Hai-Db32 Hãng sản xuất: HaiAudio/ Mỹ Dimension(L*diameter) 270*Φ37.5mm Weight 380g | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ quản lý nguồn điện 8 cổng Mã sản phẩm: PC830 Hãng sản xuất: BostAudio/ Anh Bộ lọc: Bộ lọc tụ điện | 1 | Cái | | x | | | | | |
| **Hệ thống ánh sáng** | | | | x | | | | | |
| Máy tính xách tay cài đặt phầm mềm điều khiển hệ thống Model: Dell Vostro 3500 V5I3001W Bộ VXL: Core i3 1115G4 3.0Ghz up to 4.1Ghz-6Mb Bộ nhớ: 8Gb (2 Khe cắm / Hỗ trợ tối đa 16GB) Ổ cứng/ Ổ đĩa quang: 256Gb/DVDW Màn hình: 15.6Inch Full HD Kích thước: 38.1 x 26.7 x 2.6 cm Trọng lượng: 1.9 kg | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Xào cơ khí nâng hạ bằng pa lăng xích Model: Oshima 1T Tải Trọng : 1 tấn Trọng lượng : 10.3 kg * Khung xào cơ khí bằng sắt kích thước 40*30 dài 12m | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đàn Organ Yamaha Gồm: PSR SX900 -1337 Tiếng, bao gồm 252 Tiếng Super Articulation và 24 Tiếng Organ Flute! Tiếng nhạc cụ. 56 Bộ trống/SFX Bộ nhớ trong 1GB dành cho dữ liệu mở rộng Bộ nhớ trong 4GB Dung lượng tệp bài hát MIDI: 3MB mỗi tệp Cần điều khiển, bàn phím FSB, Cổng ra sub, và | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đàn Organ Yamaha Gồm: PSR SX900 -1337 Tiếng, bao gồm 252 Tiếng Super Articulation và 24 Tiếng Organ Flute! Tiếng nhạc cụ. 56 Bộ trống/SFX Bộ nhớ trong 1GB dành cho dữ liệu mở rộng Bộ nhớ trong 4GB Dung lượng tệp bài hát MIDI: 3MB mỗi tệp Cần điều khiển, bàn phím FSB, Cổng ra sub, và | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Sáo Fute YFL-281 - Vật liệu: hợp kim bạc; Phím được che đậy; Series 400 có một đầu thổi, phần thân và phần chân thổi làm cùng chất liệu là từ hợp kim bac | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Đàn Piano Yamaha Upright M5 SBW; Mùa đen, sơn bóng, 88 phíp, 3 pedan,<br>Tủ đàn: Màu Satin Black Walnut<br>- Chiều rộng: 153cm<br>- Chiều cao: 121cm<br>- Chiều sâu :63cm<br>- Trọng lượng: 246kg<br>- Số phím: 88 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đàn Piano cơ Yamaha Grand C2 Đàn piano cơ Yamaha Grand C2<br>Xuất Xứ: Nhật Bản<br>Kích Thước: Rộng 149cm, cao 101 cm,sâu 173cm.<br>Trọng Lượng: 305 kg<br>Số phím: 88<br>Màu sơn gỗ: Đen bóng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đàn piano cơ Yamaha U3 Xuất Xứ: Nhật Bản<br>Kích Thước: Rộng 153cm, cao 131 cm,sâu 65 cm.<br>Trọng Lượng: 235 kg<br>Số phím: 88<br>Màu sơn gỗ: Đen bóng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đàn Piano điện Đàn Piano điện yamaha Model CLP-725R Thương hiệu Yamaha<br>Trọng Lượng 43 kg<br>Kích Thước RxCxD ( 1.350 x 849 x 414) mm<br>Số phím 88<br>Bàn phím GrandTouch-S™<br>Bộ đổi nguồn PA-300C | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đàn Piano điện Đàn Piano điện yamaha Model CLP-725R Thương hiệu Yamaha<br>Trọng Lượng 43 kg<br>Kích Thước RxCxD ( 1.350 x 849 x 414) mm<br>Số phím 88<br>Bàn phím GrandTouch-S™<br>Bộ đổi nguồn PA-300C | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đàn Organ YAMAHA Model: PSR SX700 Kích Thước (1017 x 139 x 431) mm<br>Trọng Lượng 11,5 kg | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đàn Organ YAMAHA Model: PSR SX700 Kích Thước (1017 x 139 x 431) mm<br>Trọng Lượng 11,5 kg | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đàn Organ YAMAHA Model: PSR SX700 Kích Thước (1017 x 139 x 431) mm<br>Trọng Lượng 11,5 kg | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đàn Organ YAMAHA Model: PSR SX700 Kích Thước (1017 x 139 x 431) mm<br>Trọng Lượng 11,5 kg | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đàn Organ YAMAHA Model: PSR SX700 Kích Thước (1017 x 139 x 431) mm<br>Trọng Lượng 11,5 kg | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đàn ghita điện dùng cho giáo viên Đàn Guitar Điện Yamaha RS502TFM<br>Thương hiệu Yamaha | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính xách tay Asus X541UA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu Hitachi | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu proiecter phòng thực hành Hitachi Model CP-EX3551WN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu proiecter phòng thực hành Hitachi Model CP-EX3551WN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu laze Model : DZJ20C-1 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu laze Model : DZJ20C-1 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu laze Model : DZJ20C-1 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính HP Model : HP 280 Bộ xử lý: Intel® Core™ i3-8100 Ram: 4GB Ổ đĩa cứng: 1T (Westem) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính HP Model : HP 280 Bộ xử lý: Intel® Core™ i3-8100 Ram: 4GB Ổ đĩa cứng: 1T (Westem) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu (Projector) Model CP-X3542WN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu (Projector) Model CP-X3542WN | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy chiếu (Projector) Model CP-X3542WN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu (Projector) Model CP-X3542WN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu (Projector) Model CP-X3542WN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính HP 280 Bộ xử lý: Intel® Core™ i3-8100 Ram: 4GB Màn hình: HP : 18,5inh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính HP 280 Bộ xử lý: Intel® Core™ i3-8100 Ram: 4GB Màn hình: HP : 18,5inh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính HP 280 Bộ xử lý: Intel® Core™ i3-8100 Ram: 4GB Màn hình: HP : 18,5inh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính HP 280 Bộ xử lý: Intel® Core™ i3-8100 Ram: 4GB Màn hình: HP : 18,5inh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính HP 280 Bộ xử lý: Intel® Core™ i3-8100 Ram: 4GB Màn hình: HP : 18,5inh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính HP 280 Bộ xử lý: Intel® Core™ i3-8100 Ram: 4GB Màn hình: HP : 18,5inh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính HP 280 Bộ xử lý: Intel® Core™ i3-8100 Ram: 4GB Màn hình: HP : 18,5inh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính HP 280 Bộ xử lý: Intel® Core™ i3-8100 Ram: 4GB Màn hình: HP : 18,5inh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính HP 280 Bộ xử lý: Intel® Core™ i3-8100 Ram: 4GB Màn hình: HP : 18,5inh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính HP 280 Bộ xử lý: Intel® Core™ i3-8100 Ram: 4GB Màn hình: HP : 18,5inh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính HP 280 Bộ xử lý: Intel® Core™ i3-8100 Ram: 4GB Màn hình: HP : 18,5inh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính HP 280 Bộ xử lý: Intel® Core™ i3-8100 Ram: 4GB Màn hình: HP : 18,5inh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính HP 280 Bộ xử lý: Intel® Core™ i3-8100 Ram: 4GB Màn hình: HP : 18,5inh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính HP 280 Bộ xử lý: Intel® Core™ i3-8100 Ram: 4GB Màn hình: HP : 18,5inh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính HP 280 Bộ xử lý: Intel® Core™ i3-8100 Ram: 4GB Màn hình: HP : 18,5inh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính HP 280 Bộ xử lý: Intel® Core™ i3-8100 Ram: 4GB Màn hình: HP : 18,5inh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính HP 280 Bộ xử lý: Intel® Core™ i3-8100 Ram: 4GB Màn hình: HP : 18,5inh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính HP 280 Bộ xử lý: Intel® Core™ i3-8100 Ram: 4GB Màn hình: HP : 18,5inh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính HP 280 Bộ xử lý: Intel® Core™ i3-8100 Ram: 4GB Màn hình: HP : 18,5inh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính HP 280 Bộ xử lý: Intel® Core™ i3-8100 Ram: 4GB Màn hình: HP : 18,5inh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính HP 280 Bộ xử lý: Intel® Core™ i3-8100 Ram: 4GB Màn hình: HP : 18,5inh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính HP 280 Bộ xử lý: Intel® Core™ i3-8100 Ram: 4GB Màn hình: HP : 18,5inh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính HP 280 Bộ xử lý: Intel® Core™ i3-8100 Ram: 4GB Màn hình: HP : 18,5inh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính HP 280 Bộ xử lý: Intel® Core™ i3-8100 Ram: 4GB Màn hình: HP : 18,5inh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu Hitachi Hitachi Model CP-X3542WN | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chủ (Server) Dell Mã sản phẩm TM2793 Processor : 1 x Intel® Xeon® E5-2620 v4 2.1GHz,20M Cache,8.0GT/s QPI Memory : 1 x 16GB DDR4 2400 RDIMM | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn Dell T30 Intel Xeon E3-1225v5 3.3 Ghz, 8MBcache, 4C/4T, turbo (80W). Memory: 16Gb (2x8GB) PC4-19200 ECC 2400MHz | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Cây máy chủ ( CPU) Dell T430 theo hóa đơn số 20643 ngày 06/11/19 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính Surface Pro - I5 (HĐ 0062964 ngày 20/08/2019) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính sách tay Dell vostro 3490 CPU Intel Core i3-10110U 2.10 GHz,4 MB, RAM 4GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu đa năng NEC ,Model: NP - MC342XG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu đa năng NEC ,Model: NP - MC342XG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu đa năng NEC ,Model: NP - MC342XG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu đa năng NEC ,Model: NP - MC342XG | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu+C206:C246 VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu+C206:C246 VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu+C206:C246 VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu+C206:C246 VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,Máy chiếu+C206:C246 VIEWSONIC PA503XE | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu,PA503XE, VIEWSONIC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| **Máy tính để bàn** | | | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính dùng cho giáo viên và học viên (phục vụ thi sát hạch kết nối phần mềm) - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| **Phòng thực hành ngoại ngữ** | | | | | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam - CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| **Phòng thực hành tin học** | | | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XE3D-866 Intel® Core™ i3-9100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400/2666Mhz | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính thương hiệu Việt Nam -CMS X-Media XF1A-F66.LCX Intel® Celeron® J4005 Processor (4M Cache, 2.0GHz) 4GB (2 x U-DIMM, Max.8GB, DDR4 2400/2133 MHz ) | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy vi tính để bàn,Hãng sản xuất DELL Model: Vostro 3888MT - Intel Core i3-10100 (3.6 GHz,6 MB),4GB RAM,1TB HDD,WL+BT,Mouse,Keyboard,Win 10 Home,McAfeeMDS,1Yr,(D29M002) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính để bàn,Hãng sản xuất DELL Model: Vostro 3888MT - Intel Core i3-10100 (3.6 GHz,6 MB),4GB RAM,1TB HDD,WL+BT,Mouse,Keyboard,Win 10 Home,McAfeeMDS,1Yr,(D29M002) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính để bàn,Hãng sản xuất DELL Model: Vostro 3888MT - Intel Core i3-10100 (3.6 GHz,6 MB),4GB RAM,1TB HDD,WL+BT,Mouse,Keyboard,Win 10 Home,McAfeeMDS,1Yr,(D29M002) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính để bàn,Hãng sản xuất DELL Model: Vostro 3888MT - Intel Core i3-10100 (3.6 GHz,6 MB),4GB RAM,1TB HDD,WL+BT,Mouse,Keyboard,Win 10 Home,McAfeeMDS,1Yr,(D29M002) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính để bàn,Hãng sản xuất DELL Model: Vostro 3888MT - Intel Core i3-10100 (3.6 GHz,6 MB),4GB RAM,1TB HDD,WL+BT,Mouse,Keyboard,Win 10 Home,McAfeeMDS,1Yr,(D29M002) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính để bàn,Hãng sản xuất DELL Model: Vostro 3888MT - Intel Core i3-10100 (3.6 GHz,6 MB),4GB RAM,1TB HDD,WL+BT,Mouse,Keyboard,Win 10 Home,McAfeeMDS,1Yr,(D29M002) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính để bàn,Hãng sản xuất DELL Model: Vostro 3888MT - Intel Core i3-10100 (3.6 GHz,6 MB),4GB RAM,1TB HDD,WL+BT,Mouse,Keyboard,Win 10 Home,McAfeeMDS,1Yr,(D29M002) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính để bàn,Hãng sản xuất DELL Model: Vostro 3888MT - Intel Core i3-10100 (3.6 GHz,6 MB),4GB RAM,1TB HDD,WL+BT,Mouse,Keyboard,Win 10 Home,McAfeeMDS,1Yr,(D29M002) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính để bàn,Hãng sản xuất DELL Model: Vostro 3888MT - Intel Core i3-10100 (3.6 GHz,6 MB),4GB RAM,1TB HDD,WL+BT,Mouse,Keyboard,Win 10 Home,McAfeeMDS,1Yr,(D29M002) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính để bàn,Hãng sản xuất DELL Model: Vostro 3888MT - Intel Core i3-10100 (3.6 GHz,6 MB),4GB RAM,1TB HDD,WL+BT,Mouse,Keyboard,Win 10 Home,McAfeeMDS,1Yr,(D29M002) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính để bàn cấu hình cao thiết kế đồ họa vi tính,Model CMS X-Media XE5F-896D - CPU Intel Core i5-9400F (2.9GHz turbo up to 4.1GHz, 6 nhân 6 luồng, 9MB Cache, 65W) Intel® H310 (Ram) 16GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính để bàn cấu hình cao thiết kế đồ họa vi tính,Model CMS X-Media XE5F-896D - CPU Intel Core i5-9400F (2.9GHz turbo up to 4.1GHz, 6 nhân 6 luồng, 9MB Cache, 65W) Intel® H310 (Ram) 16GB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chủ,Intel® Xeon® E-2224G 3.5GHz, 8M cache, 4C/4T, turbo (71W) 16GB (2 x 8GB) 2666MT/s DDR4 ECC UDIMM 240GB SATA 6Gb/s 2.5-Inch Enterprise | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính điều khiển,X-Media X5F-F86, CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính để bàn,Hãng sản xuất DELL Model: Vostro 3888MT - Intel Core i3-10100 (3.6 GHz,6 MB),4GB RAM,1TB HDD,WL+BT,Mouse,Keyboard,Win 10 Home,McAfeeMDS,1Yr,(D29M002) | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy vi tính để bàn,Hãng sản xuất DELL Model: Vostro 3888MT - Intel Core i3-10100 (3.6 GHz,6 MB),4GB RAM,1TB HDD,WL+BT,Mouse,Keyboard,Win 10 Home,McAfeeMDS,1Yr,(D29M002) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính xách tay ,Model: Dell Vostro 3491 70223127 (P89G007) CPU: Intel® Core™ i3-1005G1 (1.20GHz upto 3.40GHz, 4MB) RAM: 4GB(4GBx1)DDR4 2666MHz ( 2 khê) Ổ cứng: 256GB M.2 PCIe NVMe + 1 slot 2.5" (HDD/SSD) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính xách tay ,Model: Dell Vostro 3491 70223127 (P89G007) CPU: Intel® Core™ i3-1005G1 (1.20GHz upto 3.40GHz, 4MB) RAM: 4GB(4GBx1)DDR4 2666MHz ( 2 khê) Ổ cứng: 256GB M.2 PCIe NVMe + 1 slot 2.5" (HDD/SSD) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính xách tay ,Model: Dell Vostro 3491 70223127 (P89G007) CPU: Intel® Core™ i3-1005G1 (1.20GHz upto 3.40GHz, 4MB) RAM: 4GB(4GBx1)DDR4 2666MHz ( 2 khê) Ổ cứng: 256GB M.2 PCIe NVMe + 1 slot 2.5" (HDD/SSD) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính xách tay ,Model: Dell Vostro 3491 70223127 (P89G007) CPU: Intel® Core™ i3-1005G1 (1.20GHz upto 3.40GHz, 4MB) RAM: 4GB(4GBx1)DDR4 2666MHz ( 2 khê) Ổ cứng: 256GB M.2 PCIe NVMe + 1 slot 2.5" (HDD/SSD) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính xách tay ,Model: Dell Vostro 3491 70223127 (P89G007) CPU: Intel® Core™ i3-1005G1 (1.20GHz upto 3.40GHz, 4MB) RAM: 4GB(4GBx1)DDR4 2666MHz ( 2 khê) Ổ cứng: 256GB M.2 PCIe NVMe + 1 slot 2.5" (HDD/SSD) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính để bàn phục vụ công tác truyền thông, Model: Dell Vostro 3671 MT i7 9700 8gb 1 TB DVDRW 5in1 Win 10 màn hình Dell F2318H IPS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính xách tay phục vụ công tác truyền thông, Model: HP 15s-du 1040 TX, Core i7-10510 (1.80 GHz,8MB), 8GB RAM DDR4,512GD SSD, GF XM130 2GB, màn hình 15,6in, Win 10 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính xách tay Laptop Asus Vivobook S533JQ-BQ015T CPU Core i5 10210U 1.6Ghz-6Mb/8GB/512GB SSD/15.6FHD/MX350 2GB DDR5/Win10/White) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính xách tay Laptop Asus Vivobook S533JQ-BQ015T CPU Core i5 10210U 1.6Ghz-6Mb/8GB/512GB SSD/15.6FHD/MX350 2GB DDR5/Win10/White) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính đồng bộ để bàn Model: Dell G 5SVH06 ID 00327-35915-44787-AAOEM CPU: Intel® Core™ i7-10700 CPU @ 2.90GHz, RAM 8.00GB (7.75 CB usable), System type: 64-bit | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính đồng bộ để bàn Model: Dell G 5SVH06 ID 00327-35915-44787-AAOEM CPU: Intel® Core™ i7-10700 CPU @ 2.90GHz, RAM 8.00GB (7.75 CB usable), System type: 64-bit | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Model CMS X-Media XM3H-F66HLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 240GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB Phần mềm diệt virut Chức năng chính Internet Security | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu và phụ kiện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE + Màn chiếu và phụ kiện Hãng sản xuất: VIEWSONIC Mã sản phẩm: PA503XE Thương hiệu: Thuộc nước Mỹ hoặc các nước trong nhóm G7 Xuất xứ: Trung Quốc Công nghệ: DLP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu và phụ kiện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE + Màn chiếu và phụ kiện Hãng sản xuất: VIEWSONIC Mã sản phẩm: PA503XE Thương hiệu: Thuộc nước Mỹ hoặc các nước trong nhóm G7 Xuất xứ: Trung Quốc Công nghệ: DLP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu và phụ kiện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE + Màn chiếu và phụ kiện Hãng sản xuất: VIEWSONIC Mã sản phẩm: PA503XE Thương hiệu: Thuộc nước Mỹ hoặc các nước trong nhóm G7 Xuất xứ: Trung Quốc Công nghệ: DLP | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy chiếu + Màn chiếu và phụ kiện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE + Màn chiếu và phụ kiện Hãng sản xuất: VIEWSONIC Mã sản phẩm: PA503XE Thương hiệu: Thuộc nước Mỹ hoặc các nước trong nhóm G7 Xuất xứ: Trung Quốc Công nghệ: DLP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu và phụ kiện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE + Màn chiếu và phụ kiện Hãng sản xuất: VIEWSONIC Mã sản phẩm: PA503XE Thương hiệu: Thuộc nước Mỹ hoặc các nước trong nhóm G7 Xuất xứ: Trung Quốc Công nghệ: DLP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu vật thể Tsisun DN-900H Hãng sản xuất: Tsisun Mã sản phẩm: DN-900H Cảm biến hình ảnh : 1/3" imaging sensor,Điểm ảnh :5,000,000 Phân giải : 750 TV lines, Độ phóng đại : Max 105x | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu vật thể Tsisun DN-900H Hãng sản xuất: Tsisun Mã sản phẩm: DN-900H Cảm biến hình ảnh : 1/3" imaging sensor,Điểm ảnh :5,000,000 Phân giải : 750 TV lines, Độ phóng đại : Max 105x | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu vật thể Tsisun DN-900H Hãng sản xuất: Tsisun Mã sản phẩm: DN-900H Cảm biến hình ảnh : 1/3" imaging sensor,Điểm ảnh :5,000,000 Phân giải : 750 TV lines, Độ phóng đại : Max 105x | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu vật thể Tsisun DN-900H Hãng sản xuất: Tsisun Mã sản phẩm: DN-900H Cảm biến hình ảnh : 1/3" imaging sensor,Điểm ảnh :5,000,000 Phân giải : 750 TV lines, Độ phóng đại : Max 105x | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu vật thể Tsisun DN-900H Hãng sản xuất: Tsisun Mã sản phẩm: DN-900H Cảm biến hình ảnh : 1/3" imaging sensor,Điểm ảnh :5,000,000 Phân giải : 750 TV lines, Độ phóng đại : Max 105x | 1 | Cái | | x | | | | | |
| **TÀI SẢN,LỚP HỌC** | | | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu + Màn chiếu điện Máy chiếu VIEWSONIC PA503XE Công nghệ DLP DC type DC3 Độ phân giải thực XGA (1024x768) Cường độ sáng 4000 ANSI lumen Chế độ bảo hành 02 năm cho thân máy, 01 năm hoặc 1000 giờ cho bóng đèn (tùy điều kiện nào đến trước) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| **PHÒNG THỰC HÀNH TIN HỌC** | | | | | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy vi tính thương hiệu Việt nam CMS Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS<br>Hãng sản xuất CMS Model CMS X-Media XM3H-F66FLC Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-10100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) Chipset Intel® H410 Bộ nhớ (Ram) 4GB Bus 2400/2666Mhz (support up to 64GB) Ổ cứng SSD 120GB Màn hình LED 19.5" Widescreen Bàn phím CMS standard chuẩn USB Chuột CMS Optical chuẩn USB | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn Dell Vostro 3681-STI38400W1-4G-1T; Intel Core i3 10105 (4- Core, 6M,3.7 GHz to 4.4 GHz) HDD chuột bàn phím, Windows 11 Microsoft, ổ đĩa cứng Kingmax PQ3480 128GB; màn hình Dell LCD-E2222H-21.5" WHD-3Y | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ti vi di động kết hợp với bảng trượt thông minh 4 tấm Kích thước theo thiết kế (Phần bàn kích thước (DxRXC): 1,8 x 0,8 x 0,8(m)<br>Tivi Thương hiệu Sony<br>Mã sản phẩm KD-75X80K<br>LKích thước màn hình: 75 inch | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ti vi di động kết hợp với bảng trượt thông minh 4 tấm Kích thước theo thiết kế (Phần bàn kích thước (DxRXC): 1,8 x 0,8 x 0,8(m)<br>Tivi Thương hiệu Sony<br>Mã sản phẩm KD-75X80K<br>LKích thước màn hình: 75 inch | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ti vi di động kết hợp với bảng trượt thông minh 4 tấm Kích thước theo thiết kế (Phần bàn kích thước (DxRXC): 1,8 x 0,8 x 0,8(m)<br>Tivi Thương hiệu Sony<br>Mã sản phẩm KD-75X80K<br>LKích thước màn hình: 75 inch | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ti vi di động kết hợp với bảng trượt thông minh 4 tấm Kích thước theo thiết kế (Phần bàn kích thước (DxRXC): 1,8 x 0,8 x 0,8(m)<br>Tivi Thương hiệu Sony<br>Mã sản phẩm KD-75X80K<br>LKích thước màn hình: 75 inch | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ti vi di động kết hợp với bảng trượt thông minh 4 tấm Kích thước theo thiết kế (Phần bàn kích thước (DxRXC): 1,8 x 0,8 x 0,8(m)<br>Tivi Thương hiệu Sony<br>Mã sản phẩm KD-75X80K<br>LKích thước màn hình: 75 inch | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ti vi di động kết hợp với bảng trượt thông minh 4 tấm Kích thước theo thiết kế (Phần bàn kích thước (DxRXC): 1,8 x 0,8 x 0,8(m)<br>Tivi Thương hiệu Sony<br>Mã sản phẩm KD-75X80K<br>LKích thước màn hình: 75 inch | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ti vi di động kết hợp với bảng trượt thông minh 4 tấm Kích thước theo thiết kế (Phần bàn kích thước (DxRXC): 1,8 x 0,8 x 0,8(m)<br>Tivi Thương hiệu Sony<br>Mã sản phẩm KD-75X80K<br>LKích thước màn hình: 75 inch | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ti vi di động kết hợp với bảng trượt thông minh 4 tấm Kích thước theo thiết kế (Phần bàn kích thước (DxRXC): 1,8 x 0,8 x 0,8(m)<br>Tivi Thương hiệu Sony<br>Mã sản phẩm KD-75X80K<br>LKích thước màn hình: 75 inch | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ti vi di động kết hợp với bảng trượt thông minh 4 tấm Kích thước theo thiết kế (Phần bàn kích thước (DxRXC): 1,8 x 0,8 x 0,8(m)<br>Tivi Thương hiệu Sony<br>Mã sản phẩm KD-75X80K<br>LKích thước màn hình: 75 inch | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Ti vi di động kết hợp với bảng trượt thông minh 4 tấm Kích thước theo thiết kế (Phần bàn kích thước (DxRXC): 1,8 x 0,8 x 0,8(m)<br>Tivi Thương hiệu Sony<br>Mã sản phẩm KD-75X80K<br>LKích thước màn hình: 75 inch | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ti vi di động kết hợp với bảng trượt thông minh 4 tấm Kích thước theo thiết kế (Phần bàn kích thước (DxRXC): 1,8 x 0,8 x 0,8(m)<br>Tivi Thương hiệu Sony<br>Mã sản phẩm KD-75X80K<br>LKích thước màn hình: 75 inch | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy hủy tài liệu Model: PS-510C<br>- Huỷ liên tục: 300 tờ<br>- Trọng lượng (kg): 68.7<br>- Công nghệ Mỹ, chính hãng<br>– Bảo hành: 12 tháng | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ti vi 75 Inch Sony Thương hiệu Sony<br>Mã sản phẩm KD-75X80K<br>LKích thước màn hình: 75 inch<br>Độ phân giải 4K Ultra HD(3840x2160px) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ti vi 75 Inch Sony Thương hiệu Sony<br>Mã sản phẩm KD-75X80K<br>LKích thước màn hình: 75 inch<br>Độ phân giải 4K Ultra HD(3840x2160px) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống loa âm thanh gồm: + Loa California SP - 1000<br>Loa Treble : 10 cm x 2<br>Loa Bass : 25 Cm x 1<br>Kích thước(mm) rộng x cao x sâu : 510 x 320 x 305<br>+Âm ly: TAKSTAR EKA-D8A<br>+ Bộ micro không dây cầm tay.Phạm vi tần số : 640MHz-690MHz<br>+ Míc cổ ngỗng để bàn siêu nhạy: TOA ST-800<br>+ Tủ đựng thiết bị | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống loa âm thanh gồm: + Loa California SP - 1000<br>Loa Treble : 10 cm x 2<br>Loa Bass : 25 Cm x 1<br>Kích thước(mm) rộng x cao x sâu : 510 x 320 x 305<br>+Âm ly: TAKSTAR EKA-D8A<br>+ Bộ micro không dây cầm tay.Phạm vi tần số : 640MHz-690MHz<br>+ Míc cổ ngỗng để bàn siêu nhạy: TOA ST-800<br>+ Tủ đựng thiết bị | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu Viewsonic Model: LS610WHE Cân nặng: 5 kg. Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 24 tháng cho thân máy, 12 tháng hoặc 1000 giờ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu Viewsonic Model: LS610WHE Cân nặng: 5 kg. Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 24 tháng cho thân máy, 12 tháng hoặc 1000 giờ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu Viewsonic Model: LS610WHE Cân nặng: 5 kg. Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 24 tháng cho thân máy, 12 tháng hoặc 1000 giờ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu Viewsonic Model: LS610WHE Cân nặng: 5 kg. Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 24 tháng cho thân máy, 12 tháng hoặc 1000 giờ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu Viewsonic Model: LS610WHE Cân nặng: 5 kg. Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 24 tháng cho thân máy, 12 tháng hoặc 1000 giờ | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy chiếu Viewsonic Model: LS610WHE Cân nặng: 5 kg. Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 24 tháng cho thân máy, 12 tháng hoặc 1000 giờ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu Viewsonic Model: LS610WHE Cân nặng: 5 kg. Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 24 tháng cho thân máy, 12 tháng hoặc 1000 giờ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu Viewsonic Model: LS610WHE Cân nặng: 5 kg. Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 24 tháng cho thân máy, 12 tháng hoặc 1000 giờ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu Viewsonic Model: LS610WHE Cân nặng: 5 kg. Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 24 tháng cho thân máy, 12 tháng hoặc 1000 giờ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu Viewsonic Model: LS610WHE Cân nặng: 5 kg. Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 24 tháng cho thân máy, 12 tháng hoặc 1000 giờ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu Viewsonic Model: LS610WHE Cân nặng: 5 kg. Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 24 tháng cho thân máy, 12 tháng hoặc 1000 giờ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu Viewsonic Model: LS610WHE Cân nặng: 5 kg. Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 24 tháng cho thân máy, 12 tháng hoặc 1000 giờ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu Viewsonic Model: LS610WHE Cân nặng: 5 kg. Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 24 tháng cho thân máy, 12 tháng hoặc 1000 giờ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu Viewsonic Model: LS610WHE Cân nặng: 5 kg. Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 24 tháng cho thân máy, 12 tháng hoặc 1000 giờ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu Viewsonic Model: LS610WHE Cân nặng: 5 kg. Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 24 tháng cho thân máy, 12 tháng hoặc 1000 giờ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu Viewsonic Model: LS610WHE Cân nặng: 5 kg. Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 24 tháng cho thân máy, 12 tháng hoặc 1000 giờ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu Viewsonic Model: LS610WHE Cân nặng: 5 kg. Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 24 tháng cho thân máy, 12 tháng hoặc 1000 giờ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu Viewsonic Model: LS610WHE Cân nặng: 5 kg. Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 24 tháng cho thân máy, 12 tháng hoặc 1000 giờ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu Viewsonic Model: LS610WHE Cân nặng: 5 kg. Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 24 tháng cho thân máy, 12 tháng hoặc 1000 giờ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chiếu Viewsonic Model: LS610WHE Cân nặng: 5 kg. Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 24 tháng cho thân máy, 12 tháng hoặc 1000 giờ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy vi tính FTA2210i Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz Upto 4.3Ghz)+C49:D61 RAM '4GB DDR4 ; Hỗ trợ 6 khe cắm RAM DDR4 Ổ cứng SSD dung lượng 256GB 'Màn hình FPT Elead 21.5" LED Bàn phìm vi tính FPT Elead Chuột vi tính FPT Elead | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy tính HP Model: HP Pro Tower 280 G9 ntel Core i3-12100 ( 3.3 GHz - 4.4 GHz / 12MB / 4 nhân, 8 luồng ) RAM 8GB DDR4 2933 MHz ( 2 Khe cắm) ổ cứng 256GB M.2 NVMe SSD, Màn hình 21.5" HP V22i, Keyboard, Mouse | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính HP Model: HP Pro Tower 280 G9 ntel Core i3-12100 ( 3.3 GHz - 4.4 GHz / 12MB / 4 nhân, 8 luồng ) RAM 8GB DDR4 2933 MHz ( 2 Khe cắm) ổ cứng 256GB M.2 NVMe SSD, Màn hình 21.5" HP V22i, Keyboard, Mouse | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính HP Model: HP Pro Tower 280 G9 ntel Core i3-12100 ( 3.3 GHz - 4.4 GHz / 12MB / 4 nhân, 8 luồng ) RAM 8GB DDR4 2933 MHz ( 2 Khe cắm) ổ cứng 256GB M.2 NVMe SSD, Màn hình 21.5" HP V22i, Keyboard, Mouse | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính HP Model: HP Pro Tower 280 G9 ntel Core i3-12100 ( 3.3 GHz - 4.4 GHz / 12MB / 4 nhân, 8 luồng ) RAM 8GB DDR4 2933 MHz ( 2 Khe cắm) ổ cứng 256GB M.2 NVMe SSD, Màn hình 21.5" HP V22i, Keyboard, Mouse | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính HP Model: HP Pro Tower 280 G9 ntel Core i3-12100 ( 3.3 GHz - 4.4 GHz / 12MB / 4 nhân, 8 luồng ) RAM 8GB DDR4 2933 MHz ( 2 Khe cắm) ổ cứng 256GB M.2 NVMe SSD, Màn hình 21.5" HP V22i, Keyboard, Mouse | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính HP Model: HP Pro Tower 280 G9 ntel Core i3-12100 ( 3.3 GHz - 4.4 GHz / 12MB / 4 nhân, 8 luồng ) RAM 8GB DDR4 2933 MHz ( 2 Khe cắm) ổ cứng 256GB M.2 NVMe SSD, Màn hình 21.5" HP V22i, Keyboard, Mouse | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính HP Model: HP Pro Tower 280 G9 ntel Core i3-12100 ( 3.3 GHz - 4.4 GHz / 12MB / 4 nhân, 8 luồng ) RAM 8GB DDR4 2933 MHz ( 2 Khe cắm) ổ cứng 256GB M.2 NVMe SSD, Màn hình 21.5" HP V22i, Keyboard, Mouse | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính HP Model: HP Pro Tower 280 G9 ntel Core i3-12100 ( 3.3 GHz - 4.4 GHz / 12MB / 4 nhân, 8 luồng ) RAM 8GB DDR4 2933 MHz ( 2 Khe cắm) ổ cứng 256GB M.2 NVMe SSD, Màn hình 21.5" HP V22i, Keyboard, Mouse | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính HP Model: HP Pro Tower 280 G9 ntel Core i3-12100 ( 3.3 GHz - 4.4 GHz / 12MB / 4 nhân, 8 luồng ) RAM 8GB DDR4 2933 MHz ( 2 Khe cắm) ổ cứng 256GB M.2 NVMe SSD, Màn hình 21.5" HP V22i, Keyboard, Mouse | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính HP Model: HP Pro Tower 280 G9 ntel Core i3-12100 ( 3.3 GHz - 4.4 GHz / 12MB / 4 nhân, 8 luồng ) RAM 8GB DDR4 2933 MHz ( 2 Khe cắm) ổ cứng 256GB M.2 NVMe SSD, Màn hình 21.5" HP V22i, Keyboard, Mouse | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính HP Model: HP Pro Tower 280 G9 ntel Core i3-12100 ( 3.3 GHz - 4.4 GHz / 12MB / 4 nhân, 8 luồng ) RAM 8GB DDR4 2933 MHz ( 2 Khe cắm) ổ cứng 256GB M.2 NVMe SSD, Màn hình 21.5" HP V22i, Keyboard, Mouse | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính HP Model: HP Pro Tower 280 G9 ntel Core i3-12100 ( 3.3 GHz - 4.4 GHz / 12MB / 4 nhân, 8 luồng ) RAM 8GB DDR4 2933 MHz ( 2 Khe cắm) ổ cứng 256GB M.2 NVMe SSD, Màn hình 21.5" HP V22i, Keyboard, Mouse | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính HP Model: HP Pro Tower 280 G9 ntel Core i3-12100 ( 3.3 GHz - 4.4 GHz / 12MB / 4 nhân, 8 luồng ) RAM 8GB DDR4 2933 MHz ( 2 Khe cắm) ổ cứng 256GB M.2 NVMe SSD, Màn hình 21.5" HP V22i, Keyboard, Mouse | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính HP Model: HP Pro Tower 280 G9 ntel Core i3-12100 ( 3.3 GHz - 4.4 GHz / 12MB / 4 nhân, 8 luồng ) RAM 8GB DDR4 2933 MHz ( 2 Khe cắm) ổ cứng 256GB M.2 NVMe SSD, Màn hình 21.5" HP V22i, Keyboard, Mouse | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính HP Model: HP Pro Tower 280 G9 ntel Core i3-12100 ( 3.3 GHz - 4.4 GHz / 12MB / 4 nhân, 8 luồng ) RAM 8GB DDR4 2933 MHz ( 2 Khe cắm) ổ cứng 256GB M.2 NVMe SSD, Màn hình 21.5" HP V22i, Keyboard, Mouse | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn CMS Model: CMS X-Media XQ3K-F86 Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3 12100 Processor (3.30Ghz, 12MB Intel® Smart Cache/4C/4PC/8T) ram 8GB bus 2666MHz DDR4 ssd 240GB SSD SATA3; Màn hình: 21.5" LED; Bàn phím: CMS; Chuột: CMS | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy photocopy Ricoh Model: Ricoh IM 2702 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Scan HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Scan HP + Máy in laser A3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tinh xách tay HP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy tính để bàn Asus V241 EAK-BA128W | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy điều hòa Daikin inverter 2 chiều | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa nhiệt độ Daikin | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa nhiệt độ Daikin | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy điều hòa không khí Panasocic | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa không khí 1 chiều inveter 12000 BTU | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa không khí 1 chiều inveter 12000 BTU | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa không khí 1 chiều inveter 12000 BTU | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa không khí 1 chiều inveter 12000 BTU | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa không khí 1 chiều inveter 12000 BTU | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa không khí 1 chiều inveter 12000 BTU | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa không khí 1 chiều inveter 12000 BTU | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa 12000 BTU | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa 12000 BTU phòng pha chế đồ uống | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa 12000 BTU phòng thực hành buồng lễ tân | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa 12000 BTU phòng thực hành buồng lễ tân | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy điều hoà không khí hai cụm (âm trần) FHC30PUV2V/R30PUV2V/ Daikin | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy điều hoà không khí hai cụm (âm trần)FHC30PUV2V/R30PUV2V/ Daikin | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy điều hoà không khí hai cụm (âm trần)FHC30PUV2V/R30PUV2V/ Daikin | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy điều hoà không khí hai cụm (áp trần)FHNQ26MV1/RNQ26MY1/Daikin | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy điều hoà không khí hai cụm (áp trần)FHNQ26MV1/RNQ26MY1/Daikin | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy điều hoà không khí hai cụm (áp trần)FHNQ26MV1/RNQ26MY1/Daikin | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy điều hoà không khí hai cụm (dấu trần)FDBNQ26MV1/RNQ26MY1/Daikin | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy điều hoà không khí hai cụm (dấu trần)FDBNQ26MV1/RNQ26MY1/Daikin | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy điều hoà không khí hai cụm (dấu trần)FDBNQ26MV1/RNQ26MY1/Daikin | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa nhiệt độ Panasonic 1 chiều 12000BTU N12VKH-8 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa nhiệt độ Panasonic 1 chiều 12000BTU N12VKH-8 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa nhiệt độ Panasonic 1 chiều 12000BTU N12VKH-8 | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Điều hòa nhiệt độ Panasonic 1 chiều 12000BTU N12VKH-8 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa nhiệt độ Panasonic 1 chiều 12000BTU N12VKH-8 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa nhiệt độ Panasonic 1 chiều 12000BTU N12VKH-8 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa nhiệt độ Panasonic 1 chiều 12000BTU N12VKH-8 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa nhiệt độ Panasonic 1 chiều 12000BTU N12VKH-8 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa nhiệt độ Panasonic 1 chiều 12000BTU N12VKH-8 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa Daikin 2 cục âm trần 36000BTU,Daikin | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ bàn ghế slong gỗ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ bàn ghế slong gỗ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ bàn ghế slong gỗ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ Salon gỗ SN 2011A | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn họp giao ban hòa phát SCT 7522 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ bàn ghế salong gỗ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ bàn ghế salong gỗ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn ghế uống nước | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ bàn ghế salong 201 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn họp sơn mầu nâu PU Cao cấp Hòa phát | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ Salon gỗ HL 2020 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Pano khẩu hiệu và khẩu hiệu 2 bên cánh gà, | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Camera,VHD-V71C USB HD PTZ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Màn hình hiển thị,Tivi LED LG 75 inch 75UM7500PTA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn họp elip (30 chỗ ngồi) Hòa Phát | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn ghế tiếp khách Daystar DS-TK05TN Model:DS - TK05TN Chất liệu bằng gỗ sồi Gồm 1 ghế băng, 2 ghế đơn, 1 bàn dài, 1 bàn nhỏ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn ghế tiếp khách Daystar DS-TK05TN Model:DS - TK05TN Chất liệu bằng gỗ sồi Gồm 1 ghế băng, 2 ghế đơn, 1 bàn dài, 1 bàn nhỏ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn ghế tiếp khách Daystar DS-TK05TN Model:DS - TK05TN Chất liệu bằng gỗ sồi Gồm 1 ghế băng, 2 ghế đơn, 1 bàn dài, 1 bàn nhỏ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn họp hội trường (Dưới 15 chỗ ngồi) Daystar DS-5100BH Chất liệu: Gỗ công nghiệp cao cấp | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ Kính TKS28-DN/ Dũng Ngân | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tủ Kính TKS28-DN/ Dũng Ngân | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy quay | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy in photo Ricoh Aficio MP 4002 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy quét ảnh Scan HP 3000S3 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy in bằng tốt nghiệp Olivetti Rr 2 Plus | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy in kim Olivetti PR2 Plus | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy giặt Panosonic F130 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Scan Plustek PS 3060 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tivi Model UA43M5500 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy giặt Electrolux Model EWF14113 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy quay Sony Model HDR-PJ675 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy ảnh KTS Canon EOS 750D ( kèm ống kính EF-S 18-55mm F/3.5-5.6IS STM (chính hãng) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy in phun World-color LT3202 Đầu phun XP600 Độ phân giải 1440 Dpi Phần mềm in Main Top Hệ điều hành in Win XP/ Win 7 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy cắt bế tem nhãn decal Z13Pro | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Photocopy CANON IR 2530W | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy phát điện Honda ,Honda GS10KVA | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy photocopy , CANON IR 2545W | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy photocopy , CANON IR 2545W | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Hệ thống màn Led P10 ngoài trời (10,56m x 0,96m) , HXLED P10 Outdoor | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Màn hình hiển thị - Tivi Sam sung 75 inch 75RU7100 Model:UA75RU7100KXXV | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Màn hình hiển thị -Ti vi Sam sung,Tivi Samsung 4K 55 inch 55RU7100 UHD ,Tivi Samsung 4K 55 inch 55RU7100 UHD | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Màn hình hiển thị -Ti vi Sam sung,Tivi Samsung 4K 55 inch 55RU7100 UHD ,Tivi Samsung 4K 55 inch 55RU7100 UHD | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy Ảnh Canon ,Canon EOS 80D kèm KIT 18-55 F/3.5-5.6 IS STM,Canon EOS 80D kèm KIT 18-55 F/3.5-5.6 IS STM | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy in laser Canon,Model: Canon LBP 8100N,Model: Canon LBP 8100N | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy quay phim Sony,Model: PXW-Z90. Cảm biến 1 inch 14MP | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy ảnh Canon,Model: EOS 800D Kit EF S18 - 55 IS STM. | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy ảnh KTS EOS 1500D 1855-Đen Sản phẩm: Máy ảnh KTS Hãng sản xuất: Canon Model: EOS 1500D 1855-Đen Cảm biến hình ảnh: CMOS Màn hình: 3.0Inch Thẻ nhớ SD Extreme Pro Sandisk SDXC V30 128Gb (Read/Write:170/90MB/s) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy ảnh KTS EOS 1500D 1855-Đen Sản phẩm: Máy ảnh KTS Hãng sản xuất: Canon Model: EOS 1500D 1855-Đen Cảm biến hình ảnh: CMOS Màn hình: 3.0Inch Thẻ nhớ SD Extreme Pro Sandisk SDXC V30 128Gb (Read/Write:170/90MB/s) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy quay KTS Sony Handycam 4K FDR AXP55 64Gb Sản phẩm: Máy quay KTS Hãng sản xuất: Sony Model: Handycam 4K FDR AXP55 Cảm biến hình ảnh: CMOS Màn hình: 3.0Inch Thẻ nhớ SD Extreme Pro Sandisk 256Gb (Read/Write:95/90MB/s) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy quay KTS Sony Handycam 4K FDR AXP55 64Gb Sản phẩm: Máy quay KTS Hãng sản xuất: Sony Model: Handycam 4K FDR AXP55 Cảm biến hình ảnh: CMOS Màn hình: 3.0Inch Thẻ nhớ SD Extreme Pro Sandisk 256Gb (Read/Write:95/90MB/s) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy ảnh KTS Canon EOS 90D Kit 1855 + Ống Kính Canon EF-S55-250mm f/4-5.6 IS STM + Chân máy Benro video TRIPOD KH25 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy quay sony Model: Sony PXW-Z90 Cảm biến CMOS Exmor RS 1inch UHD 4K (3840 x 2160) đến 30p | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Laptop Dell Model: Inspiron 7501 X3MRY1 Sản phẩm: Máy tính xách tay Tên Hãng: Dell Bộ VXL: Core i7 10750H 2.6Ghz Up to 5.0Ghz-12Mb Cạc đồ họa: 4Gb DDR6 Bộ nhớ: 8Gb ((bus 2933MHz onboard + 1 khe ram )) Ổ cứng/ Ổ đĩa quang: 512Gb SSD/ Không có Màn hình: 15.6Inch Full HD | 1 | Cái | | x | | | | | |
| **Biển hiệu, bục, ghế gấp hội trường** | | | | | | | | | |
| Biển hiệu Pano khẩu hiệu "ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM QUANG VINH MUÔN NĂM" và khẩu hiệu 2 bên cánh gà<br>Mã sản phẩm: BH | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Trường cao đẳng Lào Cai"; KT: 16m*1,65 m<br>Chất liệu chữ inox chân cao 10 cm viền inox vàng gương 201; chiều cao của chữ 111,5 cm; rộng 2cm mặt meka đài loan đỏ 3 mm bên trong chạy đèn led 3 mắt Modul led 12v Hàn Quốc, nền aluminun 2mm, phía sau ốp alu khung sắt hộp 20x40 dày 1,1mm đỡ phía sau<br>Uốn chữ dựng nổi + nguồn + mach | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Logo treo tầng 4, KT: 4m*4m<br>Chất liệu: mặt alu Vertu 3mm Khung sắt hộp 20*20 dày 1,1mm mặt alu Vertu chữ dầy 20cm chân chữ alu Vertu 2mm; Khung sắt bộ chữ LAO CAI COLLGE ( KT: 900cm x 44,28cm); khung sắt hộp 20x40 cm dày 1,1mm | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Bộ chữ: "Nhân văn kỹ thuật hội nhập" Kt: 12,7*0,67m<br>Chất liệu:mặt alu Vertu 2007 3mm Khung sắt hộp 20*40 dày 1,1mm đỡ chữ mặt alu Vertu chữ dầy 20cm chân chữ alu Vertu 2mm | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ chữ: "Đoàn kết-dân chủ-sáng tạo" Kt: 12,7*0,67m<br>Chất liệu: mặt alu Vertu 3mm Khung sắt hộp 20*40 dày 1,1mm mặt alu Vertu chữ dầy 20cm chân chữ alu Vertu 2007 3mm | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ chữ: "Tích lũy kiến thức rèn luyện tay nghề vững bước tương lai" Kt: 44,2*0,75m<br>Chất liệu: mặt alu Vertu 3mm Khung sắt hộp 20*20 mặt alu Vertu chữ dầy 20cm chân chữ alu Vertu 2007 3mm | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ chữ: "học sinh sinh viên luyện đức luyện tài vì ngày mai lập nghiệp" Kt: 34,2*0,775m<br>Chất liệu: mặt alu Vertu 3mm Khung sắt hộp 20*40 dày 1,1mm mặt alu Vertu chữ dầy 20cm chân chữ alu Vertu 2007 3mm | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ chữ: "Học để biết học để làm học để sáng tạo và khởi nghiệp" Kt: 34,2*0,775m<br>Chất liệu: mặt alu Vertu 3mm Khung sắt hộp 20*40 dày 1,1mm mặt alu Vertu chữ dầy 20cm chân chữ alu Vertu 2007 3mm | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Biển ngoài cổng trường "Trường cao đẳng Lào Cai" KT: 9*1m<br>Chất liệu: Nền alu Vertu giả đá dày 3mm, kẻ V viền inox vàng gương, chữ Inox 201 vàng gương, chân chữ inox 201 cao 4cm; chiều cao chữ 56,11cm. Khung sắt hộp 20*40 dày 1,1mm; mặt alu Vertu chữ dầy 20cm | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Backgroup KT: 3,5*2,2m<br>Chất liệu: Nền alu vân đá dày 3mm, mặt logo aluminum vertu dày 3mm dựng nổi 4cm, chữ ỦY BAN DÂN DÂN TỈNH LÀO CAI ( 2,1*1,7m) mặt chữ alu vàng gương 3mm;; dựng nổi 1,8cm bằng formex 1,8cm ; chữ TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÀO CAI( 302,09*30,75cm) mặt chữ alu vàng gương 3mm, dựng chữ nổi 1,8cm bằng formex 1,8cm; chữ LAO CAI COLLEGE( 249,52*12.28cm)Khung sắt hộp 30x30 cm dày 1,1mm ốp alu giả đá chữ alu nổi | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Đèn led ma trận KT: 8*0.7m<br>Quy cách: led ma trận loại ngoài trời<br>Biển ma trận 3 màu P10:TEM<br>Thông số kỹ thuật<br>Khoảng cách điểm ảnh10 mm | 1 | Cái | | x | | | | | |
| **TB HẠ TẦNG MẠNG** | | | | | | | | | |
| Thiết bị cân bằng tải Model/ CCR1016-12S-1S+/Mikrotik<br>Latvia | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị cân bằng tải Model/ CCR1016-12S-1S+/Mikrotik<br>Latvia | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị tường lửa Model/ ASA5508-K9/Cisco | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị tường lửa Model/ ASA5508-K9/Cisco | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị tường lửa Model/ ASA5508-K9/Cisco | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị chuyển mạch (Switch 16 cổng quang) Model MGSW-24160F/PLANET | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Thiết bị chuyển mạch (Switch 16 cổng quang) Model MGSW-24160F/PLANET | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy chủ T440/ Dell | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Windows Server Std 2019 OEM 64Bit English 1pk DSP OEI DVD 16 Core (P73-07788) Windows Server Std 2019 OEM 64Bit/ Microsoft | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bộ lưu điện UPS cho máy chủ Model SMC2000I/ APC | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ống kính Sony EPZ 18-105 MM F/4G OSS (SELP18105G) | 1 | Cái | | x | | | | | |

| TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quản lý nhà nước | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác |
| | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| Máy lọc nước công nghiệp Aqua 50L | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy lọc nước công nghiệp Aqua 50L | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy lọc nước công nghiệp Aqua 50L | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy lọc nước công nghiệp Aqua 50L | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy lọc nước công nghiệp Aqua 50L | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy lọc nước công nghiệp Aqua 50L | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Bàn họp elip (30 chỗ ngồi) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy in kim Olivetti PR2 Plus | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa LG B18END (18.000BTU) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa LG B18END (18.000BTU) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Điều hòa Invester (18.000BTU) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Ốp gỗ hội trường tầng 6 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tài sản viện trợ từ công ty Văn Lang | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy lọc nước Kangaroo 50L | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Máy quét HP ScanJet Enterprise Flow Scan tài liệu trắng đen, công suất Scan lên đến 7500 trang/ngày. | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Phần mềm QL đào tạo theo tín chỉ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Phần mềm học ngoại ngữ JER - HL 1560 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Phần mềm Quản lý nhà hàng Model: Vinapos | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Phần mềm thanh toán Model: Vinapos | 1 | Cái | | x | | | | | |
| phần mềm quản lý đề thi theo hóa đơn số 31136 ngày 26/12/19 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Quản lý đào tạo Đại học - Cao đẳng hệ tín chỉ | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tích hợp module đào tạo Cao đẳng hệ Tín chỉ theo TT 09/2017 /TT- BLĐ TB&XH | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Tích hợp module đào tạo Cao đẳng hệ Tín chỉ theo TT 43 của Bộ GDĐT | 1 | Cái | | x | | | | | |
| module quản lý đào tạo Trung cấp niên chế theo TT 09/2017 /TT- BLĐ TB&XH | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Module tuyển sinh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Module lập và quản lý thời khóa biểu | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Module Quản trị thi chắc nghiệm kết hợp hệ thống thi trắc nghiệm online Moodle | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Các Module chính của cổng thông tin điện tử | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Module khảo sát sinh viên trước khi xem điểm online, | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Phần mềm cubase,Phần mềm cubase bản artist 10.5 | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Phần mềm điều hành tour và hướng dẫn viên,Gói: Pro | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Phần mềm thanh toán ,Tên sản phẩm: Thuê Phần mềm thanh toán Sapo FnB Pro (30 năm) | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Phần mềm kho dữ liệu đào tạo phục vụ tuyển sinh | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Chi phí xây dựng phần mềm quản lý thi trắc nghiệm trực tuyến | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Phần mềm thi trắc nghiệm | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Phần mềm lập và quản lý thời khóa biểu theo hình thức giảng dạy | 1 | Cái | | x | | | | | |
| Phần mềm quản lý, lưu trữ, khai thác thông tin minh chứng | 1 | Cái | | x | | | | | |

*Lào Cai, ngày 24 tháng 02 năm 2025*

**KT.HIỆU TRƯỞNG**
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÀO CAI

**Trần Xuân Trường**